

Trưởng Lão THÍCH THÔNG LẠC



NGƯỜI PHẬT TỬ CẦN BIẾT

Tập 3
(Chánh Pháp Của Đức Thế Tôn)

KINH SÁCH ĐẠO ĐỨC CỦA MỌI NGƯỜI
(Các Nhóm Nguyên Thủy Hà Nội Sư Tập)

Thành Kính Tri Ân

***Đức Trưởng Lão Thích Thông Lạc
Người Đã Cho Phật Tử Chúng Con Cái
Nhìn Chánh Kiến & Chỉ Dạy Cho Phật
Tử Chúng Con, Đường Lối Tu Tập
Đúng Theo Chánh Pháp Nguyên Thủy.***



(Phật Tử Thanh Hóa nghênh đón Đức Trưởng Lão)

Lưu Ý : Kinh Sách Pháp Bảo Nền Ấn Tổng Truyền Bá Lưu Hành, Để Xây Dựng Đạo Đức Nhân Bản Giải Khổ Quần Sanh – Nếu Thủ Giữ Hoặc Làm Rách Hư Là Tự Đoạn Mất Hạt Giống Đạo Đức Giải Thoát Trong Những Kiếp Vị Lai!.

NỘI DUNG CỦA TẬP 3

MỤC LỤC	3
lời đầu Sách	5
Có hai lộ trình	10
Thiền Định	13
Chân lý thứ hai trong Tứ diệu đế Tập Đề	19
Hạnh và Minh	33
Biết rõ sự tái sinh trong tương lai	35
Kệ lúc thành đạo	40
Giới luật Phật là pháp tu tập căn bản để thoát khổ	43
Vượt dòng sanh tử	56
Xác định các pháp tu tập	59
Thiền Xả Tâm	67
Khi nào ngồi kiết già tu tập	73
Sanh đã tận phạm hạnh mới xong	83
Pháp Hướng Tâm	87
Những gì cần thông hiểu phải thông hiểu 4Niệm Xứ...	89
Thiền Thứ Tư	91
Kinh Bát Thành	93
Sơ thiền là pháp môn độc nhất trong kinh Bát Thành	95
Nhị thiền là pháp môn độc nhất trong kinh Bát Thành	96
Tam thiền là pháp môn độc nhất trong kinh Bát Thành	97
Tứ thiền là pháp môn độc nhất trong kinh Bát Thành	97
Từ tâm là pháp môn độc nhất trong kinh Bát Thành	98
Bi tâm là pháp môn độc nhất trong kinh Bát Thành	100
Hỷ tâm là pháp môn độc nhất trong kinh Bát Thành	101
Xả tâm là pháp môn độc nhất trong kinh Bát Thành	102
Bà La Môn	110

Tu Sĩ Phật Giáo phạmGiới phá Giới là Bà La Môn...	114
Là Phật tử phải tu đúng cách đúng cănơ đặc tướng	116
	Không sở hữu 120
	Tứ Chánh Cần 127
Đức Phật khuyên tu tập Bốn Tinh Cần	130
Người học phật phải có ChánhKiến&nhìn NhânQuả	142
Đức Phật xác định thể giới của con người	145
Đức Phật dạy Tu tập 3 pháp đoạn tận lậu hoặc	147
Bảy cách diệt lậu hoặc bằng Pháp Như Lý Tác Ý	153
	Bờ bên này bờ bên kia 172
	Quả Alahán 174
	Bậc Hiền Trí 177

(HẾT TẬP BA–MỜI QUÍ PHẬT TỬ ĐỌC TẬP TIẾP THEO)



(ĐứcTrưởngLão nói chuyện với PhậtTử LãoThành ở Thủ Đô Hà Nội)



LỜI ĐẦU SÁCH



*Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
Kính lễ Đức Trưởng Lão Thích Thông Lạc Bậc Thầy
Tôn kính của chúng con,
Kính bạch Giáo Đoàn Chơn Như & Phật tử nơi tu viện.
Kính thưa quý Phật Tử xa gần thân mến.*

*Để tiếp theo hai tập: “Người Phật Tử Cần Biết Tập I”
(Những Điều Phi Phật Pháp) và “Người Phật Tử Cần Biết
Tập II” (Những Kinh Điển Phật Giáo Nhưng Không Phải Do
Đức Phật Thuyết) ra đời đã khai thị Chánh Tri Kiến cho
Phật Tử bốn phương trong mấy năm qua.*

*Hôm nay các nhóm Nguyên Thủy Hà Nội chúng con
biên tập cho ra mắt bạn đọc tiếp: “NGƯỜI PHẬT TỬ CẦN
BIẾT. TẬP BA” (Chánh Pháp Của Đức Thể Tôn) để đáp
ứng nhu cầu tu học của Phật tử và sự mong đợi của bạn đọc.*

*Kính thưa quý vị! Sau khi chứng đạo dưới cội Bồ Đề,
Đức Phật Thích Ca Mâu Ni triển khai bốn chân lý của loài
người, để trở thành một Môn Học Đạo Đức Nhân Bản –
Nhân Quả, giúp cho con người biến cảnh thế gian thành
cảnh Thiên Đàng, Cực Lạc...*

*Nhưng phũ phàng thay! Chánh Pháp Phật – Nền Đạo
Đức Nhân Bản Nhân Quả đó đã bị chìm mất trên đất nước Ấn
Độ sau khi Đức Phật Nhập Niết Bàn không lâu... Cho đến
thế kỷ 20 sau Phật Thích Ca 2500 năm, ở đất nước Việt Nam,
tỉnh Tây Ninh, huyện Trảng Bàng thiêng liêng nơi tu viện
Chơn Như có một Bậc Thầy kính yêu, một Bậc Vĩ Nhân
Thánh Tăng Đương Đại của nhân loại đó là Đức Trưởng
Lão Thích Thông Lạc; Ngài đã tu chứng Thánh Quả Alahán
vết mây vô minh dựng lại Chánh Pháp Nguyên Thủy của*

Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, khai thị Chánh Tri Kiến cho nhân loại khắp hành tinh ở đầu thiên niên kỷ này.

Phật Tử chúng con xin thành kính dâng lễ Thầy, ước nguyện Thầy luôn được Pháp thể khinh an, kéo dài mạng căn tuổi thọ, để phục hưng Chánh Pháp Nguyên Thủy Thích Ca, dựng lại cho bằng được nền đạo đức nhân bản – nhân quả của Phật Giáo đã bị chìm mất 24 thế kỷ qua và điều dắt dạy dỗ chúng con tu tập đến nơi Thánh quả làm chủ sanh già bệnh chết.

Kính bạch Thầy, thời gian qua từ khi chúng con được uống Nguồn Pháp Nhũ Của Phật Giáo Nguyên Thủy mà Thầy đã ra công dựng lại đến nay, tuy gặp nhiều sóng gió khó khăn nhưng chúng con đã trưởng thành và lớn lên từ nguồn Pháp Nhũ mà Thầy đã ban rải. Thầy đã cho chúng con Đôi Mắt Chánh Kiến, Thầy đã trang bị cho chúng con đầy đủ Địa bàn và Tư lương để chúng con có đủ hành trang sẵn sàng lên đường về Xứ Phật... Lòng Bi mẫn của Thầy không bờ bến, chẳng quản tuổi già sức yếu, Thầy đã cần mẫn làm việc 22/24 giờ ngày đêm để lần lượt cho ra đời những bộ sách dạy đạo đức làm NGƯỜI làm THÁNH; chỉnh đốn tu viện, hiệu đính lại những bộ Giới đức, Giới hạnh, Giới hành vì nhu cầu cấp thiết mà Thầy đã xuất bản trước năm 2003 để Tu Sinh tu tập, và tiếp tục chú giải, khai tâm Những Lời Phật Dạy trong kinh Nikaya... Đó là những Pháp Bảo vô giá để dựng lại nền đạo đức nhân bản – nhân quả của Phật Giáo. Thầy đã hình thành Giáo Đoàn Chơn Như đi vào nề nếp tu tập đúng với Giáo Án Bát Chánh Đạo (8 lớp) của Chánh Pháp Nguyên Thủy Đức Phật Thích Ca để lại cho hậu thế mỗi người đều có thể y cứ vào những “Bảo Pháp” này mà tu hành chứng vào hàng Thánh Quả, giải thoát luân hồi và làm chủ được bốn nỗi khổ đau của kiếp người là sanh, già, bệnh, chết như Thầy hiện nay và Đức Phật ngày xưa đã làm. Vì Chánh Phật Pháp là nền đạo đức của nhân loại, vì đạo

nghiệp của Môn nhân Đệ tử và Chúng sanh những đời sau mà Thầy chưa từng có một ngày nghỉ ngơi, với tuổi tám mươi, ngày chỉ duy nhất một bữa Ngọ trai, nhưng Thầy vẫn khoẻ khoắn đi lại hàng ngàn cây số từ Trảng Bàng Tây Ninh ra tận miền Trung, miền Bắc để ban rải Pháp âm, truyền Giới Bát Quan Trai cho Cư sĩ khắp nơi tu tập, làm lễ Qui Y, khai thị giải nghi, sách tấn khai tâm cho mọi giới Phật tử tu tiến để giải thoát khổ đau...

Kính thưa quý vị, đứng trước đà phát triển của văn minh vật chất, những khu phố hiện đại được thay thế cho những vườn rau, những đô thị mới đã đua nhau mọc lên; những sản phẩm mới về cơ điện, tin học, hoá học, sinh học... liên tiếp ra đời mời gọi quảng cáo; những chốn ăn chơi, những nhà hàng, khách sạn sang trọng đầy đủ tiện nghi với những món ẩm thực kỳ quặc kêu gọi lôi cuốn lòng người vào biển dục như những đợt sóng thần. Trong kỷ nguyên thế giới vật chất phát triển, trăm hoa đua nở như vậy...Thì các hàng giáo phẩm lãnh đạo tinh thần của các tôn giáo lớn trên thế giới cũng đang thức mê, ngủ mê trong vườn hoa ngũ dục ấy không lối ra... kể cả Phật giáo Đại Thừa và Thiền Tông Đông Độ cũng mất luôn phương hướng giải thoát! Chỉ biết bám vào tha lực ở thế giới siêu hình tưởng để khấn cầu và xuất nhập các cõi định tưởng “Thiền Vô Sắc” của ngoại đạo Đa Thần Giáo!...

Thật! May mắn thay cho nhân loại trên hành tinh này, vào cuối thế kỷ hai mươi đã có một người Việt Nam ở Trảng Bàng tỉnh Tây Ninh, kiên cường gan dạ dò dẫm tu tập đủ các pháp môn của Đại Thừa Thiền Đông Độ gần bốn mươi năm không thành công! Và đường cùng Thầy lại quay về với Chánh Pháp Nguyên Thủy của Phật Thích Ca – Thầy đã phải trả với giá bằng máu & nước mắt mới chứng ngộ Thánh Quả A-La-Hán. Làm chủ được sanh, già, bệnh, chết của kiếp người, giải thoát khỏi luân hồi đau khổ. Sau khi

thành đạo, Thầy nhìn lại đoạn đường lầm lạc của Đại Thừa Phật Giáo và Thiền Tông mà Thầy đã tu qua gần bốn chục năm là đạo của Bà La Môn Đa Thần Giáo, mạo danh Phật Giáo! Dựa vào thế giới siêu hình, nương cầu tha lực thần quyền (trái với Đạo đức nhân quả nhà Phật), đầu độc tín đồ, núp bóng chùa chiền mê hoặc cúng kiếng cầu xin, mượn đạo tạo đời để hưởng thụ dục lạc! Với lòng từ bi của Bạc Thánh Tăng, tiếc “Đạo” thương “Đời”... Thầy không nỡ để nền đạo đức nhân bản nhân quả siêu việt giải thoát của Đức Phật Thích Ca bị mãi chìm mất! Rồi một mình một bóng Thầy mở tu viện Chơn Như, chỉnh đốn Giới Luật, thu nhận Tu sinh, dựng lại đường lối giáo trình tu tập như thời Đức Phật, chú giải lời Phật, mở Diễn Đàn Chơn Như, phổ biến chánh pháp Nguyên Thủy của Đức Phật Thích Ca trên các trang Web: nguyenthuychonnnhu.net chonlac.org và tuvienchonnnhu.com Đến nay đã có trên nửa triệu lượt người ở khắp hành tinh vào đọc cùng nghe Pháp Âm Thầy giảng và đã cùng nhau xiềng dương Chánh Phật Pháp để Phật tử nghiên cứu tu tập và đã có kết quả an lạc thoát khổ.

Kính bạch Thầy thương kính, hôm nay Phật tử chúng con xin mạo muội Trích Luc những Pháp Bảo của Phật mà Thầy đã triển khai chú giải để giới thiệu cho các hàng Phật Tử hữu duyên tu tập, Phật tử chúng con ước mong Bi Nguyện độ sanh của Đức Thầy gặp nhiều thắng duyên, để sớm hàng phục cảm hoá những phần tử tà giáo lợi dưỡng, mượn đạo tạo đời, cậy thế lạm quyền, dùng nhiều thủ đoạn gây ly gián chia rẽ nội bộ, trù dập người hiền, gây cản trở việc phổ hoá chánh pháp của Phật đến với nhân loại. Chúng con nguyện noi theo gương hạnh của Thầy tinh cần tu tập và phụ giúp Thầy xiềng dương Chánh Pháp Nguyên Thủy Thích Ca ngày càng mở rộng, để đạo đức giải thoát của Phật được dựng lại, nhân loại trên hành tinh này được hưởng nền đạo đức nhân bản của Phật Giáo: “Không làm khổ mình,

khổ người, khổ chúng sanh” và ai ai cũng biết tu hành làm chủ được bốn nỗi khổ của kiếp người là sanh, già, bệnh, chết chấm dứt luân hồi đau khổ, để thế giới chúng sanh được sống hạnh phúc thanh lương, loài người biết yêu thương thông cảm.

Mam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam Mô Bốn Sư Trưởng Lão Thích Thông Lạc

Đệ Tử Chúng Con Thành Tâm Kính Lễ Phật và Thầy ba lễ.

Hà Nội ngày 17-9-2007 – Chúng con xin Kính Bái.

---->>><<<----



(Trưởng Lão lưu niệm hình với Phật Tử Chùa Tứ Kỳ Hà Nội)

CÓ HAI LỘ TRÌNH

LỜI PHẬT DẠY

Có hai đường đi, một là đường ác; hai là đường thiện. Người làm ác từ đường ác đến chỗ khổ, người làm lành dạo chơi đường lành đến chỗ vui”. (Tăng Nhất A Hàm tập 3 trang 498).

CHÚ GIẢI:

Đạo Phật chỉ dạy rất rõ ràng về cuộc sống của con người. Cuộc sống của con người chia làm hai con đường:

- 1- Con đường sống theo lối ác*
- 2- Con đường sống theo nẻo thiện.*

Người tu theo Phật Giáo chọn lấy con đường sống thiện để đi, vì thế họ luôn luôn sống thanh thoi, an lạc và hạnh phúc. Con đường thiện là con đường sống không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh. Đó là con đường đạo đức nhân bản – nhân quả, con đường cao quý nhất của đời người. Những người nào chọn Phật Giáo làm chỗ nương tựa vững chắc để sống một đời sống có đạo đức, có đầy đủ nhân cách làm người, có đầy đủ trực hạnh, thắng hạnh, diệu hạnh của bậc Thánh nhân, v.v... Đó là đạo lộ duy nhất của Phật Giáo. Thế mà Phật Giáo ngày nay có 84 ngàn đạo lộ. Như vậy quý vị có tin được không?

Những người nào chọn lấy con đường ác thì đó là con đường phạm phu đi, con đường tội lỗi, con đường sống vô đạo đức, con đường đầy dẫy tham, sân, si, mạn, nghi, con đường luôn luôn làm khổ mình, làm khổ người và làm khổ tất cả chúng sanh, con đường ích kỷ cá nhân, con đường đầy dẫy những sự khổ đau. Vì thế đời sống của họ khổ đau vô cùng, vô tận, họ luôn luôn sống trong những ngày mai

đen tối, trong những khu rừng âm u, ẩm đạm, buồn tẻ không một chút ánh sáng thoát khỏi.

Thưa các bạn! Đọc đoạn kinh trên đây các bạn quan sát lại đường lối tu tập của Đạo Phật thì các bạn sẽ nhận ra được nền đạo đức nhân bản – nhân quả một cách cụ thể, rõ ràng như đã nói ở trên. Vì thế, pháp môn hướng dẫn tu tập của Phật Giáo rất đơn giản, chỉ cần biết nhận ra: *“Thiện pháp và Ác pháp”*. Và khi nhận ra thiện pháp và ác pháp thì các bạn phải ngăn và diệt ác pháp, không được để trong tâm dù chỉ là một giây, một sát na cũng phải diệt trừ, từ bỏ ngay liền. Có như vậy mới thấy Phật Giáo giải thoát thiết thực, cụ thể trong cuộc sống hằng ngày của đời người, đến để mà thấy, để mà hướng thượng...

Thiện và ác tức là nhân quả. Do nhân quả mà con người có vui, có khổ. Hiểu được điều này nên Đức Phật dạy cho chúng ta chọn lấy con đường thiện, dù tu sĩ hay cư sĩ, là tín đồ hay không phải là tín đồ của Phật Giáo. Vì lợi ích cho mình cho người, cho gia đình, cho xã hội, cho đất nước quê hương, các bạn đều phải tập luyện và sống trong nền đạo đức này. Nó sẽ giúp các bạn không còn khổ đau. Các bạn có biết không?

Do lợi ích thiết thực cho loài người như vậy, nên Đức Phật dạy cho mọi người sống phải siêng năng, cần mẫn hằng ngày tu tập *“ngăn ác, diệt ác pháp, sanh thiện, tăng trưởng thiện pháp”*. Đó là bốn điều siêng năng chuyên cần quan trọng trong Phật Giáo mà người tín đồ nào cũng phải biết, cũng phải tập tu; chứ không phải siêng năng cúng bái, cầu nguyện tụng niệm, ngồi thiền, v.v...

Phương pháp tu tập này có tên gọi là *“Tứ Chánh Cần”*. Nếu ai không nghe lời dạy này, không thực hiện ngăn ác, diệt ác pháp, thì người ấy đang chọn con đường ác để đi, suốt cuộc đời mình luôn luôn gánh chịu nhiều tai ương,

hoạn nạn, khổ đau, v.v... Đi trên con đường ác ấy không thể có người nào tránh khỏi đau khổ được. Và cứ thế tiếp tục tương ưng luân hồi từ kiếp này, đến kiếp khác, thọ khổ vô lượng vô biên kiếp. Đạo Phật gọi đó là tái sinh luân hồi khổ đau triền miên bất tận.

Những ai nghe và tin theo lời dạy này, thường sống ngăn ác và diệt ác pháp, luôn sống sanh thiện, tăng trưởng thiện pháp thì người ấy đã chọn đi trên con đường thiện. Và vì thế đời sống của họ sẽ được thanh thoi, an vui và hạnh phúc, sau khi chết sẽ tương ưng với sự giải thoát của chư Phật nên chấm dứt tái sinh luân hồi.

Thưa các bạn! Nếu các bạn chọn con đường thiện này là các bạn đã xây dựng cho mình một cuộc sống ngay tại thế gian này là cõi Cực lạc hay Thiên đàng. Đó chính là bạn đã tự thấp đuốc lên mà đi và cũng chính bạn đã lấy mình làm hòn đảo nương tựa vững chắc cho mình. Những việc làm này các bạn có tin không?

Bảo đảm với các bạn, con đường tu tập này, nếu các bạn tu tập ít thì có lợi ích ít, còn bạn cố gắng tu tập nhiều thì có lợi ích nhiều. Pháp tu hành này cũng giống như công việc làm hằng ngày của các bạn; pháp tu hành này giống như bạn sống phải ăn, ăn để sống; pháp tu hành này có tu tập thì tâm bạn thanh thản, an lạc và vô sự, còn không tu tập thì các bạn sẽ phải chịu nhiều khổ đau, phiền muộn.

Chọn lấy con đường thiện để sống thì các bạn đâu cần gì phải cầu an, cầu siêu, đâu cần gì phải tụng kinh, lạy hồng danh chư Phật sám hối chỉ cho một, đâu cần gì phải ngồi thiền ức chế tâm cho hết vọng tưởng để chịu đau chân, căng đầu, mệt óc, cuối cùng sanh ra loạn tưởng, bệnh thần kinh điên loạn, mất trí nhớ.

Chính Đức Phật đã xác định: “Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp” là “Định Tư Cự” tức là phương pháp tu thiền định. Vậy mà thời nay người ta tu theo thiền định Phật Giáo lại không tu theo pháp này. Không tu theo pháp này mà bảo rằng tu theo Phật Giáo thì các bạn nghĩ sao? Có đúng không? Những pháp hành như vậy chúng ta có tin không? Tu theo pháp của Phật mà không giống lời dạy của Phật chút nào cả, thì thật là buồn cười cho những ai còn đam mê Đại Thừa và Thiền Tông, sống trong ảo tưởng, mộng mơ như đang trong một giấc mộng dài của Đại Thừa. (Trích Những Lời Phật Dạy – Trưởng Lão Thích Thông Lạc chú giải & những bộ sách của tu viện Chơn Như xuất bản do Đức Trưởng Lão soạn).

THIỀN ĐỊNH

LỜI PHẬT DẠY

Này Sandha, hãy tu Thiền với sự Thiền định của con ngựa thuần thực, chớ có Thiền định của con ngựa chưa thuần thực. (Tăng Chi Bộ Kinh, tập 4, trang 655).

CHÚ GIẢI:

Người tu thiền định cần phải lưu ý lời khuyên dạy trên đây của Đức Phật: *“Hãy tu Thiền với sự Thiền định của con ngựa thuần thực, chớ có Thiền định của con ngựa chưa thuần thực”.*

Hầu hết người tu thiền định thời nay không quan tâm đến vấn đề này, nên muốn tu thiền định là đi học thiền, tu thiền chứ họ đâu biết rằng tu thiền định như vậy là sai, tu như vậy không bao giờ nhập được thiền định. Tại sao vậy?

Vì thân tâm họ chưa thuần thực, còn đắm nhiễm dục và ác pháp tức là chưa ly dục ly ác pháp có nghĩa là giới luật chưa nghiêm túc.

Bởi vậy Đức Phật dạy: *“Hãy tu Thiền với sự Thiền định của con ngựa thuần thực”*.

Thưa các bạn! Con ngựa thuần thực và con ngựa chưa thuần thực nghĩa như thế nào?

Con ngựa thuần thực là chỉ cho tâm đã ly dục ly ác pháp, tâm đã lìa tham, sân, si, mạn, nghi. Khi tâm đã ly dục ly ác pháp thì lúc bấy giờ chúng ta mới tu tập Thiền định. Cho nên Đức Phật dạy: *“Hãy tu Thiền với sự Thiền định của con ngựa thuần thực”*. Thân tâm đã thuần thực trong giới luật thì tâm định tĩnh nhu nhuyễn dễ sử dụng. Lúc bấy giờ chúng ta mới bắt đầu tu tập Thiền Định. Tu như vậy mới đúng như lời Phật dạy. Phải không các bạn?

Cho nên nền tảng thiền định của Đạo Phật là giới luật mà giới luật thì phải nghiêm chỉnh; giới luật có nghiêm chỉnh thì tâm mới ly dục ly ác pháp hoàn toàn.

Do lời dạy trên đây của Đức Phật mà chúng ta xét thấy những người tu theo thiền định của Phật Giáo thời nay đều tu sai pháp, vì giới luật chưa nghiêm chỉnh, hạnh ly ăn, ly ngủ, hạnh sống độc cư chưa trọn vẹn mà đòi nhập thiền định thì làm sao nhập được. Các bạn chỉ tu tập thiền tưởng, chứ chánh định chánh thiền thì không thể tu tập như vậy được.

Đoạn kinh trên đây cho chúng ta thấy tu sĩ Phật Giáo hiện giờ chưa có ai nhập Chánh định được, chỉ nhập vào Tà định của ngoại đạo mà thôi. Giới luật không tu tập, mà lại còn phá giới, phạm giới, tu như vậy cho phù hợp với thời đại thì chỉ có các nhà Sư Đại Thừa và kinh sách Đại Thừa

dạy chữ kinh sách Nguyên Thủy thì không có dạy như vậy.

Xét qua lời dạy trên thì thấy giáo lý Đại Thừa xem nhẹ giới luật, hướng dẫn tu sĩ đi đến con đường sai lệch: Cúng bái, cầu siêu, cầu an, tụng kinh, niệm Phật, niệm chú, bắt ấn, ngồi thiền ức chế tâm, v.v...

Thưa các bạn! Chúng ta là những Tu sĩ và Cư sĩ Phật Giáo sao lại không sáng suốt phân biệt pháp môn nào của Phật, pháp môn nào của ngoại đạo, của các Tổ, để tu hành tránh khỏi lầm lạc. Và như vậy vô tình chúng ta lại cố ý tiếp tay diệt sạch Phật Giáo theo mưu đồ của Bà La Môn bất chánh. Phải không hỡi các bạn?

Nhìn thấy các bạn tu theo kinh sách Đại Thừa, chúng tôi dựa theo lời dạy Nguyên Thủy của Phật trên đây mà khẳng định rằng: Các bạn tu tập như vậy là sai, chỉ uống công, chẳng bao giờ nhập được Chánh định, làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi. Các bạn tin hay không tin là quyền ở các bạn, nhưng điều chúng tôi quyết chắc là các bạn sáng suốt nhận định rõ ràng những gì các bạn tận mắt thấy, tai nghe và những gì chúng tôi nói. Đó là những điều chứng thực để các bạn tin hay không tin.

Thiền định của con ngựa chưa thuần thực nghĩa là gì? Con ngựa chưa thuần thực có nghĩa thân tâm của các bạn còn tham, sân, si, mạn, nghi, còn chưa ly dục ly ác pháp. Khi tâm còn tham, sân, si, mạn, nghi, chưa ly dục ly ác pháp thì đừng có tu thiền định, vì có tu thiền định cũng chỉ mất công phí sức chẳng bao giờ nhập được định, bởi vì nền tảng tu thiền định của Đạo Phật là Giới luật. Có nền tảng giới luật thì tu thiền định mới bảo đảm. Tâm phải thanh tịnh ly dục ly ác pháp thì mới nên tu tập thiền định. Cho nên các bạn về tu viện Chơn Như mà không dọn

mình cho trong sạch thì về đây tu hành cũng chẳng ích lợi gì.

Hạnh ăn, hạnh ngủ, hạnh độc cư chưa tròn mà về đây tu tập là tu tập cái gì? Thưa các bạn! Các bạn còn tham mê ăn, tham mê ngủ, còn thích sống nói chuyện mà các bạn về đây tu tập thì chỉ uống công và vô ích. Ở đây không có dạy tu ăn, tu ngủ, tu nói chuyện các bạn ạ!

Các bạn cứ nghĩ rằng cúng dường tiền bạc nhiều là để tu viện Chơn Như phục vụ về ăn uống cho các bạn, đó là các bạn đã nghĩ sai. Dù các bạn có cúng dường bao nhiêu tiền thì tu viện cũng vẫn giữ lập trường giúp các bạn ăn uống đơn giản vừa đủ sống để ly dục ly ác pháp, chứ không phải phục vụ các bạn ăn uống như trong khách sạn nhà hàng.

Khi các bạn về đây tu hành mà còn mang theo thực phẩm để ăn uống, không thực hiện đời sống bình đẳng về ăn uống trong tu viện, thì chúng tôi nói rằng các bạn chỉ tu cho có hình thức chơi chứ kỳ thực chẳng có kết quả lợi ích gì cho các bạn.

Tu mà còn tham đắm ăn uống, ngủ nghỉ; tu mà còn thích hội họp nói chuyện khoe khoang sự tu tập của mình với mọi người. Vậy thì nền tảng ly dục ly bất thiện pháp là ở chỗ nào? Xin các bạn chỉ cho.

Các bạn chỉ sống trong tưởng, nói thiền định tưởng, chứ kỳ thực các bạn chưa có nếm được mùi vị ly dục ly ác pháp.

Đây, các bạn hãy nghe tiếp lời dạy của Đức Phật để mà suy ngẫm con đường tu hành của mình: *“Này Sandha, ở đây có hạng người tâm chưa được thuần thực, khi đi đến ngôi rừng hay khi đi đến gốc cây, hay khi đến ngôi nhà trống, trú với tâm bị dục tham ám ảnh, bị dục tham chi phối, không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên.*

Người ấy tàng trữ dục tham trong tâm (ức chế), rồi Thiền tư, Thiền lự, Thiền liên tục, Thiền quán, trú với tâm bị sân ám ảnh, bị sân chi phối... trú với tâm bị hôn trầm thù miên ám ảnh, bị hôn trầm thù miên chi phối... trú với tâm bị trạo hối ám ảnh, bị trạo hối chi phối... trú với tâm bị nghi hoặc ám ảnh... trú với tâm bị nghi hoặc chi phối, không như thật biết ra khỏi nghi hoặc đã khởi lên. Người ấy tàng trữ nghi hoặc vào trong (ức chế), rồi Thiền tư, Thiền lự, Thiền liên tục, Thiền quán. Người ấy Thiền tư y chỉ vào đất, Thiền tư y chỉ vào nước,... vào gió,... vào Không vô biên xứ,... vào Thức vô biên xứ,... vào Vô sở hữu xứ,... vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ,... vào đời này,... vào đời sau. Phạm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy tư, đều y chỉ vào đấy người ấy thiền tư. Như vậy này Sandha là người tu Thiền tư không thuần thực (không kết quả)."

Độc đoạn kinh này các bạn tự quan sát sự tu tập của mình là sẽ biết ngay liền sai hay đúng.

Thường các bạn trình pháp đều chứng tỏ mình tu rất tốt, nhưng gặp chuyện thì biết ngay liền các bạn chưa “Xả Tâm”. Chưa Xả Tâm mà có thiền định gì mà thưa hỏi. Phải không hơi các bạn?

Để thấy sự tu hành của chúng ta sai như thế nào, vậy chúng ta hãy quán xét lại đoạn kinh trên cho kỹ.

Chúng ta nên xét câu thứ nhất: “*Này Sandha, ở đây có hạng người tâm chưa được thuần thực*”. Vậy, tâm chưa thuần thực là thuần thực cái gì?

Ở đây Đức Phật muốn nói giới luật chưa nghiêm chỉnh, tâm chưa ly dục ly ác pháp .

Chúng ta xét đến câu thứ hai: *“Khi đi đến khu rừng hay khi đi đến gốc cây, hay khi đến ngôi nhà trống”*. Vậy, khu rừng, gốc cây, ngôi nhà trống là nghĩa gì?

Ở đây có nghĩa là chọn lấy một nơi thanh vắng để sống độc cư, một mình trong cảnh cô đơn.

Chúng ta quán xét đến câu thứ ba: *“Trú với tâm bị dục tham ám ảnh, bị dục tham chi phối”*. Vậy, dục tham ám ảnh, dục tham chi phối nghĩa là gì?

Dục tham là lòng ham muốn; ám ảnh là hiện ra lớn vồn trong trí ray rút không yên; chi phối là tác dụng điều khiển. Nghĩa chung của câu tham dục ám ảnh là lòng tham muốn hiện ra lớn vồn trong trí ray rút không yên, nghĩa câu tham dục chi phối là lòng tham muốn tác dụng điều khiển, sai khiến.

Nghĩa chung của đoạn này là khi ngồi lại một mình nơi thanh vắng thì lòng tham muốn khởi lên ray rút, tác động điều khiển sai khiến chúng ta làm theo ý muốn của tâm, làm cho ta mất tự chủ. Người đời không biết tu hành nên dễ bị tâm tham dục sai khiến, khiến cho cuộc đời vốn khổ đau lại càng khổ đau hơn.

Chúng ta quán xét đến câu thứ tư: *“Không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên. Người ấy tàng trữ dục tham trong tâm (ức chế)”*. Vậy xuất ly và tàng trữ nghĩa là gì?

Xuất ly là lìa ra, bỏ ra; tàng trữ là giữ lại, nén lại. Ý nghĩa của câu này là không biết cách xuất ly dục tham, nên dục tham thường khởi lên chỉ còn có giữ gìn trong tâm nên gọi là nén tâm. Do đó dù có tu thiền định gì đi nữa thì vẫn bị sân, hôn trầm thù miên, trạo cử, trạo hối và các loại tướng định khởi lên như trong đoạn kinh này dạy: *“Rời Thiền tư, Thiền lục, Thiền liên tục, Thiền quán, trú với tâm*

bị sân ám ảnh, bị sân chi phối... trú với tâm bị hôn trầm thủy miên ám ảnh, bị hôn trầm thủy miên chi phối... trú với tâm bị trạo hối ám ảnh, bị trạo hối chi phối... trú với tâm bị nghi hoặc ám ảnh... trú với tâm bị nghi hoặc chi phối, không như thật biết ra khỏi nghi hoặc đã khởi lên. Người ấy tàng trừ nghi hoặc vào trong (ức chế), rồi Thiền tư, Thiền lự, Thiền liên tục, Thiền quán. Người ấy Thiền tư y chỉ vào đất, Thiền tư y chỉ vào nước,... vào gió,... vào Không vô biên xứ,... vào Thức vô biên xứ,... vào Vô sở hữu xứ,... vào Phi tướng phi phi tướng xứ,... vào đời này,... vào đời sau. Phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu đến, được ý suy tư, đều y chỉ vào đây người ấy thiền tư. Như vậy này Sandha là người tu Thiền tư không thuần thực (không kết quả).”

Theo lời dạy trong kinh này: *Khi giới luật không nghiêm chỉnh thì dù có tu tập cách gì cũng không có kết quả.*

CHÂN LÝ THỨ HAI TRONG TỨ DIỆU ĐẾ “TẬP ĐẾ”

Định Vô Lậu câu hữu với Tập Đế, tức là chúng ta quán xét nguyên nhân sanh khởi sự khổ đau của con người để thấu rõ nó, có thấu rõ nó chúng ta mới cố gắng ngăn chặn diệt trừ và đoạn dứt.

Vậy Tập Đế là gì?

Chữ Tập có nghĩa là nơi tập hợp mọi sự đau khổ, phiền não của con người, Tập còn có nghĩa là nơi chứa nhóm, dồn thêm mỗi ngày một nhiều hơn.

Chữ Đế có nghĩa là sự thật, đúng đắn không sai. Tập Đế là một nguyên nhân của mọi sự khổ đau đã chứa nhóm và tích trữ lâu đời nhiều kiếp trong mỗi chúng sanh. Nói một cách khác hơn đó là cội gốc sanh tử luân hồi của loài người.

Cội nguồn sanh ra mọi sự đau khổ phiền não của con người gồm có 10 phiền não gốc là:

1/ Tham, có nghĩa là lòng tham lam: *“Tánh tham có động lực bắt ta phải dòm ngó, theo dõi những cái gì nó ưa thích, như tiền tài, danh vọng, miếng ăn, chỗ ở v.v... rồi nó xúi ta lập mưu này, chước nọ để tâm kiếm cho được những thứ ấy. Điều tai hại nhất là lòng tham không đáy, thỏa góp bao nhiêu cũng không vừa; được một muốn có mười, được mười muốn có trăm. Tham cho mình chưa đủ, và còn tham cho bà con quyến thuộc và xứ sở của mình. Cũng vì tham mà ăn không ngon, ngủ không yên; cũng vì tham mà cha mẹ vợ con xung đột; cũng vì tham mà bè bạn chia lìa; cũng vì tham mà đồng bào trở lại xung đột, xâu xé nhau; cũng vì tham mà chiến tranh tiếp diễn, giết hại không biết bao sanh linh. Tóm lại cũng vì tham mà nhân loại và chúng sanh chịu không biết bao nhiêu điều thống khổ”*.

Lòng tham đã mang đến không riêng cho chúng ta khổ mà còn cả mọi người, không những trong quá khứ, hiện tại mà còn có thể kéo dài trong tương lai nữa.

2/ Sân, có nghĩa là nóng giận: *«Khi gặp những cảnh trái ý nghịch lòng, như lòng tham không được toại nguyện, thì sân nổi lên, như một ngọn lửa dữ đốt cháy lòng ta. Thế là mặt mày đỏ tía hay tái xanh, bộ dạng thô鄙, nói năng hung dữ, có khi dùng đến võ lực hay vũ khí để hạ kẻ làm trái ý, phật lòng mình. Vì nóng giận mà cha mẹ, vợ con, anh em xa lìa, bạn bè ly tán; vì nóng giận mà mọi người trở nên thù địch, nhân loại đua nhau ra chiến trường; vì nóng giận mà kẻ bị tàn tật, người vào khám đường, kẻ mất địa vị, người tan sự nghiệp»*. Kinh dạy: *“Nhất niệm tâm sân khởi, bách vạn chướng môn khai”* có nghĩa là một niệm nóng giận nổi lên thì trăm ngàn cửa nghiệp chướng đều mở ra. Sách xưa dạy: *“Nhất tinh chi hỏa, năng thiêu vạn khoảnh công đức”*

chi sơn”, có nghĩa là một đóm lửa giận, có thể thiêu đốt sạch muôn mẫu rừng công đức. Thật vậy, lửa sân hận đã bùng cháy lên giữa lòng nhân loại và đã đốt thiêu không biết bao nhiêu công lao, sự nghiệp mà con người đã tốn biết bao nhiêu mồ hôi nước mắt mới tạo ra được.

3/ Si, có nghĩa là si mê, mờ ám, biết không rõ, không chính xác, không đúng: *«Si như là một tấm màn dày đặc, đen tối trùm lên trí tuệ của ta, làm cho ta không thể nhìn thấy được sự thật, phán đoán được cái hay cái dở, cái tốt, cái xấu»*. Do đó ta gây ra không biết bao nhiêu tội lỗi, làm hại mình hại người mà không hay, Vì si mà lòng tham trở thành không đáy, bởi vì nếu người sáng suốt thấy cái tai hại của lòng tham, thì người ta đã kềm hãm được một phần nào tánh tham, Vì ngu si mà lửa giận bùng cháy; nếu người sáng suốt biết cái tai hại của lửa sân thì không để cho nó hoành hành như thế. Người xưa dạy: *“Bất úy tham sân khởi, duy khứng tự giác tri”*. Có nghĩa là không sợ tâm tham và sân, mà chỉ sợ tâm si mê. Nếu tâm tham sân nổi lên mà có trí tuệ sáng suốt ngăn chặn lại, thì lòng tham sân phải bị dập tắt, không còn làm gì được cả. Cho nên Đạo Phật lấy trí tuệ làm đầu, nếu đã có trí tuệ sáng suốt thì lòng tham sân không thể tồn tại được cũng như khi đã có ánh sáng mặt trời lên thì bóng tối tất nhiên phải tan biến.

Đức Phật thường gọi *tham sân si là ba độc, nó thường làm đau khổ chúng sanh và phải chịu nhiều kiếp sanh tử luân hồi,堕 vào ba cõi địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh*.

4/ Mạn, có nghĩa là ngã mạn, kiêu căng, tự đắc: *«Là nâng cao mình lên và hạ người khác xuống; tự thấy mình là quan trọng mà khinh rẻ mọi người; ý mình có tiền của tài trí, có học thức, có cấp bằng cao như thực sĩ, tiến sĩ hay có quyền thế mà sanh tâm dương dương tự đắc, mục hạ vô nhân,*

khinh người già cả, hỗn láo với người đức hạnh, chà đạp kẻ dưới, lấn lướt người trên ».

Vì lòng ngã mạn tự kiêu tự đại cho mình là hơn hết nên chẳng chịu học hỏi thêm những điều hay lẽ phải. Do đó làm nhiều điều lầm lẫn sai quấy, gây ra bao nhiêu tội ác, phước lành tổn giảm, tội lỗi càng tăng, cho nên phải chịu sanh tử luân hồi muôn đời ngàn kiếp.

Mạn có bảy thứ:

Mạn: Nghĩ mình hơn nghĩ người.

Ngã mạn: Ý mình hay giỏi mà lấn lướt người.

Quá mạn: Mình bằng người mà cho là hơn người, người hơn mình mà cho là bằng.

Mạn quá mạn: Người hơn mình nhiều mà cho mình hơn người.

Tăng thượng mạn: Chưa chứng Thánh quả mà cho mình đã chứng.

Ty liệt mạn: Mình thua người nhiều mà nói mình thua ít.

Tà mạn: Người tu về tà mạn được chút ít thần thông, hoặc hiểu biết đôi chút việc quá khứ, vị lai, rồi khinh lướt người khác xem trời đất không còn ai.

5/ Nghi, có nghĩa là lòng nghi ngờ, ngờ vực, không tin: *«Người nghi ngờ không làm được việc gì hết. Đối với người thân trong gia đình, họ không tin cậy giao phó công việc; đối với bạn bè, họ nghi ngờ tất cả mọi thiện chí. Ngay đối với họ, họ cũng không tự tin nữa. Đã không tự tin, họ còn gây hoang mang cho người chung quanh, làm cho người ta ngã lòng thối chí».* Đối với đạo lý chân chánh như Đạo Phật có một nền đạo đức nhân bản giải thoát tuyệt vời mà họ cũng không tin, nhưng họ lại tin theo tà giáo và những pháp môn mê tín, trùu tượng của kinh sách phát triển.

Trong sự nghi ngờ có ba phương diện:

a) Tự nghi, có nghĩa là nghi mình. Chẳng hạn như đọc kinh sách Đức Phật dạy: *“Tu hành sẽ được giải thoát”*, nhưng lại tự nghĩ rằng: *“Chẳng biết mình tu có được không?”* Vì lòng do dự nghi ngờ ấy, nên không chịu tu hành.

b) Nghi pháp, có nghĩa là nghi phương pháp mình đang tu. Chẳng hạn như nghe kinh Tứ Chánh Cần dạy: *“Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp”* thì sẽ được giải thoát ngay liền hay như trong kinh Pháp Cú dạy: *“Chư ác mạc tác. Chúng thiện phụng hành. Tự tịnh kỳ ý. Thị chư Phật Giáo”*. Do sự nghi ngờ lời dạy này không biết kết quả có đúng hay không ? Nên không tu tập.

c) Nghi nhân: có nghĩa là nghi người dạy mình, không tin ông Thầy dạy mình, nghi pháp mình đang tu không đúng là chánh pháp của Phật. Khi chính pháp của Phật dạy mà mình nghi là không phải pháp của Phật thì đó là mình đã mất pháp chân chánh. Còn Thầy dạy mình tu học mà mình nghi Thầy mình là mình đã bị đứt đầu không còn cách nào cứu chữa được. Ở tại tu viện Chơn Như chúng tôi có một số đệ tử ham mê thần thông, nhưng chúng tôi không thể hiện thần thông, nên họ mất niềm tin và không theo tu tập với chúng tôi nữa. Mục đích tu viện của chúng tôi hướng dẫn tu tập xả tâm ly tham đoạn diệt các ác pháp để đạt được tâm giải thoát không còn phiền não, khổ đau, không còn tham sân, si, mạn, nghi nữa, giúp cho con người có một đời sống đạo đức không làm khổ mình khổ người, đây là hạnh phúc là giải thoát chứ không phải ngồi thiền nhập định năm bảy ngày hoặc kiến tánh thành Phật, hoặc tụng kinh niệm chú cho có thần thông phép lạ hoặc niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc Tây Phương v.v... Ở đây chúng tôi dạy đúng theo đường lối tu tập của Đạo Phật là hằng ngày không có tụng niệm lần chuỗi ngời thiền ức chế tâm, mà chỉ có sống đúng giới luật và theo như

những lời dạy trong kinh Tăng Chi tập 3 trang 30: *“Ở đây này các hiền giả, Tỳ Kheo ưa công việc, thích thú công việc; ưa nói chuyện, thích thú nói chuyện; ưa ngủ nghỉ, thích thú ngủ nghỉ, chuyên tâm ưa thích ngủ nghỉ; ưa hội chúng, thích thú hội chúng, chuyên tâm ưa thích hội chúng, ưa liên lạc giao thiệp, thích thú liên lạc giao thiệp, chuyên tâm ưa thích liên lạc giao thiệp; ưa hý luận, thích thú hý luận, chuyên tâm thích hý luận. Như vậy, này các hiền giả, Tỳ Kheo sống nếp sống như vậy, khi lâm chung không được hiển thiện, khi mệnh chung không được hiển thiện. Này các Hiền giả, đây gọi là Tỳ Kheo ái lạc có thân, không từ bỏ có thân để chân chánh chấm dứt khổ đau”*. Đây là lời dạy chân chánh của Đức Phật, muốn tu theo Đạo Phật thì phải tu đúng pháp, sống đúng pháp như lời dạy thì mới có sự giải thoát. Còn tổ chức Gia đình Phật tử này, Đạo tràng nọ thì chỉ là một hình thức Phật giáo Đại Thừa, chứ tu tập chẳng có kết quả gì chỉ là một trò giải trí lành mạnh như bao nhiêu trò giải trí lành mạnh khác của xã hội, đó là những người đi tìm ái lạc của thân vì họ là những người dư thừa thời gian không biết làm gì cho hết tuổi đời. *Nếu không từ bỏ những trò giải trí này thì không bao giờ chân chánh chấm dứt sự khổ đau*. Nếu quý vị không tin lời chúng tôi nói thì nên đọc lại đoạn kinh trên rồi suy ngẫm và xét lại từ xưa đến nay biết bao nhiêu Đạo tràng và Gia đình Phật tử họ đã được giải thoát những gì với con đường giải thoát này. Đối với Đạo Phật thời gian sinh hoạt của quý vị rất là uổng phí khi: *“Được thân người là khó”*, nên Đức Phật đã nhắc nhở:

*“Tắc bóng thời gian một tấc vàng
Tắc vàng tìm được không gì khó,
Tắc bóng thời gian khó hỏi han”*.

Thế mà quý vị sinh hoạt như vậy gọi là tu, tu như vậy phỏng có giải thoát được những gì? Quý vị cứ nhìn lại bản

thân của quý vị thì quý vị sẽ thấy, nếu chúng tôi nói thẳng thừng thì quý vị không ưa chúng tôi chứ quý vị chỉ là *một con cò cho người khác sử dụng nước cò tôn giáo* chứ quý vị tu như vậy dù tu một triệu năm nữa cũng chưa thấy và hiểu biết giải thoát như thế nào?

Chúng tôi dạy đúng như Phật dạy cấm không cho tu sĩ tập hợp nói chuyện thì họ không thích, họ muốn tu tập theo kiểu Đại Thừa, sinh hoạt như các Đạo tràng và các Gia đình Phật tử, họ khoái hội hợp thích vui chơi, nói chuyện.

Chỗ tu hành của chúng tôi là *chỗ tu tìm sự giải thoát, làm chủ bốn sự đau khổ của kiếp người sanh, già, bệnh, chết và chủ động đi vào con đường hoá sanh chứ không chấp nhận chịu bó tay sanh nơi dâm dục bất tịnh ô trược bản thủ hồi thú và khổ đau*. Vì thế, ai muốn tu được thì hãy sống đúng như lời Đức Phật đã dạy, như chúng tôi đã dạy, *nếu không sống được thì đừng nên theo Đạo Phật tu hành*, chẳng có ích lợi gì mà còn làm cho kẻ khác phỉ báng Phật Giáo.

Đạo Phật không cầu mong có nhiều người tu mà phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới, vô đạo đức làm người, làm Thánh tha chỉ cần ít người hay một người tu đúng pháp có giới đức hẳn hoi, có một đời sống phạm hạnh của bậc Thánh Tăng thì Phật Giáo mới còn rực rỡ trên thế gian này, dù chỉ có một người còn hơn đi đâu cũng gặp Tăng sĩ mà đòi chẳng đời, đạo chẳng đạo, họ sống với những nghề nghiệp lừa đảo thiên hạ thật là đau lòng cho Phật Giáo ngày nay. *Giữa ban ngày thấp đuốc lên đi tìm một bậc giới đức khắp trên thế gian này không bao giờ có*, toàn là những tu sĩ phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới v.v...

Nếu quý vị thấy sống không kham nổi trong giới luật của Phật, thì quý vị đi tu làm gì, để phạm giới, phá giới như vậy, có ích lợi gì cho quý vị và cho người khác, nếu quý vị sống không kham, thì quý vị ra đời mà sống, sống trong

chùa mà bày ra những trò mê tín, dị đoan, cúng bái, tế lễ, xin xăm bói quẻ v.v... đó là đi ngược lại Phật giáo, cũng như quý vị thuyết giảng hý luận trừu tượng mơ hồ bằng lối chơi chữ để lừa đảo những người nhẹ dạ dễ tin để cầu được sự cúng dường.

Tóm lại quý vị muốn tu theo Đạo Phật thì quý vị phải nghiên cứu Phật Giáo cho kỹ, *nếu thấy chúng tôi dạy đúng thì xin vào tu, còn nếu thấy chúng tôi dạy không đúng thì quý vị đừng xin vào tu thử*, vì sự tu thử sẽ làm quý vị phí thì giờ vô ích mà còn sanh tâm nghi ngờ chánh pháp của Phật, tạo thêm tội lỗi như quý thầy: Thầy Chơn Đức, Thầy Từ Minh, Thầy Minh Tông, Thầy Thiện Thiện v.v... họ đã trở thành những người đệ tử bất nghĩa muôn đời ngàn đời để lại tiếng đời không tốt cho mai sau.

Tánh nghi ngờ làm cản trở sự tiến triển tu hành cũng như những sự việc khác, làm ngăn ngại mọi công tác hữu ích cho mình cho xã hội và cũng vì tâm nghi ngờ khiến cho cuộc đời không vượt khỏi cảnh tối tăm khổ sở.

6/ Thân kiến: Có nghĩa là vì không rõ nên lầm chấp thân ngũ uẩn tứ đại giả hợp này cho là Ta, là của Ta, là bản ngã của Ta: *«Vì cái chấp sai lầm ấy, nên thấy có một cái TA (Ngã) riêng biệt, chắc thật không biến đổi, thấy cái Ta ấy là riêng của Ta, không dính dấp đến người khác, và xem nó là một thứ rất quý báu»*. Vì tưởng lầm như vậy, nên kiếm món ngon vật lạ cho Ta ăn, may sắm quần áo tốt đẹp cho Ta mặc, lo xây dựng nhà cao cửa lớn cho Ta ở, thâu góp thật nhiều của cải, đất ruộng để dành cho Ta dùng, kiếm công danh chức tước, địa vị cho Ta hãnh diện với mọi người. Do sự quý chuộng cung phụng cho cái Ta ấy, mà tạo ra lắm điều tội lỗi, chà đạp lên bao nhiêu cái Ta khác, làm cho họ đau khổ vì Ta. Và thế giới trở thành một bãi chiến trường cũng vì cái Ta.

Chúng ta hằng ngày chịu nhiều đau khổ cũng chính vì Thân kiến tức là cái *kiến chấp về thân*. Nó là một trong bảy kiết sử trói buộc và sai sử chúng ta như một tên nô lệ rất khó mà dứt bỏ, *nếu không có pháp như lý tác ý của Đức Phật dạy thì khó có pháp nào diệt thân kiết sử này được, nếu hằng ngày chúng ta không siêng tu pháp như lý tác ý thì chẳng bao giờ chúng ta dứt sợi dây thân kiết sử này được*, cho nên Đức Phật thường nhắc đi nhắc lại câu pháp hướng này: “Thân này không phải là Ta, không phải của Ta, không phải bản ngã của Ta”. Câu này quý vị nên nhớ mà hướng tâm hằng ngày đừng nên biếng trễ và xem thường, đó là lời tâm huyết mà Đức Phật đã dạy cho chúng ta vì thương tưởng chúng ta vô minh mà lầm chấp thân kiến chịu khổ muôn đời.

7/ Biên kiến: Có nghĩa là chấp một bên, nghiêng về một phía, đó là những thành kiến rất cực đoan. Biên kiến có nhiều lối chấp sai lầm lớn nhất là:

Thường kiến.

Thường kiến là một loại luận thuyết mơ hồ trừu tượng, cho rằng người chết còn linh hồn cho rằng có thế giới siêu hình, có bản thể vũ trụ, có Tiểu ngã, Đại ngã, có Thần thức, có Phật tánh, có Thiên Đàng, có Địa ngục, có Ngọc Hoàng Thượng Đế, có Chúa Trời, có Thần, Quỷ, Ma v.v...

Những người chấp thường kiến là những người thường sống trong mê tín, lạc hậu, sống trong mộng tưởng, xây dựng cảnh giới siêu hình thường câu cúng tế, lễ bái và ước vọng làm những điều thiện để khi chết được sanh lên Cực Lạc Thiên Đàng của cõi Trời cõi Niết Bàn hay cảnh giới chư Phật. Thiên Tông, Mật Tông đều thuộc về thường kiến.

Đoan kiến:

Đoạn kiến là một loại luận thuyết chết cứng, khô cằn, chết là hết không còn gì cả, loại luận thuyết này, khiến cho con người mất hết niềm hy vọng về tương lai. Cho nên người ta đặt ra câu hỏi: *“Tương lai không có thì hiện giờ làm để làm gì? Ngày mai chết là hết”*, vì vậy con người chấp đoạn kiến thì làm bao nhiêu ăn bấy nhiêu chẳng còn biết nghĩ đến ai cả, sống chỉ quay cuồng trong dục lạc, ăn uống vui đùa truy lạc, xì ke, ma túy, rượu chè bê bết, sống theo *Thuyết Hiện Sinh* không có ngày mai: *«Đối với hạng người chấp đoạn kiến, thì hễ tắt thở là không còn gì tồn tại nữa; tội cũng không mà phước lại cũng chẳng có. Họ không tin nhân quả luân hồi, nên mặc tình làm các điều tội lỗi»*. Họ tự bảo: *“Tu nhân tích đức giả đời cũng chết; hung hăng bạo ngược tắt thở cũng không còn”*.

Vì chấp đoạn kiến, có người đứng trước cảnh thất tình, thất vọng, hoặc gặp cảnh buồn lòng nghịch ý, tưởng rằng chết là hết đau khổ, là giải thoát tất cả khổ, nên họ không ngần ngại mượn chén thuốc độc, hay dòng sông sâu hoặc sợi dây oan trái để kết liễu đời mình, Họ đâu có ngờ rằng chết rồi vẫn chưa hết! Họ đâu biết rằng luật nhân quả nghiệp báo là một vật thường hằng bất biến của môi trường sống, ngoài những hành động thiện ác của loài động vật ra khi chết, không có gì còn lại cả. Chính vì những hành động của loài động vật là một tác nhân tạo ra nghiệp, cho nên Đức Phật dạy: *“Nghiệp là cha đẻ ra con người, con người là thừa tự nghiệp”*. Như thế làm sao gọi là đoạn kiến. Khi chết trong ác nghiệp khổ đau thì nghiệp khổ đau ấy vẫn phải tiếp tục tái sinh trong nghiệp nhân quả đau khổ kế tiếp.

Người chấp đoạn kiến là những người không thông suốt môi trường sống hợp duyên của các pháp. Trong môi trường sống này không có một vật gì sanh ra mà đơn điệu toàn là các pháp hợp lại tạo thành.

Ví dụ 1: không thể có một người đàn ông cũng như một người đàn bà đơn điệu tự một mình sanh ra con được, mà phải có hai người nam nữ lấy nhau tạo duyên ngũ uẩn hòa hợp mới thành ra con người.

Ví dụ 2: Không thể lấy một cây cột, lấy một tấm tôn, một miếng vách mà bảo rằng vật đó là cái nhà được, một cái nhà phải có các vật hợp lại như: cột, kèo, vách, tôn, cửa cái, cửa sổ rồi tạo dựng ra cái nhà. Đó là các pháp trong môi trường sống này đều do duyên hợp mà thành, nhưng bảo rằng khi hoại diệt thì không còn gì hết là sai (đoạn kiến) mà bảo rằng còn thì cũng sai (thường kiến), đó là hai cái sai của những lý luận này.

Vừa thường vừa đoạn kiến

Có một luận thuyết cho rằng các pháp trong thế gian này vừa có vừa không như Ngài Long Thọ: “*Sắc tức thị không, không tức thị sắc*”, đó là lối lý luận trườn uốn như con lươn, để rồi Ngài để ra trí tuệ Bát Nhã Chơn Không thành ra thường kiến, cuối cùng Ngài cũng như các nhà thường kiến khác, nhưng giỏi khéo lý luận để che mắt thiên hạ, chứ kỳ thực *Chơn Không* của Ngài đâu có khác gì thần thức, linh hồn, đại ngã, Phật tánh, bản thể vạn hữu, chỉ có khác là danh từ mà thôi.

Do những lý luận này đã biến những tu sĩ Phật Giáo thành những nạn nhân bỏ biết bao nhiêu công lao sức lực tu hành rốt cùng cũng chẳng ra gì, khổ đau cũng hoàn khổ đau, chẳng có ai làm chủ sanh, già, bệnh, chết cả.

8/ Kiến thủ: Có nghĩa là chấp chặt sự hiểu biết sai lầm của mình có ba trường hợp:

a) Kiến thủ vì ảnh hưởng tư tưởng của người khác: Khi học hiểu một điều gì do lý luận của các nhà tư tưởng như tưởng *Chơn Không*, *Phật Tánh* v.v... Cũng như thấy những

hiện tượng nhập đồng nhập cốt do cô cậu hoặc linh hồn người chết oan nhập vào nói đầu trúng đó rồi cho đó có linh hồn người chết, có thể giới siêu hình rồi chấp chặt ai nói gì cũng không tin. *Không ngờ thế giới siêu hình là do tưởng uẩn tạo thành chứ không có thể giới siêu hình thật sự.* Do sự chấp chặt này họ phải chịu thiệt thòi nhiều mặt về sự tu hành cũng như về đời sống.

b) Kiến thủ vì không ý thức được sự sai lầm của mình: Hành vi của mình sai quấy, ý kiến của mình sai lầm, nhưng vì không đủ sáng suốt để nhận thấy, *nên cứ bảo thủ hành vi, ý kiến của mình, tự cho mình là hay là giỏi, ai nói gì cũng chẳng nghe.*

c) Kiến thủ vì tự ái hay vì ngoan cố cứng đầu: Biết mình làm như thế là sai, nói như vậy là không đúng, lỡ lời, *nhưng vì tự ái cứ bảo thủ cái sai cái không đúng của mình, không chịu thay đổi, không chịu sám hối, xin lỗi, không chịu từ bỏ, xa lìa.*

Ví dụ: như trước kia ông bà đã lỡ theo tà giáo, ngoại đạo, nay con cháu *vẫn biết đó là tà giáo nhưng cứ theo mãi không dám bỏ*, cho đó là tôn giáo truyền thống của Tổ Tiên, ông bà để lại không được bỏ, mặc dù tôn giáo đó dạy những điều phi đạo đức, phi nhân quả, thường dạy những điều cầu cúng, mê tín, lạc hậu v.v... Có người còn nói một cách liều lĩnh, ngu si: “*Xưa sao nay vậy*” hay “*Xưa bầy nay làm*”. Cũng như cha mẹ trước là nghề nghiệp ác chài lưới, săn bắn hoặc làm nghề đồ tể, bán thịt sống, thịt chết, mãi dâm; nghề sát phạt bài bạc rượu chè, thuốc phiện, xì ke ma túy v.v... đó là những nghề ác độc tội lỗi, đến con cháu vẫn cứ bảo thủ nghề ấy, không chịu thay đổi nghề khác.

Nhìn rộng ra xã hội bên ngoài, có một số đông người, mặc dù thời đại của chúng ta hiện giờ, con người đã có nhiều tiến bộ về khoa học kỹ thuật hiện đại hóa đời sống, thế mà

người ta cứ vẫn giữ lại những lễ lối cổ tục hủ bại, hễ trong nhà có người chết là giết heo bò để cúng kiến, rước thầy chùa tụng kinh để cầu siêu linh hồn trong khi ông thầy tụng chưa độ được ông siêu, mà ông đi cầu siêu cho kẻ khác thì việc làm đó là một điều ngu si, khi đưa đám tang thì rải giấy tiền vàng mã; mỗi khi tuần tự hay giỗ kỵ thì lại đốt giấy tiền vàng mã nữa và quần áo kho đụn phước xá. Hằng năm cứ vào ngày rằm tháng ba âm lịch thì Ban Tế Tự tập hợp dân chúng làm lễ kỳ an cúng tế tà Thần, ác quỷ v.v... Làng xã chấp chặt những hủ tục mê tín lạc hậu như thế mà còn cho đó là “*Văn hóa truyền thống của dân tộc*” không được bỏ. Những việc làm đó đều thuộc về kiến thủ.

9/ Giới cấm thủ, Có nghĩa là làm theo, sống theo giới cấm của ngoại đạo, tà giáo, những giới cấm của tà giáo ngoại đạo này phần nhiều vô lý phi đạo đức, mê muội, dã man v.v... Những giới cấm này khiến cho con người bất hiếu và tự làm khổ mình: Các giáo phái ngoại đạo ở Ấn Độ lấy đá dẫn bụng, đứng một chân giữa trời nắng, nằm trên chỗ bắn thủ, leo lên cao nhảy xuống, gieo mình vào lửa, nhảy xuống sông trằm mình chịu lạnh lẽo để được phước, chặt hoặc đốt một lóng tay, có người chặt nguyên một cánh tay để cầu pháp.

Những thứ cuồng tín như thế, không làm cho cuộc đời sáng sủa, mà còn làm cho đen tối và khổ đau thêm.

Giới cấm thủ này chúng ta thấy trong kinh Pháp Hoa Phẩm Tựa dạy cúng dường thân mạng hoặc một phần thân mạng để cầu pháp giải thoát, khiến cho những người cuồng tín chặt hoặc đốt ngón tay, hủy hoại cơ thể của mình không tội nguyên mà thành tội nguyên, không khổ mà làm thêm khổ, đó là giới cấm thủ hay còn gọi là những giáo điều của ngoại đạo.

10/ Tà kiến, có nghĩa là chấp chặt theo lối không chân chánh, trái với sự thật, trái với luật nhân quả, phi đạo đức như trong kinh Pháp Hoa Phẩm Phổ Môn, *Bồ Tát Quan Thế Âm cứu khổ cứu nạn chúng sanh*, đó là tà kiến phi đạo đức, phi nhân quả, mê tín: Tà kiến nghĩa là mê tín, dị đoan, như thờ đầu trâu, đầu cọp, bình vôi, ông táo, xin xăm, bói quẻ, buộc tằm đeo niệt, coi sao, cúng hạn v.v... Nói rộng ra những kiến chấp trên đều thuộc về tà kiến cả. *Nghĩa là trên đời này cái gì ý thức không hiểu được mà dùng tưởng thức để hiểu, hiểu như vậy là hiểu một cách mơ hồ, trừu tượng, không rõ, không thực tế, không cụ thể đều được gọi là tà kiến.*

Khi tu *Định Vô Lậu* câu hữu với *Tập Đế* thì chúng ta sống trong thực tế, cái gì ý thức hiểu biết cụ thể thực tế hoàn toàn. Còn ngoài ra không tin một cái gì cả, phần nhiều người ta thường hay sống trong tưởng thức nên người ta phải chịu khổ.

Ví dụ: Người ta chửi mình đồ chó, đồ trâu mình tưởng ra mình là chó trâu, nên mình sanh tức giận chửi mắng lại họ, cũng như người ta chửi mình: “*Tao đào mồ mả cha mày lên*”, mình tưởng rằng họ đào mồ mả cha mình chứ sự thật họ đâu có đào, thế mà mình sống trong tưởng rồi sanh ra tức giận chửi mắng đánh với nhau, khiến cho làm khổ cho nhau, thật là tà kiến điên đảo và sống không thực tế, tạo cảnh mình khổ người khác khổ chẳng có ích lợi gì cả.

Ví dụ: Người ta chửi mình là đồ ăn cắp, ăn trộm mình tự ái sợ người khác không hiểu mình, sanh ra nghi ngờ mình ăn cắp, ăn trộm thì xấu hổ, cái tự ái sợ hãi người ta nghi ngờ mình nên mình tức giận và buồn khổ trong lòng mãi mãi, đó là mình sống trong tưởng, chứ sự thật mình có ăn trộm ăn cắp đâu mà sợ. Con người ở đời thường sống

trong tướng, tức là sống trong tà kiến nên luôn luôn chịu khổ đau tức giận sanh ra thù hận không nguôi, tạo ra nhiều điều ác đức tội lỗi, rồi lại còn tiếp tục bằng cách trả thù, trả oán cho đã cơn giận.

Cho nên khi chúng ta biết áp dụng Định Vô Lậu kết hợp với Tập Đế thì chúng ta không còn sống trong tướng, nói cách khác là chúng ta không còn sống trong tà kiến. (Trích Sách ĐVXP Tập 6)

HẠNH VÀ MINH

LỜI PHẬT DẠY

Với Minh và với Hạnh, thành tựu hai pháp này. Nay các Tỷ Kheo, Tỷ Kheo đạt đến cứu cánh của cứu cánh:

- 1/ Cứu cánh an ổn khỏi khổ ách*
- 2/ Cứu cánh Phạm hạnh*
- 3/ Cứu cánh mục đích*

Bậc tối thượng giữa chư Thiên và loài Người. (Tăng Chi Bộ Kinh, tập 4, trang 663).

CHÚ GIẢI:

Xét duyệt qua đoạn kinh này có ba cứu cánh:

1/ Cứu cánh an ổn khỏi khổ ách là do chánh tri kiến. Chánh tri kiến là sự hiểu biết mọi vật như thật, do hiểu biết mọi vật như thật nên mọi khổ ách đều được hóa giải. Vì vậy gọi là cứu cánh an ổn khỏi khổ ách tức là MINH GIẢI THOÁT.

2/ Cứu cánh Phạm hạnh là do giới luật. Một tu sĩ sống đúng giới luật, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào là có giải thoát ngay liền. Giới ly dục ly ác pháp mà tâm ly dục ly ác pháp là tâm bất động, Tâm bất động là tâm

không phóng dật. Do giới luật mà tâm được giải thoát nên gọi là **HẠNH GIẢI THOÁT** tức là Cứu Cánh Phạm Hạnh.

3/ Cứu cánh mục đích là tri kiến và giới luật. “*Giới luật ở đâu là tri kiến ở đó, tri kiến ở đâu là giới luật ở đó. Tri kiến làm thanh tịnh giới luật, giới luật làm thanh tịnh tri kiến*”. Đó là cứu cánh giữa MINH và HẠNH nên gọi là cứu cánh mục đích.

Trên đây là nói về giai đoạn mới bắt đầu vào tu tập giới luật bằng tri kiến, còn ở giai đoạn hai và ba thì đoạn kinh này Đức Phật dạy “*Minh và Hạnh*”. Minh và Hạnh đạt được là cứu cánh của cứu cánh. Vậy Minh và Hạnh là gì?

Minh là trí tuệ Tam Minh; Hạnh là đức hạnh không làm khổ mình khổ người và khổ tất cả chúng sanh, hay nói cách khác Hạnh là Giới luật. (Xem thêm nghĩa Minh Hạnh Túc).

Cho nên người tu theo Phật Giáo đầu tiên cần phải đạt được Đức Hạnh của Giới luật. Đức hạnh của giới luật đó là hạnh ly dục ly ác pháp. Hạnh ly dục ly ác pháp là hạnh bất động tâm. *Hạnh bất động tâm là tâm định tĩnh, nhu nhuyến, dễ sử dụng*. Từ tâm này chúng ta mới có đủ năng lực nhập Bốn Thánh Định và thực hiện Tam Minh.

Như trên đã nói Hạnh tức là Giới luật rất quan trọng cho con đường tu tập theo Phật Giáo. Phải không các bạn?

Không có Giới luật thì thiền định và Tam Minh không bao giờ có. Vì vậy các bạn nên hiểu Hạnh là nền tảng đạo đức của Phật Giáo, còn Minh là kết quả cuối cùng của con đường tu tập giải thoát của Phật Giáo, nên Đức Phật bảo: “*Này các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo đạt đến cứu cánh của cứu cánh*”. Xin các bạn tu theo Phật Giáo nên lưu ý điều này: *Hạnh mà không sống đúng thì không làm sao có Minh*. Người có Giới hạnh không thể nào tu tập lạc vào tà pháp

ngoại đạo. Thấy ai sống không đúng giới hạnh là biết ngay là người ấy tu tập rơi vào tà pháp ngoại đạo.

Cho nên Minh và Hạnh là thước đo sự tu tập của Tăng Ni và Cư sĩ, là tiêu chuẩn duyệt xét sự chứng quả của họ. Do đó những người tu giả, tu thật chúng ta đều biết rất rõ. Biết rõ để làm gì các bạn? Nếu người thật tu, thật chứng thì chúng ta xin được thân cận; nếu người tu giả thì từ giả xa lánh.

BIẾT RÕ SỰ TÁI SANH TRONG TƯƠNG LAI

LỜI PHẬT DẠY

“Bị vô minh ngăn che, bị tham ái trói buộc, các loài hữu tình thích thú chỗ này, chỗ kia như vậy, tái sinh trong tương lai sẽ xảy ra .”

“Vô minh được xả ly, minh khởi tham ái được đoạn diệt (ly dục ly ác pháp). Như vậy tái sinh trong tương lai sẽ không xảy ra .” (Tăng Nhất A Hàm tập 3).

CHÚ GIẢI:

Muốn hiểu rõ đoạn kinh này thì chúng ta phải hiểu rõ những danh từ cần thiết như: Vô minh, Tham ái, Hữu tình, Tái sinh.

1- Vô minh nghĩa là gì? Các bạn đừng hiểu vô minh nghĩa là không biết, không hiểu, không thông minh, ngu dốt, v.v... Vô minh ở đây có nghĩa là hiểu biết rất rõ ràng, thông minh, có trí tuệ, không ngu dốt, v.v... Nhưng nó thường đối mặt với minh, nên nó có một nghĩa khác hơn minh. Phần đông trong xã hội loài người, đều là những người vô minh. Các bạn có nhận xét điều này chưa? Khi nói mọi người đều vô minh thì các bạn rất ngạc nhiên vì không thể ngờ được. Phải vậy không các bạn?

Các bạn có biết không? Những người vô minh không riêng giới bình dân ít học, tay lấm chân bùn, cùng đinh khốn khổ, sống không đủ cơm ăn áo mặc, mà cho đến những giới trí thức có đầy đủ học thức, như những nhà Bác học, những ông Giáo sư, các Bác sĩ, Thạc sĩ, Tiến sĩ và những nhà khoa học danh tiếng, v.v... Tuy họ có trình độ học thức về đời cao như vậy, nhưng đối với Phật Giáo họ vẫn là những người vô minh. Các bạn có tin lời nói của chúng tôi không? Xin các bạn bình tĩnh đọc tiếp những dòng dưới đây thì các bạn sẽ rõ vô minh của giới có học thức là một sự thật, chứ không phải chúng tôi có ý chỉ trích hay nói không đúng, mà từ lâu chưa có ai nghĩ đến.

Vô minh Đức Phật xác định nghĩa ở đây là sự hiểu biết thông minh theo tâm ái dục, tưởng ái dục, nên sự hiểu biết ấy bị hạn cuộc trong không gian và thời gian. Đức Phật dạy: *“Bị vô minh ngăn che”* tức là bị sự hiểu biết ái dục, tưởng dục ngăn che làm cho mọi người không thấy, không hiểu rõ mọi sự việc như thật. Do không thấy, không hiểu biết mọi sự vật như thật nên sinh ra tham ái dính mắc, chấp chặt không dám buông bỏ. Vô minh là sự hiểu biết trong góc độ ái dục, tưởng dục. Khi vượt ra ngoài ái dục, tưởng dục thì sự thấy và hiểu biết đó là *“Minh”*. Khi nói đến vô minh thì phải nói đến minh. Vậy minh nghĩa là gì?

Như trên đã nói; *“Vượt ra ngoài ái dục, thì sự thấy và hiểu biết là minh”*. Minh là trí tuệ hiểu biết không bị ái dục, tưởng dục chi phối, nên thấy và hiểu biết mọi sự vật như thật, không bị dục ngăn che. Cho nên khi nào tâm hết dục thì ta mới có *“Minh”*.

Tóm lại vô minh gọi là sự hiểu biết của Dục tri, Tưởng tri; còn minh gọi là sự hiểu biết của Liễu tri, Thắng tri, Trục tri, Chánh tri.

Bát Chánh Đạo là con đường tu tập của Phật Giáo dạy cho chúng ta có cái nhìn thấy đúng đắn, cái suy tư đúng đắn không mang theo dục tri, tưởng tri. Vì thế Bát Chánh Đạo dạy cho chúng ta *“Minh”*.

Ngày xưa cho đến ngày nay Tổ tiên, Ông bà, Cha mẹ, Thầy Tổ (các thầy Đại Thừa) và tất cả mọi người chung quanh ta đều dạy cho chúng ta sự hiểu biết thường tục, gọi là kiến thức; nhưng kiến thức ấy luôn luôn mang đầy ắp những ái dục tri, ái dục tưởng tri. Từ khi Đạo Phật ra đời dạy cho chúng ta cái hiểu biết khác, cái hiểu biết ly dục tri, ly dục tưởng tri và ly ác pháp. Do đó chúng ta mới nhận thấy mình thoát khổ, tâm không còn tham, sân, si phiền não, khổ đau như trước nữa. Cho nên kinh Pháp Cú dạy: *“Vui thay Phật ra đời!”*. Phật ra đời luôn luôn đem lại hạnh phúc, an vui cho mọi người và mọi loài trên hành tinh sống này. Nhưng có mấy ai đã hiểu biết đúng như vậy, tất cả mọi người đang sống trong mộng mơ, ảo tưởng, mơ hồ của thế tục, của các tôn giáo, của các triết học, v.v...

Ở đâu có vô minh, thì ở đó không có minh; ở đâu có minh thì ở đó không có vô minh. Minh là bờ bên kia và vô minh là bờ bên này, bờ bên này là đau khổ và bờ bên kia là giải thoát.

Như vậy, luận về minh và vô minh thì chúng ta đã nhận ra pháp tu hành của Phật Giáo rất rõ ràng, chỉ có điều chúng ta muốn ở bờ bên này hay ở bờ bên kia mà thôi. Muốn khổ đau thì ở bờ bên này; ở bờ bên này thì đừng than trời trách đất. Muốn hết khổ đau thì ở bờ bên kia; bờ bên kia là giải thoát, tâm luôn luôn thanh thản, an lạc và vô sự.

2- *Tham ái nghĩa là gì?* Tham là lòng ham muốn; ái là lòng yêu thích. Đã là con người thì ai cũng có lòng ham muốn và ưa thích hoặc nhiều hoặc ít. Lòng ham muốn và ưa thích là một sợi dây vô hình thường trói buộc rất chặt

chúng ta vào vạn vật. Khi chúng ta khởi tâm ưa thích hay ham muốn một vật gì thì chúng ta bị trói chặt vào vật ấy, khó cho chúng ta buông bỏ được nó. Ví dụ: khi chúng ta khởi ý ham thích ưa muốn có một ngôi nhà khang trang, đầy đủ tiện nghi, thì lúc bây giờ muốn bỏ ý niệm ấy rất khó. Nó thôi thúc chúng ta phải cố gắng làm lụng hoặc phải bán đến cả đất đai của cha mẹ cho để xây cất cho bằng được ngôi nhà. Đó là bị tham ái trói buộc. Cho nên Đức Phật đã xác định cho chúng ta thấy tham ái rất là nguy hiểm, nó như sợi dây trói buộc rất chặt *“bị tham ái trói buộc”*. Đó là lời cảnh báo để chúng ta thoát ra sợi dây vô hình này. Nếu mọi người không biết Phật pháp thì chắc chắn không người nào tự ý thức để thoát khỏi sợi dây tham ái này. Có đúng không các bạn?

Đời người thường bị khổ đau đều do sợi dây tham ái này. Bát Chánh Đạo giúp chúng ta cắt đứt những sợi dây tham ái đó.

Thưa các bạn! Chúng tôi đã nhờ pháp môn Bát Chánh Đạo mà đoạn lìa được sợi dây tham ái này một cách dễ dàng không mấy khó khăn và mệt nhọc, chỉ có bền chí ngày ngày siêng năng mài dũa tâm mình đúng pháp. *“Có công mài sắt có ngày nên kim”* các bạn ạ!

3- Hữu tình là gì? Hữu là có; tình là tình cảm, cảm mến. Các loài hữu tình là chỉ chung cho loài người và loài vật (loài có tình cảm).

4- Tái sanh là gì? Tái sanh có nghĩa là sanh trở lại làm người làm loài vật. Đọc hết đoạn kinh này ta biết rõ: *“Các loài hữu tình thích thú chỗ này, chỗ kia như vậy, tái sanh trong tương lai sẽ xảy ra”*. Lời dạy này rất đúng. Mọi người đang sống trên hành tinh này luôn luôn ưa thích cái này cái kia, lúc nào cũng ưa thích. Do tâm ưa thích mà

loài người cũng như loài vật đều phải chịu tiếp tục tái sinh luân hồi.

Chúng tôi xin các bạn vui lòng đọc lại trọn vẹn đoạn kinh trên đây để chúng ta rút ra được một bài pháp tu tập thực tế và cụ thể có pháp hành hẳn hoi “*Bị vô minh ngăn che, bị tham ái trói buộc, các loài hữu tình thích thú chỗ này, chỗ kia như vậy, tái sinh trong tương lai sẽ xảy ra*”. Như vậy muốn chấm dứt tái sinh luân hồi thì phải diệt trừ vô minh. Do Vô minh mà có tham ái; do tham ái mà thích cái này cái kia; do ưa thích cái này cái kia mà phải chịu tái sinh luân hồi, khổ đau muôn kiếp. Như vậy vô minh là vấn đề quan trọng hàng đầu trong sự tu tập thiền định của Phật Giáo, là đề tài tối hậu cần phải tiêu diệt, cần phải từ bỏ, cần phải xa lìa, v.v... Với đề tài vô minh này người tu sĩ hay cư sĩ Phật Giáo phải lưu ý bằng mọi cách để thiện xảo vén sạch màn vô minh.

Muốn vén sạch màn vô minh thì chúng ta phải có minh, tức là trí tuệ Tam Minh. Nhưng làm sao có Tam Minh được? Muốn có trí tuệ Tam Minh thì chúng ta phải tu tập bằng những con đường Bát Chánh Đạo: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Chánh niệm tức là Tứ Niệm Xứ thuộc Định Vô Lậu. Vậy muốn tu tập Định Vô Lậu thì phải dùng pháp gì? Muốn tu tập Định Vô Lậu thì phải dùng ý thức, *pháp tác ý và pháp như lý tác ý*. Xin các bạn lưu ý: Con đường tu tập theo Phật Giáo “*Ý thức*” là vũ khí hàng đầu trong việc đánh giặc sanh tử “*Ý dẫn đầu, ý làm chủ, ý tạo tác*”. Dùng ý thức tu tập đúng cách chúng ta mới ly dục ly ác pháp; nhờ ly dục ly ác pháp mà tâm mới nhập định; nhờ định mà ta có Tam Minh; nhờ Tam Minh mà vô minh mới diệt trừ tận gốc hay nói cách khác nhờ Tam Minh mà tham ái được

diệt trừ tận gốc. Như vậy đến đây các bạn đều đã biết phương pháp và cách thức tu tập rất rõ ràng. Phải không hỡi các bạn?

Còn Chánh Định tức là bốn thiền: Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền, ngoài bốn thiền này không có thiền nào được gọi là Chánh Định. Vì thế nói về thiền định các bạn cần nên lưu ý để tránh khỏi những tà thiền của ngoại đạo.

Cho nên kết luận đoạn kinh, Đức Phật dạy như dưới đây: *“Vô minh được xử lý, minh khởi tham ái được đoạn diệt (diệt dục diệt ác pháp). Như vậy tái sinh trong tương lai sẽ không xảy ra”*. Nếu chúng ta xét cho kỹ đoạn kinh này thì chúng ta thấy Đức Phật đã trao cho chúng ta một bí quyết cốt tủy giải thoát của đạo. Chỉ cần siêng năng tu tập là đạt được kết quả ngay liền.

Như lời dạy trên trong cuộc đời tu hành theo Phật Giáo, chúng ta thấy rất rõ, kẻ nào vô minh thường bị tham ái trói buộc thích thú vui chơi chỗ này, chỗ kia thì sự đau khổ và tái sinh luân hồi không thể tránh khỏi; còn kẻ nào ly dục, ly ác pháp thì được giải thoát, an vui, tâm hồn lúc nào cũng thanh thản, an lạc và vô sự. Do tâm hồn được như vậy thì sẽ chấm dứt tái sinh luân hồi chắc chắn.

KỆ LÚC THÀNH ĐẠO

LỜI PHÁT DẠY

*“Thiên thượng, thiên hạ
Duy ngã độc tôn
Nhất thiết thế gian
Sanh, lão, bệnh, tử.”*

CHÚ GIẢI:

Bốn câu kệ trên để chứng minh và xác định Đạo Phật ra đời vốn giải quyết bốn sự đau khổ lớn nhất của loài người: “*sanh, già, bệnh, chết*”. Vì thế mục đích tu hành của Đạo Phật là “*Tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ*”, chứ không phải vì Thiên đàng, Cực lạc, Niết bàn, Phật tánh...

Trong tất cả các pháp môn của Đức Phật đều dạy chúng ta tu tập để thực hiện đạo đức làm Người, làm Thánh. Muốn làm người có đạo đức không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh thì duy chỉ có thiện pháp mới giải quyết mọi sự đau khổ của chúng ta, tức là không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh nữa.

Muốn được thân tâm thanh thản, an lạc và vô sự đều phải sống đúng thiện pháp, hằng ngày thường ngăn và diệt ác pháp; muốn làm chủ sanh tử luân hồi và chấm dứt tái sanh đều phải sống đúng thiện pháp. Nếu không do thiện pháp mà tu tập thì không bao giờ làm chủ và chấm dứt được nó, vì thế, đời đời phải chịu trôi lăn trong sáu đường luân hồi đau khổ.

Thiền định có nhập được cũng phải do thiện pháp, ngoài thiện pháp đi tìm thiền định thì không bao giờ có, chỉ có tà thiền của ngoại đạo mà thôi. Do đó chúng ta thấy ai tu thiền định mà không giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh thì biết ngay họ tu tà thiền, tà định, dù họ có tu muôn đời, muôn kiếp cũng chẳng có kết quả giải thoát gì, chỉ uống phí một đời tu hành mà thôi.

Đối với Đạo Phật thiện pháp rất có tầm quan trọng trên bước đường tu hành giải thoát, nếu không tu thiện pháp thì dù có tu tất cả các pháp môn nào khác cũng đều tu hành không đúng pháp môn của Đạo Phật. Vì thế, tu theo Phật Giáo mà không tu tập thiện pháp tức là không giữ gìn giới luật nghiêm túc thì đừng mong làm chủ sanh, già,

bệnh, chết, như trong bài kệ Đức Phật đã tự tán thán mình:

*“Thiên thượng, thiên hạ
Duy ngã độc tôn
Nhất thiết thế gian
Sanh, lão, bệnh, tử.”*

Sau khi tu chứng đạo, Đức Phật dùng trí tuệ Tam Minh quan sát thấy rằng khắp trên thế gian này từ vô thủy cho đến ngày nay (ngày Đức Phật tu chứng) không thấy có một người nào làm chủ sanh, già, bệnh, chết như Ngài, nên Ngài nói lên bài kệ này là để xác định vị trí và thế đứng độc lập của Đạo Phật. Cho nên, Đạo Phật không vay mượn giáo lý của bất cứ một tôn giáo khác. Một bằng chứng hiển nhiên là tất cả các tôn giáo khác trên hành tinh này đều tin tưởng có thế giới siêu hình, còn Phật Giáo thì không chấp nhận thế giới siêu hình. Cũng như tất cả các tôn giáo nào khác không có nền tảng đạo đức vững chắc như Đạo Phật. Đạo đức tự lực không dựa vào thần quyền. Vì thế, đạo đức của Phật Giáo là đạo đức nhân bản nhân quả, một đạo đức cao thượng sống không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh; một đạo đức cao quý tuyệt vời làm chủ được sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi; một đạo đức biến cuộc sống loài người ở thế gian này thành cõi Thiên đàng, Cực lạc.

Nói đến đạo đức nhân bản – nhân quả là phải dẹp bỏ tha lực, nếu còn cầu cúng, tế lễ, cầu phước, cầu tự, cầu an, cầu siêu, v.v... là đi ngược lại đạo đức nhân bản – nhân quả của Đạo Phật và con người sẽ sống trong ảo tưởng, mê tín và lạc hậu. Đạo Phật là đạo tự lực, nên Đức Phật khuyên các đệ tử của mình: *“Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi, Ta chỉ là người hướng đạo, không thể đi thay cho các con được”*.

Vì tự mình phải thấp đuốc lên mà đi, nên Phật Giáo phải xây dựng một nền tảng đạo đức nhân bản – nhân quả vững chắc cho ngôi nhà thiền định. Cho nên thiền định của Phật Giáo mới được gọi là “Chánh định”, bởi chánh định có một nội lực giúp cho chúng ta làm chủ thân tâm, tự tại trong sự sống chết như bài kệ trên đã nói.

GIỚI LUẬT CỦA PHẬT GIÁO LÀ PHÁP TU TẬP CĂN BẢN ĐỂ THOÁT KHỔ

Hỏi: *Kính thưa Thầy, tại sao tu sĩ Phật giáo hiện giờ không giữ gìn giới luật, sống phi giới luật, sống bề vụn giới luật. Như vậy con đường tu của họ sẽ đi về đâu? Và có ích lợi gì cho kiếp sống tu hành của họ?*

Người tu sĩ giữ gìn giới luật nghiêm túc, sống đúng Phạm hạnh, thiếu dục tri túc, phòng hộ các căn đầy đủ, con đường tu của họ sẽ đi về đâu? Và có ích lợi gì cho kiếp sống của họ? Con cúi mong Thầy chỉ dạy để cho chúng con được rõ.

Đáp: Như Thầy đã dạy giới luật là một pháp môn tu hành của đạo Phật, chứ không phải là pháp luật của một quốc gia. Cho nên các bộ giới luật do các Tổ biên soạn thành một bộ pháp luật của Phật giáo hơn là một pháp môn tu tập để tâm được vô lậu.

Pháp môn giới luật cùng với pháp môn Thiền định và pháp môn Trí tuệ, gọi chung có tên là “*Tam Vô Lậu Học*” “*GIỚI – ĐỊNH – TUỆ*”.

Tam Vô Lậu Học là ba pháp môn tu tập không còn lậu hoặc, tức là ba cấp tu tập trong tám lớp học sẽ chấm dứt đau khổ của kiếp người hay nói cách khác là làm chủ sanh, già, bệnh, chết của đạo Phật.

Ba pháp môn vô lậu này, kỳ thật chỉ là ba cấp học đạo đức duy nhất của Phật giáo, nên nó được chia ra làm ba giai đoạn tu tập: Giới, Định, Tuệ.

Ba cấp học này chỉ có giới luật là cấp học quan trọng nhất và tu tập khó nhất trên đường tìm cầu đạo giải thoát theo đạo Phật.

Bởi thế, người nào tu hành mà không giữ gìn giới luật không tu giới luật, không sống đúng giới luật, thì có tu suốt đời cũng tu chẳng tới đâu, chỉ còn tu danh, tu lợi, tu tướng, tu chùa to Phật lớn mà thôi (chẳng bao giờ có giải thoát thật sự).

Nếu không tu giới luật mà tu định, thì Thiền định đó là tà thiền, định tướng.

Nếu không tu giới luật mà tu trí tuệ thì trí tuệ đó là tà tuệ, kiến giải, tướng giải, là trí tuệ tích lũy nhai lại bã mía của người xưa, thêm râu, thêm ria, vẽ rắn thêm chân.

Từ xưa đến giờ các Tổ chỉ lặp đi, lặp lại lối mòn của nhau, chỉ dùng từ hiện đại cho lạ tai mà thôi, chứ lối mòn vẫn là lối mòn, không thể nào lối mòn là đường lớn được.

Như trên Thầy đã dạy giới luật là pháp môn quan trọng nhất trong Tam Vô Lậu Học. Cho nên vì lợi ích chúng sanh, vì muốn thoát ra sự đau khổ của kiếp người đức Phật đã dạy: *“Vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đệ tử, những việc ấy Ta đã làm xong, vì lòng thương tưởng Ta đã dạy các người”*.

Đây là một bài kinh mà Đức Phật đã khéo nhắc nhở cho các vị Tỷ Kheo tu tập giới luật, vì giới luật rất quan trọng trên đường cầu đạo giải thoát. Bài kinh “*Ước Nguyện*” Trung Bộ tập 1 trang 79 Phật dạy: *“Này các Thầy Tỷ Kheo, hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống*

phòng hộ với sự phòng hộ của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và học tập các học giới”.

Đoạn kinh này là lời dạy khuyên nhắc nhở của đức Phật thấm thía vô cùng, một lời khuyên từ cõi lòng vì thương tưởng chúng sanh đang sống trong cảnh khổ mà chẳng biết đường nào ra. Trên thế gian này chỉ còn có con đường duy nhất để tu tập, thoát ra sự đau khổ của kiếp người “Giới, Định, Tuệ”. Không thể còn có con đường thứ hai nào khác được nữa .

Biết rất rõ điều này, trên bước đường tầm sư học đạo. Ngài đã sáu năm gian khổ, nhưng vẫn không tìm ra con đường giải thoát. Bốn mươi chín ngày dưới cội bồ đề trầm tư và nhập Tứ Thánh Định, chứng Tam Minh. Ngài đã tự tìm ra chân pháp, chân pháp ấy là thầy của Ngài, đã dẫn đường Ngài đi đến đích, thoát khỏi sanh già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

Chân pháp ấy là gì?

Chân pháp ấy là “Giới, Định, Tuệ”. Ngài luôn luôn nhắc nhở chúng ta với lòng yêu thương tha thiết đối với chúng ta như con một: “*Hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và học tập các học giới”.*

Thế mà người tu sĩ Phật giáo hiện giờ lại xem thường giới luật, oai nghi chánh hạnh không có, xem thường trong các lỗi nhỏ nhặt, phạm giới không biết xấu hổ, chẳng bao giờ lấy giới phòng hộ sáu căn, sống ăn uống phi thời, Tăng Ni Tu Sĩ nam nữ kẻ cận chẳng biết đó là tai họa khổ đau, chẳng biết đó là con đường sanh tử luân hồi.

Bài kinh Ước Nguyện, đức Phật đã xây dựng nó trên nền tảng đạo đức nhân bản - nhân quả. Ngài không dạy chúng ta cầu nguyện mà dạy chúng ta ước nguyện.

Muốn ước nguyện được thành tựu sở nguyện thì phải sống đúng giới luật, giới luật là thiện pháp, do nhân thiện pháp thì chuyển được ác pháp. Vì thế do nhân thiện pháp thì quả của thiện pháp là ước nguyện của chúng ta viên mãn.

Ví dụ: Một người có bệnh tật, tai nạn xảy đến hoặc tai nạn bệnh tật chưa xảy đến nhưng ước nguyện bệnh tật tai nạn sẽ chấm dứt và bệnh tật tai nạn sẽ không xảy ra, thì người ấy phải sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhất, chân chánh lãnh thọ và học tập các học giới, thì ước nguyện sẽ thành tựu.

Nếu ai giữ gìn giới luật đúng như vậy thì tai nạn, bệnh tật sẽ qua và không xảy đến. Như vậy Ngài đã dạy chúng ta tu tập giải thoát trên nền tảng đạo đức nhân bản - nhân quả, lấy hành động thiện làm gốc, diệt trừ mọi hành động ác và lòng ham muốn.

Trong bài kinh Ước Nguyện, Đức Phật dạy:

“Mong rằng ta được mọi người thương mến, yêu quý, cung kính, và tôn trọng”.

“Mong rằng ta được các vật dụng đầy đủ không thiếu hụt”.

“Mong rằng những người bố thí cúng dường các vật dụng sẽ được quả báo và lợi ích lớn”.

“Mong rằng những bà con huyết thống với ta, khi bệnh tật tai nạn chết, mệnh chung với tâm hoan hỷ, an lạc, được quả báo và lợi ích lớn”.

Trên đây là những ví dụ ước nguyện trong bài kinh, muốn được toại nguyện cho mình cho người thì chỉ tu tập và giữ gìn giới luật nghiêm túc.

Kinh Phật đã dạy như vậy, thế mà kinh sách Đại Thừa lại dạy cúng tế, cầu khẩn, tụng kinh, niệm chú, niệm Phật, cầu an, cầu siêu để được tai qua nạn khỏi, bệnh tật tiêu trừ (*do chư Phật, Bồ Tát từ bi gia hộ*).

Kinh sách Đại Thừa lời dạy tu tập đều cầu tha lực, (*Tam bảo gia hộ*) cho đến những ước nguyện cho mình, cho người đều dựa vào tha lực. Còn ngược lại kinh sách Nguyên Thủy dạy tự lực. Muốn lợi mình lợi người thì người ấy phải tự mình tận lực sống đúng giới hạnh, nói cách khác là phải sống đúng thiện pháp không được sống trong ác pháp.

Nói chung đức Phật dạy, con người muốn có cuộc sống an vui, hạnh phúc thì phải sống có đầy đủ đạo đức không làm khổ mình, khổ người, thì được toại nguyện mọi điều.

Đọc qua bài kinh Pháp Môn Căn Bản ta thấy rõ Phật giáo không đi nhằm lại lối mòn của các tôn giáo khác, tự mình vạch ra một lối đi độc đáo, tự lực, cụ thể không mơ hồ, chính xác để giải quyết kiếp sống con người, thoát ra mọi cảnh khổ, tạo thế gian, có cuộc sống con người thành một cõi Thiên Đàng, Cực Lạc.

Để chiến thắng sự ưa thích dục lạc thế gian, sự không ưa thích, sự bất toại nguyện, sự khiếp đảm và sợ hãi, Phật dạy: *“Này các Tỳ Kheo, nếu Tỳ Kheo có ước nguyện: Mong rằng ta nhiếp phục lạc và bất lạc, chứ không phải lạc và bất lạc nhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục lạc và bất lạc được khởi lên. Mong rằng ta nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi chớ sợ hãi không nhiếp phục ta. Mong rằng ta sống luôn luôn nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi được*

khởi lên nơi Tỳ Kheo, Tỳ kheo ấy “phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì nội tâm tịch tĩnh không gián đoạn thiền định (tĩnh thức) thành tựu quán hạnh (vô lậu) thích sống tại các trụ xứ không tịch (độc cư).”

Lời dạy trên đây rất cụ thể cho người tu, muốn nhiếp phục tâm ham muốn và sợ hãi thì chỉ có giới luật và bốn pháp định, Định Chánh Niệm Tĩnh Giác, Định Niệm Hơi Thở (không gián đoạn thiền định) nội tâm tịch tĩnh (Định Sáng Suốt) thành tựu quán hạnh (Định Vô Lậu) thích sống tại các trụ xứ không tịch (độc cư).

Trong bài kinh Ước Nguyện đức Phật dạy nhập Bốn Thánh Định rất rõ ràng và dễ dàng không có khó khăn.

Vì muốn nhập Bốn Thánh Định này không khó khăn, không có ức chế tâm như các nhà học giả kiến giải dạy ra. Chỉ cần sống đúng giới hạnh và tu tập các pháp Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ để xả tâm cho thật sạch (không còn tham sân, si, mạn, nghi) nữa, thì chỉ ra lệnh nhập thiền định nào thì nhập ngay thiền định ấy.

“Này các Thầy Tỳ Kheo, nếu Tỳ Kheo có ước nguyện: Mong rằng, Tỳ Kheo ý muốn, không khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, ta chứng được bốn thiền thuộc tầng thượng tâm hiện tại lạc trú, Tỳ Kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật kiên trì nội tâm tịch tĩnh (Sáng Suốt Định) không gián đoạn thiền định (Thân Hành Niệm Nội Ngoại) thành tựu quán hạnh (Định Vô Lậu) thích sống tại các trụ xứ không tịch (độc cư).”

Nếu người nào muốn tu tập thiền định của đạo Phật nhập Bốn Thánh Định, làm chủ sanh, già, bệnh, chết, không có khó khăn chỉ cần thành tựu viên mãn giới luật, tức là sống đúng giới luật.

Xét ra từ khi đức Phật nhập diệt đến giờ, không có ai nhập được Bốn Thánh Định, chỉ vì không thành tựu viên mãn giới luật.

Nếu đã có người nào viên mãn được giới luật sống đầy đủ chánh hạnh thì Phật pháp đâu bị ngoại đạo biến thể như ngày nay và như thế này. Phật giáo ngày nay đã trở thành một tôn giáo hỗn tạp mang đủ thứ pháp môn của ngoại đạo (84 ngàn pháp môn) mà còn tự xưng những danh từ ngã mạn cống cao (Đại Thừa, Tối Thượng Thừa v.v..)

Như trên Phật đã dạy trong bài kinh Ước Nguyện. Từ đức hạnh làm người, sống không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh. Để đem lại sự giải thoát, an lạc, hạnh phúc cho nhau trên hành tinh này thì *“Hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bốn, sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhất, chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới thì được toại nguyện, mãn nguyện làm người có đạo đức đầy đủ”*.

Nếu muốn thành tựu những đức hạnh của bậc Thánh nhân và thực hiện thiên định làm chủ sự sống chết của bậc chân nhân mà người đời thường hay ưa thích tu thiên định, nhưng không biết thiên định nào đúng sai cứ nghe thiên định là cứ tu, nhắm mắt tu bừa, tu không suy nghĩ đúng sai phải trái, đã mất công sức tu hành lại còn mất tiền mất của, bỏ đời sống thế gian, bỏ vợ, bỏ con, bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ thân bằng quyến thuộc v.v... Chỉ vì muốn thoát khỏi mọi sự đau khổ của cuộc đời, để trở thành bậc Thánh nhân, nhưng lại tu sai đường, Thánh nhân đâu không thấy, giải thoát đâu không thấy, ngấm lại cuộc đời mình mà đau lòng, bị các nhà tôn giáo lừa đảo mà không dám nói ra, ngậm miệng tự an ủi mình, phải tu nhiều kiếp, kiếp này chưa xong thì kiếp khác tu nữa, Phật Thích Ca ngày

xưa còn tu vô lượng kiếp mới thành Phật, câu này là câu an ủi nhất của những người bị lừa đảo, tu lạc tà pháp, họ muốn hy vọng hảo huyền để mà hy vọng, để mà sống.

Nhưng trong bài kinh Ước Nguyện Phật dạy tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, ta chứng được bốn thiên, thuộc tầng thượng tâm hiện tại lạc trú là từ “*Giới – Định – Tuệ*”.

Như vậy thiên định tu tập đâu có khó khăn gì, thế mà người tu thiên thời nay lại tu quá khó khăn, tu mãi từ hai ba chục năm, nhưng không thành tựu. Các Tổ như Ngài Đại An 12 năm, Diệu Cao Phong 30 năm mà chỉ có triệt ngộ những công án mà thôi, còn làm chủ sanh tử thì chẳng biết gì, tâm sân hận thì vẫn còn cao ngút. Giải thoát đâu không thấy, làm chủ sanh, già, bệnh, chết đâu không thấy, chỉ thấy được mồm mép bèn nhảy đối đáp như gió thổi (cơ phong). Còn một số người nữa lại tu vào các loại thiên khác, xuất hồn, Khí công, Yoga, Mật Tông luyện bùa, niệm chú, bắt ấn v.v... Biến các tu sĩ này thay vì tu giải thoát họ lại tu để làm thầy trị bệnh, trừ tà, ếm quỷ hoặc tập luyện dưỡng sinh, tức là thiên định biến thái thành phương pháp ngừa bệnh.

Thiên định thời nay biến dần thành phương pháp ngừa bệnh (dưỡng sinh) chứ đâu còn là thiên định làm chủ sự sống chết như thời đức Phật.

Nhìn sự tu hành của Phật giáo hiện giờ, ta rất buồn cười thiên định của Phật thì dẹp qua không tu, mà lại tu thiên của ngoại đạo, chỉ vì thiên của ngoại đạo không có giới luật nghiêm túc, đời sống theo dục lạc dễ dàng, ăn uống ngủ nghỉ phi thời.

Do đó tu mãi không kết quả, chạy sang tu các pháp môn khác như Tịnh Độ “*vừa tu Thiền vừa niệm Phật*” như các Tổ Vĩnh Minh, Vân Thê, Từ Vân v.v...

Có người chuyển sang Tịnh Độ hẳn chuyên ròng niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc như Tổ Tông Bồn, Khánh Anh, Thiện Hoa, Thiện Hòa v.v...

Có người chuyển sang vừa tu Tịnh Độ cầu vãng sanh vừa tu Mật Tông; có người lại chuyển sang qua hẳn Mật Tông, chuyên ròng niệm chú, bắt ấn.

Có người tu Tịnh Độ lâu ngày chẳng thấy kết quả gì chuyển qua tu Thiền Tông, lại cũng có người tu Mật Tông lâu ngày chẳng thấy linh ứng chuyển qua tu Thiền Tông. Họ chuyển qua pháp môn này, chuyển lại pháp môn kia tu mãi từ đời này sang đời khác chẳng ra gì, vẫn chết trong đau khổ và còn đau khổ hơn người thế gian.

Hiện giờ người ta tu theo Phật Giáo Đại Thừa, cứ chạy theo ba pháp môn Thiền, Tịnh, Mật và chuyển qua chuyển lại tu tập, cứ thế tu tập cho đến bây giờ chẳng ai tu đến đâu, cứ loanh quanh, lẩn quẩn trong vòng lẩn quẩn, loanh quanh.

Có người tu các loại tà thiền Yoga, xuất hồn lại rơi vào trạng thái Định tưởng; có người tu Thiền Đông Độ rơi vào Pháp tướng nên gọi là triệt ngộ.

Tịnh Độ Tông thì rơi vào sắc, thanh tưởng thấy cảnh giới Tây Phương, Phật Di Đà và Thánh chúng, thấy hoa sen thấy tên họ được đăng ký trên hoa sen và thấy ánh sáng hào quang, nghe Phật Di Đà thuyết pháp v.v.... Đó toàn là sắc thanh tưởng.

Mật Tông thì rơi vào Tha tâm tướng, nên biết chuyện quá khứ vị lai khiến cho mọi người quá nể phục và thường làm trò ảo thuật (thần thông) lừa đảo người.

Tất cả những sự việc đã xảy ra khiến cho người tu tưởng mình đã chứng đạo, nên trong kinh Pháp Môn Căn Bản Phật dạy: *“Tất cả những kết quả đó là tướng tri chứ không phải thực chứng giải thoát (liễu tri)”*.

Bởi vậy, một người tu tìm cầu sự giải thoát mà không sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống không phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bổn, không đầy đủ oai nghi chánh hạnh, không thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, không chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới, thì dù tu ngàn đời Thiên, Tịnh, Mật cũng chẳng đi đến đâu, chỉ uống phí một đời tu hành mà thôi, rồi cũng chạy theo danh, lợi, buôn Phật, bán Pháp mà sống, sống trong cách thức lừa đảo tín đồ để ngồi mát ăn bát vàng.

Thần thông của ngoại đạo do dùng tưởng tu tập như: Yoga, Mật Tông, Khí công, Nội công v.v... Do dùng tưởng tu tập nên có thần thông mà tâm dục chưa diệt, ác pháp chưa trừ, nên dễ sa ngã trong nữ sắc, danh, lợi thế gian v.v... Do sa ngã nữ sắc, danh, lợi thế gian nên thần thông mất dần.

Vì vậy có nhiều vị giáo chủ mới xuống núi, thanh sắc đầy đủ, uy nghi chánh hạnh nghiêm trang khiến cho mọi người ai cũng kính nể lại có thần thông kêu mây, hú gió, sai binh, khiến tướng, sai đậu thành binh, tàng hình, biến hóa, đi trên nước lửa như đi trên đất bằng, ngồi trên hư không như thuyền nổi trên nước, đi xuyên qua vách đá, chôn dưới đất mà vẫn sống, đi trong hư không như chim bay v.v...

Những hành động trên đã khiến cho mọi người kính trọng đem dâng cúng của cải, tài sản và ngay cả sắc đẹp không có vật gì mà họ tiếc.

Thử hỏi, thần thông như vậy để làm gì, có ích lợi gì cho loài người đâu? Chỉ là một trò ảo thuật cho người ta xem chơi mà thôi, để cám dỗ những người nhẹ dạ, ham mê thần thông, chứ không thể lường gạt những người đệ tử Phật được.

Chỉ có một hành động lừa đảo gạt người, một vị đạo sư chỉ dùng một tờ báo nấu sôi một nồi nước đã làm cho mọi người kính nể. Nấu sôi một nồi nước chỉ có một tờ báo, hành động đó ích lợi gì cho con người ở thế gian. Vậy mà mọi người vô minh đều kính phục.

Các vị giáo chủ loại này tâm dục chưa trừ, ác pháp chưa diệt, nên khi thấy của cải, tài sản, sắc đẹp thì ham thích nên lần lần sa ngã và thần thông tướng tiêu mất.

Cho nên thỉnh thoảng báo chí Công an phát giác ra đăng tin, vị giáo chủ này, vị giáo chủ kia, ông đạo này ông đạo kia làm chuyện lừa đảo tín đồ nhẹ dạ.

Ngược lại thần thông của đạo Phật, không do tu tưởng mà có, chỉ dùng *pháp hướng như lý đạo tác ý, để ly dục, ly ác pháp, diệt ngũ xả tâm, đoạn dứt tâm tham, sân, si, mạn, nghi cùng diệt sạch thất kiết sử*. Do tu tập đoạn dứt những điều này mà tâm được thanh tịnh. Nhưng, phải biết rõ, muốn dùng pháp hướng tâm như lý tác ý có hiệu quả, thì *phải sống đúng giới luật, lấy giới luật phòng hộ sáu căn, sống đời sống thiểu dục tri túc, oai nghi tế hạnh hỷ hòi, đi đứng trang nghiêm, đức hạnh trọn vẹn, không hề sai sót một lỗi nhỏ*.

Thần thông của đạo Phật là thần thông vô dục, vô ác pháp. Người tu sĩ đạo Phật, phải biết rõ, vô dục vô ác

pháp chỉ do nhờ có giới luật, mới diệt trừ được dục và ác pháp, nên trong kinh Ước Nguyên Phật dạy: *“Nếu Tỳ Kheo có ước nguyện: Mong rằng ta chứng được các loại thần thông, một thân ta hiện ra nhiều thân, nhiều thân ta hiện ra một thân ta hiện hình tất cả các loài vật, biến hình đi ngang qua vách qua thành, qua núi đá như đi ngang qua hư không; ta độn thổ trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; ta đi trên nước không chìm như trên đất liền, ta ngồi kiết già đi trên hư không như con chim; với bàn tay ta chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy ta có thể, thân ta có thần thông bay cho đến Phạm Thiên.*

Muốn được vậy Tỳ Kheo, hãy sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bổn đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới.”

Qua bài kinh Ước Nguyên đối với đạo Phật, ta muốn những gì để đạt được kết quả theo ý muốn của mình, thì đều phải thực hiện tu tập và sống đúng giới luật đó là một nền tảng vững chắc của đạo Phật, một nền tảng đạo đức thật sự của loài người. Nếu ai bỏ nền tảng đạo đức vững chắc này, dù tu tập có tu đúng thiên định của đạo Phật thì cũng trở thành tà thiên, tà định.

Tại sao vậy?

Tại vì, khi đã lìa khỏi pháp môn căn bản của đạo Phật, tức là giới luật, một pháp môn đầu tiên trong ba pháp môn vô lậu *“Giới, Định, Tuệ”* thì người đó dù có tu theo đạo Phật, nhưng vẫn là tu tà đạo.

Bởi vậy, nhìn tu sĩ Phật giáo hiện giờ, biết Phật giáo suy hay thịnh, mất hay còn. Không phải ở số đông tu sĩ Phật

giáo, không phải ở chỗ Phật giáo được chấp nhận là quốc giáo; không phải Giáo Hội Phật Giáo được tổ chức như một quốc gia có tổ chức hẳn hoi, có các trường học từ sơ, trung, cao đẳng để tu sĩ học tập có cấp bằng cử nhân, tiến sĩ .v.v... Cũng không phải ở chỗ xây cất chùa to, tháp lớn, kiến trúc kiên cố vĩ đại mà ở chỗ tu sĩ phải sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt. Nói tóm lại vị Tỳ Kheo phải giữ gìn giới luật nghiêm túc thì Phật giáo mới còn và hưng thịnh, còn chúng Tỳ Kheo phá giới thì Phật giáo mất và không hưng thịnh.

Lời di chúc năm xưa của đức Phật còn vang mãi trong tai chúng ta *“giới luật còn là Phật Giáo còn, giới luật mất là Phật Giáo mất.”*

Hỡi quý vị Tăng, Ni và Cư Sĩ ! Quý vị có muốn Phật giáo trường tồn với loài người trên hành tinh này chăng? Hay để cho Phật giáo mai một suy tàn chìm mất trong lớp bụi mù dày đặc của tà pháp ngoại đạo (Đại Thừa) đang phủ trùm che khắp.

Nếu muốn Phật giáo được trường tồn và hưng thịnh mãi mãi đem lại hạnh phúc an vui cho loài người và mọi người trên hành tinh này không còn làm khổ mình, khổ người nữa, thì người cư sĩ đệ tử Phật tại gia hãy giữ gìn giới luật của người cư sĩ mà đức Phật đã dạy phải nghiêm túc khi thọ Tam quy, Ngũ giới và Thập thiện, phải lấy nó phòng hộ cuộc sống của mình, giữ gìn đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, không làm khổ mình khổ người thì Phật giáo sẽ còn với quý vị, với loài người trên hành tinh này.

Còn Tỳ Kheo Tăng và Tỳ Kheo Ni đệ tử xuất gia của đức Phật, nếu muốn Phật giáo được trường tồn, làm ngọn

đuốc sáng soi đường đạo đức cho mọi người trên quả địa cầu này và để có hướng đi tìm chân lý giải thoát, thoát khỏi kiếp sống khổ đau của loài người và cũng chính ngay bản thân của quý vị. Quý vị có muốn làm chủ bốn sự khổ đau sanh, lão, bệnh, tử đang tấn công quý vị hằng giây, hằng phút không? Nếu quý vị lơ đãng thì ôi hô ! uổng một kiếp người.

Nếu muốn làm chủ bốn sự khổ đau này thì quý vị đã thọ cụ túc giới phải nghiêm chỉnh sống đầy đủ giới hạnh đầy đủ giới bổn, không nên bẻ vụn giới luật như các Tổ đã làm mà quý vị đang chịu ảnh hưởng rất nặng, sống phá giới.

Quý vị hãy bỏ xuống những gì của các Tổ mà phải trở lại sống đúng như Phật, sống phòng hộ sáu căn với sự phòng hộ của giới bổn, phải đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chân chánh lãnh thọ và tu học các học giới.

VƯỢT DÒNG SANH TỬ

LỜI PHÁT DẠY

“Ý muốn qua dòng sanh tử mà không tu tập theo pháp cấm giới” thì bị Ma Ba Tuần chiếm phần tiện lợi, đó là theo con đường đi tìm cầu Niết Bàn mong được giải thoát trọn không đạt kết quả, tự tạo tội lỗi và nghiệp báo cho mình, lại còn làm cho người khác đắm chìm trong tội lỗi và nghiệp khổ.”
(Tăng Nhất A Hàm tập 4 trang 179).

CHÚ GIẢI:

Hầu hết tu sĩ và cư sĩ hiện giờ không giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh, nên bị Ma Ba Tuần xỏ mũi. Cho nên nhìn trước, nhìn sau chúng ta chưa thấy có một vị tu sĩ nào tu chứng quả A La Hán, chỉ là nói vọng ngữ khéo che đậy theo kinh sách Đại Thừa “Vô sở đắc” hoặc “còn thấy mình

tu chứng là chưa chứng” hoặc “tu vô lượng kiếp”. Đó là những lời nói để lừa đảo tín đồ bằng tướng giải nghĩa lý kinh sách.

Người tu hành nào cũng mong cầu sự giải thoát để ra khỏi bốn sự đau khổ của cuộc đời, nhưng lại gặp giáo pháp Đại Thừa phá giới, bẻ vụn giới, nên tu sĩ và cư sĩ thời nay không có một Sư Thầy nào giới hạnh nghiêm chỉnh, chỉ toàn chạy theo dục ăn, dục ngủ, dục danh, dục lợi, dục chùa to, vật chất nhiều, v.v... Muốn giải thoát mà không ly dục ly ác pháp thì làm sao giải thoát được. Phải không hỏi các bạn?

Không giữ giới thì Ma Ba Tuần chiếm phần tiện lợi. Ma Ba Tuần chiếm phần tiện lợi là gì?

Không giữ giới Ma Ba Tuần chiếm phần tiện lợi có nghĩa là không giữ giới thì tâm tham, sân, si lấy lừng. Người tu hành mà không giữ giới thì đâu khác gì là người thế tục. Đi tu như vậy chỉ phí uổng một cuộc đời, chẳng làm ích lợi gì cho mình cho người, cho gia đình và xã hội.

Người đi tu mà không giữ giới luật thì theo lời dạy trên đây: *“Tự tạo tội lỗi và nghiệp báo cho mình, lại còn làm cho người khác đắm chìm trong tội lỗi và nghiệp khổ”*. Đúng vậy, đi tu mà không giữ gìn giới luật là tự tạo tội lỗi. Tạo tội lỗi là tạo thành nghiệp báo đời này sang đời khác không bao giờ dứt, không những cho riêng mình mà còn cho những người khác nữa.

Người tu hành không giữ gìn giới luật thì oai nghi tế hạnh của vị chân tu Thánh Tăng, Thánh Ni, Thánh Cư Sĩ không bao giờ có. Giới luật đức hạnh Thánh Tăng, Thánh Ni, Thánh Cư Sĩ không có thì lấy gì làm gương cho tín đồ theo đó mà tu hành. Cho nên đoạn kinh này dạy: *“Lại còn làm cho người khác đắm chìm trong tội lỗi và nghiệp khổ”*.

Lời dạy này rất đúng các bạn ạ! Các bạn có thấy không, các Thầy Đại Thừa và Thiên Tông không giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh nên đệ tử của họ (cư sĩ và tu sĩ) cũng xem thường giới luật Phật, phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới (ăn uống, ngủ nghỉ phi thời, cất giữ tiền bạc, sống ưa thích tụ tập nói chuyện) chẳng có một ngày sống độc cư. Họ sống như người thế gian chỉ có khác là chiếc áo cà sa với chiếc đầu cạo trọc, chứ cũng danh, cũng lợi, cũng xe hơi, nhà cao cửa rộng, chùa to Phật lớn, v.v... Đó là do các thầy không giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh nên các đệ tử của họ đắm chìm trong tội lỗi và nghiệp khổ.

Thấy gương hạnh xấu này, nếu chúng ta quyết tu theo Phật Giáo thì hãy tránh xa họ. Tránh xa để làm gương tốt cho tín đồ hay nói cách khác là đệ tử của mình, để họ không bị tội lỗi và nghiệp khổ. Có phải như vậy không các bạn?

Xin các bạn vui lòng đọc kỹ đoạn kinh này thì mới rõ lời răn dạy đối với tu sĩ Phật Giáo hiện nay rất đúng: *“Y muốn qua dòng sanh tử mà không tu tập theo pháp cấm giới”*. Người tu sĩ nào cũng muốn tìm tu để vượt thoát sanh tử, nhưng giới luật lại vi phạm. Vi phạm giới thì tâm không bao giờ ly dục ly ác pháp như trên đã nói. Không ly dục ly ác pháp thì làm sao tìm cầu Niết Bàn được, phải không các bạn? Cho nên lời Phật dạy rất đúng: *“Bị Ma Ba Tuần chiếm phần tiện lợi, đó là theo con đường đi tìm cầu Niết Bàn mong được giải thoát trọn không đạt kết quả”*.

Tìm cầu giải thoát không được lại tự tạo tội lỗi rất lớn làm cho mình cho người chìm đắm trong biển sanh tử luân hồi, như kinh dạy: *“tự tạo tội lỗi và nghiệp báo cho mình, lại còn làm cho người khác đắm chìm trong tội lỗi và nghiệp khổ”*. Như vậy các Thầy tu theo Đại Thừa và Thiên Tông phạm giới, phá giới thật đáng trách vì làm cho Phật Giáo

suy đồi, diệt mất chánh pháp của Phật: “Giới luật còn là Phật Giáo còn, giới luật mất là Phật Giáo mất” và cuối cùng đánh mất nền đạo đức nhân bản – nhân quả của loài người.

XÁC ĐỊNH CÁC PHÁP TU TẬP

LỜI PHẬT DẠY

- 1- *Nhất tâm là định*
- 2- *Bốn niệm xứ là định tướng*
- 3- *Bốn tinh cần là định tư cụ*
- 4- *Sự luyện tập, sự tu tập, sự tái tu tập của những pháp ấy là tu tập định ở đây vậy*
- 5- *Thở vô và thở ra là thân hành*
- 6- *Tầm tứ là khẩu hành*
- 7- *Tướng thọ là tâm hành. (Tăng Nhất A Hàm tập 3).*

CHÚ GIẢI:

Trên đây là sự xác định rất rõ ràng của Đức Phật trong các pháp môn tu hành về thiền định phải tu pháp nào và tu tập như thế nào, nhất là Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy phải dùng thân hành nào trong thân để nhập các loại định và nhập định nào làm chủ được sanh tử luân hồi.

Vậy, muốn thấu hiểu rõ thì chúng ta phải thông hiểu từng câu, từng lời dạy của Đức Phật như dưới đây:

1- *Nhất tâm là gì?* Nhất tâm là “*tâm ly dục ly ác pháp*”, chứ không phải nhất tâm là tâm “*không vọng tưởng, tâm không niệm thiện niệm ác*”. *Tâm ly dục ly ác pháp* là tâm *bất động trước các pháp và các cảm thọ*, cho nên Đức Phật gọi là “*Bất Động Tâm Định*”. Do vậy nên câu này Đức Phật dạy: “*Nhất tâm là định*”. Ở đây các bạn phải khéo hiểu, nếu hiểu không đúng nghĩa thì các bạn sẽ hiểu theo

kiểu kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông. Hiểu theo kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông thì dù các bạn có tu muôn ngàn kiếp cũng chẳng bao giờ có giải thoát.

2- Bốn Niệm Xứ là gì? Bốn Niệm Xứ là một phương pháp tu tập trên bốn chỗ của thân ngũ uẩn là: thân, thọ, tâm và pháp để đạt được ý thức ly dục ly bất thiện pháp, tức là ý thức không phóng dật (không khởi niệm).

Sao lại gọi: **“Bốn Niệm Xứ là định tướng”**? Khi mới bước chân vào tu tập Bốn Niệm Xứ thì phải tu tập 16 loại tướng. Nhờ tu tập 16 loại tướng này nên tâm mới sinh ra nhằm chán các pháp thế gian vì thấu suốt lý các pháp là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, uế trước, do qui luật nhân quả duyên hợp tạo thành chẳng có gì là ta, là của ta, là bản ngã của ta. Do ý nghĩa này mà Bốn Niệm Xứ là **Định Tướng**. Các bạn nên hiểu: **“Định Tướng chứ không phải Tướng Định”**.

3- Bốn Tinh Cần là gì? Bốn Tinh Cần là một tên khác của Tứ Chánh Cần. Tứ Chánh Cần là một phương pháp tu tập dùng ý thức ngăn ác và diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp. Một pháp môn dùng cho mọi người tu tập lúc mới bắt đầu theo Đạo Phật. Do tu tập Tứ Chánh Cần mà mọi người mới giữ gìn giới luật trọn vẹn. Do tu tập Tứ Chánh Cần mà giới luật không bao giờ vi phạm. Do tu tập Tứ Chánh Cần mà tâm hồn mới được thanh thản, an lạc và vô sự. Do tu tập Tứ Chánh Cần mà cuộc sống gia đình mới được an vui và hạnh phúc. Do tu tập Tứ Chánh Cần mà không còn nạn trộm cắp cướp giết giết người, làm mất trật tự, an ninh. Do tu tập Tứ Chánh Cần mà các tệ nạn xã hội không còn nữa, tạo nên một xã hội có trật tự, một đất nước phồn vinh, thịnh trị, v.v...

Sao lại gọi Bốn Tinh Cần là Định Tư Cụ? Bốn tinh cần là pháp môn tu tập làm cho giới luật thanh tịnh như trên

chúng tôi đã nói. Vì giới luật thanh tịnh là tâm thanh tịnh; tâm thanh tịnh là tâm định, nên Đức Phật dạy: *“Giới sinh định”*. Muốn có thiền định thì chỉ cần tu tập giới luật cho thanh tịnh. Giới luật thanh tịnh tức là tâm thanh tịnh; tâm thanh tịnh là tâm ly dục ly ác pháp; tâm ly dục ly ác pháp thì ngay đó là thiền định, nên Đức Phật dạy: *“ly dục ly ác pháp nhập Sơ Thiền”*.

Đọc đến đây các bạn thấy rất rõ thiền định của Đạo Phật là thiền định từ giới luật sinh ra. Nó không giống bất cứ một loại thiền định nào của Đại Thừa và Thiên Tông. Phải không các bạn?

Nếu các bạn tu tập thiền định mà loại thiền định đó không lấy giới luật làm tiêu chuẩn, sống không đúng Phạm hạnh, thường phạm giới, phá giới mà cứ bảo đó là thiền định của Phật Giáo thì các bạn đừng có tin.

Khi biết rõ pháp môn thiền định của Phật do từ giới luật sinh ra thì không ai còn đưa ra một pháp môn nào khác để lừa đảo chúng ta được nữa. Vì lý do này nên lời dạy trong bài kinh nói: *“Bốn Tinh Cần Là Định Tư Cụ”*. Đúng vậy. Pháp môn tu tập thiền định của Phật Giáo Nguyên Thủy chỉ có Định Tư Cụ (Tứ Chánh Cần), ngoài Tứ Chánh Cần ra thì không còn pháp môn nào khác nữa để tu tập thiền định đúng chánh pháp. Nếu có pháp môn nào khác nữa để tu tập thiền định thì chúng ta phải biết đó không phải là pháp môn của Phật Giáo, mà chính là pháp môn của ngoại đạo Bà La Môn.

4 - Sự luyện tập, sự tu tập, sự tái tu tập của những pháp ấy là tu tập định ở đây vậy.

Chúng ta hãy lắng nghe lời Đức Phật xác định những pháp môn Đức Phật đã dạy ở trên đây là những pháp môn tu tập thiền định của Đạo Phật. Vì vậy quán niệm hơi thở

có đúng là pháp môn tu tập thiền định của Đạo Phật không? Không đúng đâu các bạn ạ, nó chỉ là một phương pháp tu tập tĩnh thức mà thôi, chứ nó không phải thiền định. Tu hơi thở không thể nhập định được, tu hơi thở là để an trú thân tâm. An trú thân tâm trong hơi thở là để đẩy lùi các chương ngại pháp.

Quý Sư, Thầy hiện giờ dạy người tu tập thiền định bằng quán niệm hơi thở, quán phình xẹp cơ bụng (Minh Sát Tuệ), quán niệm Phật nhất tâm (Tịnh Độ), quán tri vọng (biết vọng liền buông), niệm chú bất ấn (Mật Tông), tham công án, tham thoại đầu (Thiền Tông),v.v... Các bạn hãy xem các pháp trên đây có phải từ giới luật mà thành định không? Nếu không phải từ giới luật sinh ra định thì những pháp thiền định này là thiền tưởng, thiền của Bà La Môn, thiền của các nhà học giả nặn ra.

Tóm lại muốn tu tập thiền định của Phật Giáo là phải tu tập giới luật. Tu tập giới luật là có giải thoát ngay liền; tu tập giới luật là tu tập đạo đức làm Người, làm Thánh; tu tập giới luật là xây dựng cho mình một cảnh giới Cực lạc, Thiên đàng ngay tại thế gian; tu tập giới luật là tu tập giúp cho thân tâm luôn luôn thanh thản, an lạc và vô sự; tu tập giới luật là tu tập tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ, một trạng thái Niết bàn thật sự hiện tiền mà mọi người không ai ngờ được.

5 - Thở vô và thở ra là thân hành. Tại sao hơi thở ra, vô gọi là thân hành?

Hơi thở ra, vô là sự hoạt động tự động của thân để tạo thành sức sống của cơ thể để tiếp nhận dưỡng khí (gió) bên ngoài. Có thở mới có sống, hết thở là chết. Hơi thở là sự hoạt động của thân cũng giống như sự hoạt động đưa tay, đưa chân hay là chúng ta bước đi kinh hành. Về thân chúng ta có thể chia ra làm hai phần hoạt động:

a) Hoạt động bên trong thân gồm có: Hơi thở, đó là sự hoạt động về hô hấp (phổi) Mạch máu khắp châu thân đang chuyển tải máu đi, máu về. Đó là sự hoạt động về tuần hoàn (tim) gan, bao tử, ruột bộ óc và các tế bào đều đang hoạt động trong thân. Tất cả những sự hoạt động đó gọi là thân hành nội.

b) Thân hành ngoại gồm có: Đi, đứng, nằm, ngồi, co tay, duỗi chân, nói nín, cúi, gật, v.v...

Cho nên sử dụng thân hành nội cũng như thân hành ngoại chỉ tu tập cho tâm được tỉnh thức mà thôi, chứ nó không phải thiền định gì cả. Nếu lấy hơi thở nhập định được thì đi kinh hành cũng nhập định được, hay làm tất cả các công việc cũng đều nhập định được sao? Điều này không thể xảy ra được. Do hiểu rõ điều này nên chúng tôi khẳng định: Đại Thừa, Thiền Tông, Mật Tông, Tịnh Độ Tông và tất cả các loại thiền định ức chế tâm đều không nhập chánh định được, chỉ nhập vào tướng định, định điên cuồng rối loạn thần kinh.

Tóm lại hơi thở ra, vô chỉ là một thân hành trong nhiều thân hành. Vì trong thân có rất nhiều hành động mà Đạo Phật lấy đó làm niệm để tu tập tỉnh thức gọi là Thân Hành Niệm. Người tu nương vào thân hành niệm là mục đích để tu tập tỉnh giác mà thôi. Đừng nghĩ rằng: quán niệm hơi thở theo Sổ Tức Quán của Đại Thừa hay Lục Diệu Pháp môn của Ngài Trí Khái Đại Sư (sổ, tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh), tu tập như vậy là để nhập định. Đó là quan niệm sai lầm, không đúng pháp môn của Phật dạy.

Sao các Tổ tự đặt ra nhiều pháp môn quá vậy để làm gì trong khi mọi người tu tập chỉ tìm cầu sự thoát khổ: sinh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi, chứ không cầu thần thông, không cầu vãng sanh Cực lạc, không cầu Phật tánh, bản thể chân như vô phân biệt? Chính vì các Tổ sản sinh

thần quyền và thù diệt thần thông huyền hoặc quá nhiều. Các Tổ dựa vào hơi thở Yoga sinh ra lăm thiền định, khiến người tu hành điên đảo chẳng biết tu pháp nào, họ như lọt vào rừng hơi thở.

6- *Tâm, tứ là khẩu hành*. Có nghĩa là gì? Câu này Đức Phật xác định để chúng ta nhận xét khi nhập Nhị Thiền để thấy và hiểu biết cho rõ ràng.

Khi nhập Nhị Thiền tâm tứ diệt. Tâm tứ là ý thức, thuộc trong nhóm sáu thức: Mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý. Khi tâm tứ diệt thì mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý đều diệt. Sao ở đây Đức Phật dạy: *“Tâm tứ là khẩu hành”*? Khẩu hành là sự hoạt động của miệng. Sự hoạt động của miệng có hai phần:

- a) Ăn
- b) Nói

Khi nhập Nhị Thiền thì miệng không còn ăn và nói chuyện. Nếu còn ăn và nói chuyện là không nhập Nhị Thiền. Hiển nhiên đúng như vậy các bạn ạ!

Cho nên câu nói: *“Tâm, tứ là khẩu hành”* là để chúng ta biết rõ khi nhập Nhị Thiền là không nói chuyện, không ăn uống được, có nghĩa là miệng không còn hoạt động. Do từ chỗ Tâm tứ diệt là khẩu hành diệt ta suy ra và biết ngay tâm tứ diệt là sáu thức diệt, có nghĩa là khi nhập Nhị Thiền thì người nhập định không phải giống như cây đá vô tri, vô giác, không phải giống như thầy ma người chết. Khi nhập Nhị Thiền Đức Phật còn xác định rõ ràng: *“Định sinh hỷ lạc”*. Vậy, cái gì còn biết hỷ lạc khi sáu thức bị ngưng hoạt động. Cái biết trong Nhị Thiền là cái biết của tướng thức. Tướng thức biết là nhờ thức uẩn hoạt động.

Thưa các bạn! Khi các bạn ngủ thì sáu thức không hoạt động nên bạn mới có chiêm bao. Trong chiêm bao cái gì biết, nghe, thấy và cảm nhận, các bạn có biết không? Đó là tưởng thức các bạn ạ!

Nhập Nhị Thiền, nói cho dễ hiểu là nhập vào thế giới chiêm bao. Thế giới chiêm bao là thế giới tưởng. Cho nên nhập Nhị Thiền là nhập vào trạng thái của tưởng căn (nhóm tế bào tưởng) do tưởng uẩn hoạt động.

Tóm lại “*Tâm, tứ là khẩu hành*”, là chỉ cho trạng thái Nhị Thiền cần phải diệt.

7- *Tưởng, thọ là tâm hành*. Vậy tưởng, thọ là tâm hành là gì? Tưởng là tưởng uẩn; thọ là thọ uẩn. Khi tưởng uẩn và thọ uẩn còn hoạt động thì không bao giờ nhập diệt thọ tưởng định được. Ở đây Đức Phật nêu: “*Tưởng, thọ là tâm hành*” để nhắc khéo cho chúng ta biết khi nhập Tam Thiền thì phải ly tưởng dục (ly hỷ trú xả nhập Tam Thiền), nếu còn một chút xíu tưởng hỷ dục thì không bao giờ nhập Tam Thiền được. Khi nhập Tứ Thiền thì phải xả hết cảm thọ, còn một chút cảm thọ nơi thân tâm thì không nhập được Tứ Thiền.

Ở đây chúng tôi xin nhắc lại các bạn cần lưu ý: Khi muốn nhập Sơ Thiền thì các bạn cần ly dục, ly ác pháp. Muốn ly dục ly ác pháp thì các bạn cần phải tịnh chỉ ngôn ngữ (lời nói) tức là sống độc cư trầm lặng một mình mà tâm không phóng dật thì mới có thể nhập được Sơ Thiền. Khi tâm không phóng dật là tâm bất động. Tâm bất động là tâm có đầy đủ bảy năng lực Giác Chi, do đó mới nhập được Sơ Thiền.

Khi muốn nhập Nhị Thiền thì các bạn phải diệt tâm tứ. Muốn diệt tâm tứ thì các bạn phải tịnh chỉ khẩu hành. Muốn tịnh chỉ khẩu hành thì phải có đủ bảy năng lực Giác

Chi, nếu không có đủ bảy năng lực Giác Chi thì không bao giờ tịnh chỉ khẩu hành được. Và như vậy các bạn cũng không bao giờ nhập Nhị Thiền được.

Khi muốn nhập Tam Thiền thì các bạn phải ly các trạng thái hỷ tưởng. Ly các trạng thái hỷ tưởng tức là tịnh chỉ mộng tưởng, có nghĩa là người nhập Tam Thiền thì thoát ra khỏi thế giới mộng tưởng. Muốn thoát ra khỏi thế giới mộng tưởng thì phải dùng bảy năng lực của Giác Chi, nếu không có bảy năng lực Giác Chi thì không bao giờ ly hỷ được.

Khi muốn nhập Tứ Thiền thì phải xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh tức là xả thọ. Muốn xả thọ thì phải tịnh chỉ hơi thở ra, hơi thở vô. Muốn tịnh chỉ hơi thở ra, hơi thở vô thì phải có đủ bảy năng lực của Giác Chi, nếu không có đủ bảy năng lực Giác Chi thì khó mà nhập được Tứ Thiền.

Khi muốn nhập Diệt Thọ Tướng Định thì phải có đủ bảy năng lực Giác Chi mới nhập Diệt Thọ Tướng, nếu không có bảy năng lực Giác Chi thì không bao giờ nhập Diệt Thọ Tướng được.

Tóm lại bảy lời dạy trên đây của Đức Phật là chỉ thẳng mục đích tu tập từ con người phàm phu để trở thành những bậc Thánh nhân A La Hán vô lậu, làm chủ sự sống chết hoàn toàn và chấm dứt luân hồi, không còn trở lui trạng thái này nữa.

THIỀN XẢ TÂM

LỜI PHẬT DẠY

***“Giữ thân được nhẹ nhàng
Giữ tâm khéo giải thoát
Không còn các sở hành***

*Chánh niệm không tham trước
Biết rõ được chánh pháp
Không tâm tu thiền định
Không phần nộ vọng niệm
Không thùy miên giải đãi
Như vậy vị tu sĩ
Sống giữa nhiều chướng ngại
Đã vượt năm bực lưu
Lại gắng vượt thứ sáu
Như vậy tu thiền tư (xả).*

CHÚ GIẢI:

Trong thời đại chúng ta nói đến tu thiền thì ai cũng đều hiểu là phải ngồi bán già hay kiết già rồi tập trung gom tâm, giữ tâm không vọng tưởng. Như Tịnh Độ Tông trong kinh Di Đà dạy: *“Thất nhật nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu A Di Đà Phật”* tức là bảy ngày đêm niệm Phật A Di Đà không có niệm vọng tưởng xen vào câu niệm Phật thì khi lâm chung được Đức Phật A Di Đà rước về cõi Cực Lạc Tây phương. Thiền Tông trong kinh Pháp Bảo Đàn dạy: *“chẳng niệm thiện niệm ác bản lai diện mục hiện tiền”* tức là kiến tánh thành Phật. Trong kinh sách Đại Thừa Kim Cang dạy: *“Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”*, có nghĩa là đừng nên trụ tâm vào bất cứ một chỗ nào thì tâm kia là Phật. Pháp An Ban Thủ Ý, Lục Diệu Pháp Môn của các Tổ dạy đều đếm hơi thở hoặc tùy hơi thở ra vô để ức chế tâm không cho vọng tưởng xen vào. Từ xưa cho đến ngày nay người ta đã tu tập thiền ức chế tâm như vậy, nhưng kết quả không thấy ai giải thoát cả, chỉ huyền thoại những câu chuyện lừa đảo chúng ta mà thôi, cho nên một Thiền sư Việt Nam, Ngài Thường Chiếu nói về Thiền Đông Độ, Ngài cho đó là bộn đại bịp: *“Một con chó sửa một bầy chó sửa theo”*. Biết tu không kết quả nhưng chẳng có Thầy Tổ nào dám nói thật cho chúng ta biết.

Đến ngày nay chúng ta vẫn còn chịu ảnh hưởng quá sâu đậm, nên ngồi lại tu thiền người nào cũng gom tâm tập trung, chỉ mong diệt sạch vọng tưởng. Đó là một tập khí thói quen, mọi người không thể bỏ được. Ngược lại Đạo Phật dạy *“Thiền Xả Tâm – Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp”* chứ không phải ngồi bán già, hay kiết già ức chế tâm như vậy.

Qua bài kệ trên đây chúng tôi xin hỏi quý vị, quý vị cứ thành thật mà trả lời.

Khi ngồi bán già, hoặc kiết già mà cổ chịu đựng khi hai chân bị đau hoặc tê hoặc nóng, đó là ác pháp hay là thiện pháp? Đây có phải là tự mình làm khổ mình chăng?

Khi tập trung gom tâm đầu nặng hay nhức đầu mà cổ kéo dài chịu trận, đây là thiện pháp hay là ác pháp? Đây có phải tự mình làm khổ mình chăng?

Đức Phật dạy ngăn ác diệt ác pháp mà tự làm khổ mình thì có ngăn ác diệt ác pháp không? Xin quý vị trả lời.

Trong bài kệ Đức Phật dạy: *“Giữ thân được nhẹ nhàng”* tức là thân khinh an, thân khinh an ở đây thân có đau, tê, nóng không quý vị?.

Câu kệ thứ hai: *“Giữ tâm khéo giải thoát”*. Ở đây tâm hữu sự hay vô sự? Nếu bảo rằng vô sự thì sao tâm Thiền Tông, Đại Thừa lại làm việc quá nhiều (gom tâm tập trung vào hơi thở, dùng câu niệm Phật, đi kinh hành, khởi nghĩ tình đến nổi nặng đầu, v.v...). Khéo giữ tâm giải thoát có nghĩa là tâm thanh thản, an lạc và vô sự.

Câu kệ thứ ba: *“Không còn các sở hành”*. Ở đây chúng ta cần phải hiểu nghĩa sở hành. Vậy sở hành nghĩa là gì? Sở hành nghĩa là bản tính thói quen của một con người.

Khi tu tập khéo giữ gìn tâm bằng cách dùng ý thức tri kiến ly dục, ly ác pháp thì tâm sẽ được thanh thản, an lạc và vô sự. Do tâm được thanh thản, an lạc và vô sự, nên không còn các sở hành tức là thói quen không còn, hay nói cách khác là tập khí không còn.

Thiền Tông hay Đại Thừa khi tu hành kiến tánh thành Phật rồi mà tâm tham, sân, si, mạn, nghi vẫn còn thì họ bảo rằng: “Bồ Tát vẫn còn tập khí”. Đó cũng là lời nói lừa mình, lừa người của kinh sách Đại Thừa. Còn Phật Giáo Nguyên Thủy thì Đức Phật xác định *“Không còn các sở hành”* tức là không còn tập khí (thói quen).

Câu kệ thứ tư: *“Chánh niệm không tham trước”*. Vậy tham trước nghĩa là gì? Tham trước có nghĩa là do tâm tham muốn dính mắc các pháp. Toàn câu kệ *“Chánh niệm không tham trước”* có nghĩa là tu tập Tứ Niệm Xứ nên tâm đã khắc phục được những tham ưu trên thân, thọ, tâm, và pháp. Nhờ đó mà tâm không còn phóng dật.

Câu kệ thứ năm: *“Biết rõ được chánh pháp”*. Biết rõ được chánh pháp tức là biết cách tu tập của pháp Tứ Niệm Xứ.

Câu kệ thứ sáu: *“Không tâm tu thiền định”*. Ở đây Đức Phật dạy: Biết cách tu tập của pháp Tứ Niệm Xứ thì không cần phải đi tìm pháp tu tập thiền định nào khác nữa.

Câu kệ thứ bảy: *“Không phần nộ vọng niệm”*. Người tu tập theo thiền xả tâm của Tứ Niệm Xứ thì vọng niệm đến càng tốt, vì có đối tượng dùng *“Pháp Tác Ý”* trong chánh tư duy. Nhờ có tu tập như vậy tri kiến giải thoát sẽ hiện bày. Do tri kiến giải thoát hiện bày thì sở hành và tham trước không còn. Sở hành và tham trước không còn thì tâm không phóng dật; tâm không phóng dật thì thành chánh giác. *“Nhờ Tâm không phóng dật mà Ta thành*

Chánh Giác”, đây là lời di chúc của Đức Phật đã xác định lúc sắp nhập Niết bàn.

Người tu hành hiện nay ngồi hoặc đi kinh hành thấy không vọng niệm là cho mình tu tập có kết quả tốt, còn có vọng niệm xen vào là cho tu tập xấu, không tốt. Đó là một quan niệm hết sức sai lầm trong vấn đề tu tập để làm chủ sanh, già, bệnh, chết. **Đối với Phật Giáo thì vọng niệm là một đối tượng để tu tập Định Vô Lậu.** Có tu tập Định Vô Lậu thì mới chứng quả A La Hán vô lậu. Phải không các bạn?

Bởi vậy câu kệ thứ bảy dạy: **“Không phần nộ vọng niệm”** xác định được pháp tu không ức chế tâm. Xin các bạn lưu ý câu kệ này, nó giúp các bạn tu tập đúng pháp.

Câu kệ thứ tám: **“Không thủy miên giải đãi”**. Vậy thủy miên, giải đãi nghĩa là gì? Thủy miên là buồn ngủ; giải đãi là lười biếng. Khi biết cách tu tập Tứ Niệm Xứ thì phải thiện xảo phá cho sạch buồn ngủ và lười biếng, vì trạng thái buồn ngủ và lười biếng thuộc về tâm si nên rất khó dẹp, phải kiên trì, bền chí đi kinh hành Chánh Niệm Tỉnh Giác hoặc tu tập pháp môn Thân Hành Niệm thì mới có hy vọng dẹp bỏ được.

Câu kệ thứ chín: **“Như vậy vị Tu Sĩ”**. Câu này Đức Phật xác định nếu vị tu sĩ tu tập được như trên thì dù bất cứ ở nơi đâu chẳng còn lo sợ các ác pháp, vì tu tập như vậy thì không có ác pháp nào tác động vào tâm được, tâm luôn luôn bất động.

Câu kệ thứ mười: **“Sống giữa nhiều chướng ngại”**. Câu này lại chỉ rõ hơn, không còn sợ chướng ngại nào tác động vào tâm tư họ được, có nghĩa là người tu sĩ tu tập được như vậy dù sống giữa nhiều chướng ngại pháp mà tâm vẫn thanh thản, an lạc và vô sự một cách tự nhiên.

Câu kệ thứ mười một: “*Đã vượt năm bậc lưu*”. Khi người tu sĩ tu tập như vậy, dù sống giữa nhiều chướng ngại mà tâm vẫn bất động, đó là đã vượt những bậc lưu. Chúng ta cần phải hiểu nghĩa bậc lưu trong câu kệ thứ mười. Vậy bậc lưu là gì? Bậc lưu là dòng thác. Ở đây có năm bậc lưu, tức là năm dòng thác:

Dục bậc lưu
Hữu bậc lưu
Kiến bậc lưu
Vô minh bậc lưu
Ái bậc lưu.

Bậc lưu là dòng thác; dòng thác là chỉ cho sức mạnh của nước từ trên cao đổ xuống khó có ai vượt qua. Như vậy người tu sĩ Đạo Phật phải vượt qua năm dòng thác này mới tìm thấy sự chân thật giải thoát. Vậy nghĩa của năm dòng thác này là gì?

Dục bậc lưu: là dòng thác dục tức là sức mạnh của lòng tham muốn.

Hữu bậc lưu: là dòng thác của các vật sở hữu tức là sức mạnh dính mắc của các vật sở hữu.

Kiến bậc lưu: là dòng thác kiến chấp tức là sức mạnh của kiến chấp.

Vô minh bậc lưu: là dòng thác ngu si không thấy như thật các pháp tức là sức mạnh của ngu si khiến cho chúng ta thấy các pháp không như thật.

Ái bậc lưu: là dòng thác thất tình: hỷ, nộ, ái, ố, ai, lạc, dục tức là sức mạnh của bảy thứ tình, người tầm thường không thể vượt qua được.

Khi vượt qua năm bậc lưu này còn chưa đủ giải thoát rốt ráo, nên Đức Phật dạy câu kệ thứ mười hai: *“Lại gắng vượt thứ sáu”*.

Câu kệ này xác định người tu sĩ phải vượt qua sáu bậc lưu. Vậy bậc lưu thứ sáu là gì?

Bậc lưu thứ sáu là tướng bậc lưu, tướng bậc lưu là dòng thác tướng tức là sức mạnh của tướng dục (tướng lực). Tướng dục gồm có 18 loại hỷ tướng và bốn định vô sắc, bốn định vô sắc gồm có: *“Không Vô Biên Xứ Tướng, Thức Vô Biên Xứ Tướng, Vô Sở Hữu Xứ Tướng, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ”*.

Người vượt qua được sáu bậc lưu này là do tu thiền quán tức là Định Vô Lậu, chứ không phải thiền ức chế tâm cho hết vọng tưởng. Vì thế đến câu kệ thứ mười ba Đức Phật đã xác định cho chúng ta thấy: *“Như vậy tu thiền tư”*. Tu như vậy tức là tu thiền tư. Vậy thiền tư là gì?

Thiền tư là thiền quán, quán bằng *“Ý thức tri kiến”*. Thiền tư còn gọi là *“Định Vô Lậu”*, là *“Thiền Xả Tâm”*, tu tập bằng sự tư duy quán xét.

Thiền tư phải tu tập bằng *“Ý Thức”* để ly dục ly ác pháp. Muốn tu tập Thiền tư thì phải dùng: *“Định Vô Lậu, Định sáng suốt, Định Chánh Niệm Tỉnh Giác, Định Niệm Hơi Thở, Tứ Niệm Xứ, Thân Hành Niệm và pháp Như Lý Tác Ý”*.

Tóm lại Thiền Xả Tâm là một thứ thiền tu hành bất cứ trong oai nghi nào cũng đều giữ gìn thân được khinh an, an lạc và tâm được thanh thản và vô sự.

Thiền Xả Tâm là một thứ thiền, tu hành có giải thoát ngay liền, càng tu càng thấy thân tâm nhẹ nhàng, an ổn, sống một đời sống trọn đầy đạo đức làm người, không làm khổ

mình, khổ người và cũng không làm những điều mê tín, lừa đảo người khác.

Xin quý vị đọc lại bài kệ “*Thiền Xả Tâm*” của Đức Phật trên đây rồi suy tư từng câu đã giảng thì quý vị sẽ rõ và không còn nghi ngờ gì nữa.

KHI NÀO NGỒI KIẾT GIÀ TU TẬP

LỜI PHẬT DẠY

“Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, thành tựu Thánh hộ trì các căn này, thành tựu Thánh chánh niệm tỉnh giác này.

Lựa một trú xứ thanh vắng, như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây ngoài trời, đồng rơm.

Sau khi ăn xong và đi khát thực trở về, vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt.

Vị ấy từ bỏ dục tham ở đời, sống với tâm thoát ly dục tham, gột rửa tâm hết dục tham.

Vị ấy từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng sanh hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận.

Vị ấy từ bỏ hôn trầm thù miên, sống thoát ly hôn trầm thù miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thù miên.

Vị ấy từ bỏ trạo cử, hối quá, sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối quá.

Vị ấy từ bỏ nghi ngờ, sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân, lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp”.
(Kinh Trung Bộ, tập 2, trang 24).

CHÚ GIẢI:

Đọc hết đoạn kinh này, chúng ta thấy sự tu tập được chia ra làm hai giai đoạn. Giai đoạn tu thứ nhất, chia làm ba pháp tu tập:

- 1- *Thánh giới uẩn***
- 2- *Thánh hộ trì các căn***
- 3- *Thánh chánh niệm tỉnh giác***

Trong ba pháp này tu tập như thế nào? Trước tiên chúng ta phải tu tập Thánh giới uẩn. Vậy Thánh giới uẩn là gì?

- Thánh giới uẩn là giới luật. Vì phải tu tập Thánh giới uẩn, do đó Đức Phật khuyên bảo: “*Phải hành trì học giới và hạnh sống các vị Tỳ Kheo*”. Ở lời dạy này chúng ta nên lưu ý: “*Hành trì học giới và hạnh sống*”. Hành trì học giới nghĩa là gì? Là một hành giả tu theo Phật Giáo thì phải thông hiểu giới luật. Muốn thông hiểu giới luật thì phải học giới luật. Đây là bài kinh giới xin các bạn nên học cho thuộc để biết hành trì cho đúng. Trong mỗi giới luật đều chia làm bốn phần:

- 1- *Giới cấm***
- 2- *Giới hạnh***
- 3- *Giới đức***
- 4- *Giới hành***

1 - *Giới cấm nghĩa là gì?* Giới cấm là một điều luật bắt buộc mỗi tín đồ không được vi phạm, nếu ai vi phạm thì không được chấp nhận là tín đồ Phật Giáo nữa. Giới cấm giống như pháp luật trong một nước, mà mỗi công dân trong nước đó phải chấp hành, tuân thủ, không được vi phạm, nếu ai vi phạm thì sẽ bị toà án kết tội, nặng nhẹ tùy theo bộ luật đã qui định.

2 - *Giới hạnh là gì?* Giới hạnh là những hành động không vi phạm giới luật, là những hành động cao quý không làm

khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh, là những hành động ôn tồn nhã nhặn, khiêm hạ, từ tốn, dịu dàng, an ủi, xoa dịu những vết thương của mọi người và tất cả chúng sanh, là những hành động không làm trái với lương tâm của mình, v.v...

3 - Giới đức là gì? Giới đức là đức từ, đức bi, đức hỷ, đức xả, đức nhẫn nhục, đức tùy thuận, đức bằng lòng, đức hiếu sinh, đức buông xả, đức ly tham, đức ly dục, v.v...

Trong bài kinh giới này gồm có nhiều giới cấm:

Như giới thứ nhất. Cấm sát sanh có nghĩa là không được giết hại chúng sanh, từ con người cho đến những loài vật nhỏ bé, nói chung là không được giết hại con vật nào cả. Giết hại một con vật chết thì không thể nào tránh khỏi quả báo bị giết hại trở lại. Ví dụ một người ăn thịt chúng sanh, bị ghép vào hai tội. Tội thứ nhất là tội giết mạng sống; tội thứ hai là tội chiếm hữu mạng sống. Căn cứ theo luật nhân quả thì người ăn thịt chúng sanh sẽ bị giết hại và bị ăn thịt trở lại.

Nếu liệt kê tất cả các giới ra đây thì trở thành bộ kinh giới, nên xin các bạn vui lòng nghiên cứu Mười Giới Đức Thánh Sa Di, Một Trăm Hai Mươi Giới Đức Thánh Tăng, Ni thì sẽ rõ, còn ở đây chúng tôi chỉ nêu lên một số giới (của tu sinh) tượng trưng để sau này các bạn nghiên cứu bộ giới mới sẽ hiểu biết đầy đủ hơn:

Không tham lam trộm cắp
Không dâm dục
Không nói láo
Không nói hai chiều
Không nói lời hung ác
Không nói lời phù phiếm
Không làm hại hạt giống

**Không làm hại cây cỏ
Ăn ngày một bữa
Không ăn uống phi thời
Không ăn ban đêm
Không đi xem múa hát
Không trang sức vòng hoa hương liệu
Không nằm giường cao rộng lớn
Không nhận bạc tiền vàng ngọc của cải
Không nhận các hạt giống
Không nhận thịt
Không nhận đàn bà con gái
Không nhận nô tỳ trai hay gái
Không nhận cừu dê bò
Không nhận gia cầm, heo gà
Không nhận voi ngựa
Không nhận ruộng vườn đất đai
Không làm môi giới
Không buôn bán
Không gian lận bằng cân, đo, đong, thiếu
Không ăn hối lộ
Không làm tổn hại gây thương tích chúng sanh
Ít muốn, biết đủ.v.v...**

4 - Giới hành là gì? Giới hành là những pháp môn thực hành để tâm ly dục ly ác pháp, để sống không làm khổ mình khổ người và khổ cả hai, để tâm thanh thản an lạc và vô sự, để tâm không phóng dật, để tâm vô lậu, để tâm có đủ Tứ Như Ý Túc, để tâm có đủ Tam Minh.

Các giới hành gồm có: *Tứ Bất Hoại Tịnh, Tứ Vô Lượng Tâm, Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ, Tứ Như Ý Túc, Thất Giác Chi, Ngũ Căn, Ngũ Lực.* Như vậy tất cả pháp trên đây được gọi là 37 phẩm trợ đạo.

Trên đây là Thánh giới uẩn, một người tu hành để tìm cầu sự giải thoát mà không thành tựu Thánh giới uẩn này thì con đường giải thoát không bao giờ tìm thấy được. Cho nên Đức Phật dạy: *“Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này”*. Thành tựu Thánh giới uẩn là thành tựu phần một trong giai đoạn tu tập thứ nhất mà người tu sĩ cần phải nhiếp phục tâm mình và giữ gìn trọn vẹn những Thánh giới này.

Về phần thứ hai trong giai đoạn một là phần Thánh hộ trì các căn mà các bạn đã được học và tu tập trong tập II và tập III Những Lời Phật Dạy (sẽ trích lục ở những phần tiếp theo). Vậy phần này chúng tôi không cần giảng dạy trở lại. Nhưng các bạn phải nhớ lời dạy của Phật: *“Thành tựu Thánh hộ trì các căn này”*. Muốn tu tập làm chủ sanh tử luân hồi mà không thành tựu Thánh hộ trì các căn này thì chẳng bao giờ nếm được mùi vị giải thoát.

Khi đã thành tựu được phần thứ hai thì tiếp tục tu tập phần thứ ba trong giai đoạn một. Phần thứ ba này không kém phần quan trọng như hai phần trên. Nếu không tập chánh niệm tỉnh giác thì sức tỉnh thức không có. Sức tỉnh thức không có thì si mê sẽ hiện rõ qua những trạng thái thủy miên, hôn trầm, hôn tịch, vô ký, ngoan không, v.v... Bởi vậy người tu sĩ phải tu tập nhiều về Chánh niệm tỉnh giác, như Đức Phật đã dạy: *“Thành tựu Thánh chánh niệm tỉnh giác này”*. Chỉ khi nào thành tựu Chánh niệm tỉnh giác tức là chúng ta không còn ngủ nghỉ phi thời, không còn hôn trầm thủy miên tấn công thì chúng ta mới tu tập xong giai đoạn một. Tu tập như vậy mới có căn bản, mới có kết quả hiện thực tốt đẹp, mới có niềm tin sâu về Phật pháp, mới thấy Phật pháp không dối người.

Tu tập xong giai đoạn thứ nhất, chúng ta mới bắt đầu tu tập giai đoạn hai. Bước qua tu tập ở giai đoạn hai, trước tiên chúng ta nên tìm một nơi cho xứng hợp với pháp môn

tu tập trong giai đoạn này. Nơi xứng hợp để tu tập ở giai đoạn hai là nơi như thế nào? Chúng ta hãy nghe Đức Phật dạy: *“Lựa một trú xứ thanh vắng, như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây ngoài trời, đồng rơm, v.v...”*. Như vậy rõ ràng Phật dạy chúng ta tìm nơi vắng vẻ yên tĩnh để tu tập giai đoạn hai mới có kết quả. Vậy nơi chốn chúng ta đã tìm được rồi thì đây là thuận duyên còn nếu nghịch duyên thì chúng ta phải làm sao?

Thưa các bạn! Nếu chưa có nơi thanh tịnh vắng lặng để tu tập ở giai đoạn hai thì chúng ta nên tu tập trở lại ở giai đoạn một cho thấm nhuần giới luật, đức hạnh hiện bày, cho phòng hộ sáu căn miên mật hơn và cho chánh niệm tỉnh giác cao hơn nữa.

Nếu vị trí thanh tịnh để tu tập chưa có mà vội vàng tu thì tu cũng chẳng có kết quả gì. Vì thế Đức Phật dạy: *“Lựa một trú xứ thanh vắng, như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây ngoài trời, đồng rơm, v.v...”*. Đó là nơi lý tưởng tu tập ở giai đoạn hai. Là một tu sĩ đệ tử của Đức Phật, khi Đức Phật dạy như vậy thì chúng ta hãy tin tưởng và làm theo cho đúng lời dạy này.

Đọc đoạn kinh trên chúng ta quan sát thấy rất rõ Đức Phật dạy tu tập từng giai đoạn một, giai đoạn này tu xong mới tu tập đến giai đoạn khác.

Sau khi tìm được vị trí thanh vắng, yên tĩnh, nhưng chúng ta cũng chưa vội tu, mà hãy theo lời Đức Phật dạy là phải xin cơm ăn cho no bụng. Khi ăn xong rồi mới vào vị trí thanh vắng đó, bắt đầu tu tập. Còn nếu chưa ăn cơm xong mà vội tu tập thì bụng đói sẽ khó tu tập. Vì thế Đức Phật dạy: *“Sau khi ăn xong và đi khát thực trở về, vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt”* nghĩa là đi khát thực rồi đến một nơi nào đó ăn cơm. Sau khi ăn cơm xong ta nên nghỉ ngơi một chút cho tiêu

hóa cơm và thực phẩm, khoảng độ 30 phút hoặc một giờ thì chúng ta mới đến vị trí thanh vắng để tu tập.

Bài pháp này Đức Phật dạy chúng ta tu tập rất rõ ràng từng chi tiết. Bắt đầu khởi sự tu tập thì phải thực hiện cho bằng được *“Thánh giới uẩn”*. Khi giới luật được nghiêm trì, không còn vi phạm thì tiếp tục tu tập *“Hộ trì các căn”*. Khi hộ trì các căn nghiêm chỉnh, các căn không còn dính mắc các trần thì tiếp tục tu tập cho bằng được *“Chánh Niệm Tĩnh Giác”* để phá sạch hôn trầm, thù miên, vô ký. Xin các bạn lưu ý ba pháp trên đây và tu tập cho đúng bài bản thì kết quả giải thoát không thể lường được. Đó là một nền tảng tu tập vững chắc bảo đảm sự giải thoát sẽ đến với các bạn ngay liền, ở trong tầm tay các bạn. Trong sự tu tập các bạn nên nhớ là phải thiện xảo, linh động uyển chuyển khéo léo thay đổi pháp theo từng tâm niệm của mình. Cố định pháp, cố định giờ giấc thành ra tu tập ức chế. Đạo Phật dạy chúng ta chế ngự thân tâm, chứ không phải ức chế thân tâm. Chế ngự thân tâm chắc các bạn rõ chứ!

Sau khi thành tựu những pháp này rồi, mới bắt đầu tìm nơi thanh vắng yên tịnh tức là nhập thất tu hành ở giai đoạn thứ hai. Ở giai đoạn thứ hai *“Sau khi ăn xong và đi khất thực trở về, vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt”*. Ở giai đoạn này có ba việc cần làm:

- Ăn cơm xong tức là giờ trưa (giờ ngọ), khoảng 12 giờ và nghỉ trưa 30 phút, tắm giặt 30 phút nữa tức là 1 giờ. Đúng 1 giờ bắt đầu tu tập. Vậy vào giờ này tu tập cái gì? Theo như lời Phật dạy: *“Vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng tại chỗ nói trên”* nghĩa là chúng ta phải tập luyện ngồi tréo chân kiết già và giữ lưng thẳng cho được, tại nơi thanh vắng yên tịnh đã chọn trước.

- Thừa các bạn! Đây là giai đoạn thứ hai của sự tu tập, các bạn nên nhớ kỹ: thứ nhất là tập ngồi kiết già, lưng thẳng. Đó cũng là một phương pháp tu tập để giữ gìn thân bất động trong tư thế tĩnh thức. Ở giai đoạn tu tập này các bạn nên khép chặt thân bạn trong tư thế ngồi kiết già thì mới dễ nhiếp tâm an trú trong chánh niệm tỉnh giác. Nếu các bạn quá dễ dãi không khép chặt thân trong tư thế ngồi kiết già này thì các bạn khó mà an trú tâm.

Cần phải tập ngồi vững vàng từ 5 phút đến 30 phút. Trong khi vừa tập ngồi kiết già vừa nhiếp tâm an trú chánh niệm trước mặt mình, như Đức Phật đã dạy: *“Và an trú chánh niệm trước mặt”*. Như vậy chánh niệm trước mặt là niệm gì? Có phải là niệm hơi thở vô, hơi thở ra không?

- Thừa các bạn! Không phải niệm hơi thở vô, hơi thở ra mà là niệm từ bỏ tâm dục tham ở đời, sống thoát ly dục tham, gột rửa tâm hết dục tham các bạn ạ! Các bạn có tin lời chúng tôi nói này không? Nếu không tin thì các bạn hãy nghe Đức Phật dạy: *“Vị ấy từ bỏ dục tham ở đời, sống với tâm thoát ly dục tham, gột rửa tâm hết dục tham”*. Như vậy rõ ràng Đức Phật dạy chúng ta đặt chánh niệm tỉnh thức là niệm từ bỏ, thoát ly, gột rửa dục tham. Niệm tu tập như vậy không giống như kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông chút nào. Phải không các bạn?

Các bạn nên lưu ý ở chỗ chánh niệm đặt trước mặt mà Đức Phật đã dạy đó là *“niệm từ bỏ dục tham, niệm thoát ly dục tham, niệm gột rửa hết dục tham”*. Ba niệm này là ba pháp được đặt trước mặt bạn quán xét để bạn từ bỏ, thoát ly và gột rửa tâm dục tham của bạn. Khi tâm tham dục hết là bạn được giải thoát.

Con đường tu hành theo Phật Giáo thật là đơn giản chỉ có tìm chỗ thanh vắng, ngồi kiết già, lưng thẳng, an trú chánh niệm từ bỏ, chánh niệm thoát ly và chánh niệm gột

rửa tâm dục tham của bạn. Chỉ có bấy nhiêu đấy thôi mà quý bạn sẽ thấy một cuộc đời giải thoát, một bầu trời an lạc hạnh phúc tuyệt vời mà người thế tục không thể nào ngờ được, không thể nào hưởng được.

Ôi! Được sinh làm người là khó, gặp được chánh Phật pháp còn khó hơn. Thế mà được làm người, được gặp chánh Phật pháp, chúng ta lại không tu tập thì quá uổng phí một đời người. Phải không hở các bạn? Chúng tôi phải thành thật tiếc thay cho các bạn đấy! Các bạn có biết không? Chúng tôi cũng từ pháp này tu tập sáu tháng làm chủ sinh, già, bệnh, chết.

Khi các bạn tu tập đã từ bỏ, thoát ly và gột rửa tâm dục tham của bạn xong thì các bạn lại tiếp tục đặt những niệm khác như: từ bỏ tâm sân hận, sống với tâm không sân hận, gột rửa tâm hết sân hận và luôn luôn khởi lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng sanh loài hữu tình. Có tu tập như vậy mới đúng theo lời Đức Phật đã dạy: *“Vị ấy từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, vị ấy sống lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng sanh hữu tình, vị ấy, gột rửa tâm hết sân hận”*.

Khi các bạn tu tập từ bỏ tâm sân hận, sống với tâm không sân hận, gột rửa tâm hết sân hận và sống với lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng sanh loài hữu tình xong thì các bạn lại tiếp tục tu tập quét sạch hôn trầm thù miên, theo như lời Đức Phật đã dạy: *“Vị ấy từ bỏ hôn trầm thù miên, sống thoát ly hôn trầm thù miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thù miên”*. Các bạn cứ theo lời dạy này mà đặt niệm hôn trầm thù miên trước mặt mà tác ý tu tập thì sẽ không còn thù miên và hôn trầm nữa.

Tất cả các bạn về tu viện Chơn Như tu tập, hầu hết các bạn đều bị hôn trầm thù miên tấn công dữ dội, cuối cùng

các bạn đều là những người lính chiến bại ở mặt trận này. Các bạn có biết tại sao các bạn thất trận không? Các bạn thất trận là vì các bạn không theo lời Phật dạy tu tập đúng cách xả tâm.

Khi tu tập phá dẹp hôn trầm thù miên đã không còn nữa thì các bạn tiếp tục tu tập từ bỏ trạo cử, hồi quá theo như lời Đức Phật đã dạy: *“Vị ấy từ bỏ trạo cử, hồi quá, sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hồi quá”*. Cứ theo lời dạy này mà đặt niệm trạo cử, hồi quá dùng pháp như lý tác ý mà quét cho sạch trạo cử hồi quá.

Khi tu tập phá dẹp trạo cử, hồi quá đã không còn nữa thì các bạn tiếp tục tu tập từ bỏ nghi ngờ theo như lời Đức Phật đã dạy: *“Vị ấy từ bỏ nghi ngờ, sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân, lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp”*.

Trên đây là phương pháp tu tập để dẹp sạch và đoạn dứt năm triền cái. Khi dứt sạch năm triền cái thì các bạn đã chứng đạo quả giải thoát không còn nghi ngờ gì nữa. Các bạn hãy nên theo thứ lớp tuần tự các pháp trên đây mà tu tập cho kỹ lưỡng, đừng tu tập vội vàng; không tu tập thì thôi mà đã tu tập thì phải tu tập cho có chất lượng, cho có căn bản, chứ đừng tu tập lấy có, vừa uống công sức vừa phí uống cuộc đời; mang tiếng đi tu mà chẳng làm chủ sanh, già, bệnh, chết và không chấm dứt tái sanh luân hồi thì rất nhục nhã, cũng giống như các thầy Đại Thừa và Thiên Tông vậy.

SANH ĐÃ TẬN PHẠM HẠNH MỚI XONG

Trong kinh Thập Nhị Nhân Duyên Đức Phật đã dạy: *“Người mới vào tu, phải tu tập đoạn dứt duyên “sanh”*.

Kinh Thập Nhị Nhân Duyên có mười hai duyên như mắt xích sắt, duyên này có thì duyên kia có, duyên này diệt thì duyên kia diệt. Kinh này bắt đầu từ duyên “*vô minh*” như sau:

1- Vì vô minh không thấu rõ các pháp thế gian làm chấp chúng là thật có nên hành động chạy theo tâm ham muốn, sanh ra các ác pháp, tạo biết bao nhiêu nghiệp khổ đau, vì vậy kinh dạy: “*Vô minh sanh hành*”.

2- Hành động theo lòng ham muốn dục lạc chạy theo ái dục sanh ra thức, nên kinh dạy: “*hành sanh thức*”.

3- Thức, kết hợp với noãn châu và tinh trùng sanh ra danh sắc nên kinh gọi: “*thức sanh danh sắc*”.

4- Danh sắc, là thân và tướng của con người, lần lần phát triển đầy đủ: mắt, tai, mũi, miệng, thân và ý. Mắt, tai, mũi, miệng, thân và ý tiếp xúc với sáu trần bên ngoài nên kinh dạy: “*Danh sắc sanh lục nhập*”.

5- Lục nhập, có nghĩa là sáu căn và sáu trần. Sáu căn gồm có: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Sáu trần gồm có: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sáu trần tiếp xúc sáu căn, nên kinh dạy: “*Lục nhập sanh ra xúc*”.

6- Xúc, tạo ra sự va chạm êm ả, ngọt bùi, khả hỷ, khả lạc nên kinh dạy: “*Xúc sanh ra thọ*”.

7- Thọ, sanh ra cảm giác thích thú, cảm mến, giận hờn, thương ghét nên kinh dạy “*Thọ sanh ra ái*”.

8- Ái, là yêu mến, thương mến, ưa thích nên cố giữ lại, bảo thủ không muốn xa lìa nên kinh dạy: “*Ái sanh ra hữu*”.

9- Hữu, là có, có vật này, vật kia, như: thân tứ đại, thân ngũ uẩn, nhà cửa, của cải tài sản, tiền bạc, cha, mẹ, anh,

em, chị, em, bà con quyến thuộc, thân bằng v.v... nên kinh dạy: *“Hữu mới sanh ra thủ”(Hữu là có Ngã–Pháp–Nhân).*

10- Thủ, là giữ lại, không để cho mất mát, gọi là bảo thủ, nên kinh dạy: *“Thủ (thủ giữ) mới sanh ra sanh (sanh y)”*.

11- Sanh, phải nói đủ là "SANH Y", sanh y là của cải, tài sản, vật chất, sự nghiệp, cha mẹ, vợ con, anh em, chị em, thân bằng quyến thuộc, bạn bè v.v... như trên đã nói. Do thế, khi tài sản của cải bị mất thì sẽ buồn rầu bệnh khổ và chết, cha mẹ vợ con chết cũng sanh ra buồn rầu, đau khổ phiền lòng nên kinh dạy: *“Sanh sanh ra ưu bi, sầu khổ, bệnh, chết”*.

12- Ưu bi, sầu khổ bệnh chết là duyên cuối cùng của Mười Hai Duyên này, hợp lại thành thể giới khổ đau của kiếp người quần quanh luân hồi mà người đời không rõ thấu nên gọi là «Vô Minh».

Sau khi quán xét Mười Hai Nhân Duyên, cái này có thì cái kia có, cái này sanh thì cái kia sanh, cái này diệt thì cái kia diệt.

Như đã nói ở trên, *Mười Hai Nhân Duyên này hợp lại là thể giới đau khổ của con người thành hình, Mười Hai Nhân Duyên này rã tan là thể giới hết khổ đau, hoại diệt.*

Muốn thoát khổ thì Mười Hai Nhân Duyên này phải rã tan. Vậy, rã tan như thế nào và duyên nào rã trước?

Kinh điển phát triển Đại Thừa và Thiền Đông Độ nhắm vào duyên «Vô minh» phải phá trước bằng “*Minh*”, minh tức là trí tuệ.

Muốn triển khai “Minh” trí tuệ, các nhà Đại thừa và Thiền Đông Độ dùng pháp hành *ức chế niệm thiện niệm ác*, cho tâm *không niệm thiện niệm ác là định* và do tâm *định thì phát tuệ* (chẳng niệm thiện niệm ác bản lai diện

mục hiện tiền), *bản lai diện mục hiện tiền là Phật Tánh, mà Phật Tánh là tánh giác, tánh giác tức là trí tuệ*. Do những pháp hành tu tập để triển khai trí tuệ như vậy. Họ đã làm, *không ngờ đường lối tu tập ấy lại khai mở tướng tuệ*. Khi tướng tuệ được khai mở thì lý luận của các nhà Đại thừa *siêu việt tướng*, nên không tôn giáo nào tranh luận hơn được, nhất là lý *Bát Nhã của Đại Thừa*.

Do lý luận *siêu việt tướng* *Bát Nhã* nên nó đã phá luôn Phật Giáo chính gốc: «Vô khổ, tập, diệt, đạo». Còn, Phật Giáo Nguyên Thủy chính gốc, *không có lý luận tranh hơn thua, không có lý luận siêu việt tướng như vậy*, chỉ dạy thẳng (Tứ Diệu Đế) đòi người là khổ, nguyên nhân sinh ra đau khổ, trạng thái tâm hết khổ đau và tám cách thức tu tập (Bát Chánh Đạo) để diệt nguyên nhân sinh ra khổ. Những pháp hành này cụ thể để mọi người ai cũng tu được, cũng thực hiện được sự giải thoát hết khổ như nhau.

Vì thế, kinh điển Nguyên Thủy nhắm vào duyên “*sanh*” (sinh y) để đoạn dứt nó, đoạn dứt nó thì ưu bi, sầu khổ, bệnh chết cũng đoạn dứt, nên kinh thường nhắc đi nhắc lại: “*Sanh đã tận Phạm hạnh mới xong*”.

Nếu một người tu tập quyết tìm đường giải thoát ra khỏi cuộc sống trần lao này, thì phải buông xả như Đức Phật và các bậc Thánh Tăng: *không trang điểm làm đẹp, của cải tài sản bỏ sạch, cha mẹ, anh em, chị em vợ con đều bỏ xuống hết như trong bài “Vượt thoát”* đã dạy.

Đó là, bứt tất cả những sợi dây xiềng xích đang trói rất chặt mọi người. Chỉ có những bậc chân tu thấy được nhân quả nên họ đã mạnh dạn dứt bỏ sạch để vượt thoát cảnh đời thế tục.

Sự dứt bỏ vượt thoát này, không phải ai cũng làm được tuy nói rất dễ nhưng làm rất khó. Người tầm thường

không thể làm được, trong kinh dạy rất đơn giản: “*Sanh đã tận Phạm hạnh mới xong*” hoặc “*duyên SANH (sanh y) dứt thì bệnh tử sâu khổ ưu bị dứt*”. Những danh từ nghe thì dễ dàng, nhưng đương đầu trước của cải, tài sản châu báu, ngọc ngà cùng cha mẹ, anh em, chị em, chồng con, xả bỏ hay đoạn tận (sanh y) là một việc không phải dễ làm.

Nếu không đoạn tận (SANH Y), thì không thể thực hiện được, con đường giải thoát của Đạo Phật.

Tại sao vậy?.

Tại vì, Đạo Phật gọi là đạo giải thoát mà không dứt được những sợi dây xiềng xích vô hình đó đang trói buộc thì làm sao gọi là giải thoát được?.

Hiện giờ, những người đang tu theo Đạo Phật, “*đời chẳng muốn bỏ mà đạo lại muốn thêm*”, hai tay đều nắm hết. Do đó, cuộc sống tu hành Đời chẳng ra Đời, Đạo chẳng ra Đạo.

Hiện giờ, quý Thầy và các Cư sĩ tu hành chẳng đến đâu, chỉ vì tu theo kiểu đời chẳng ra đời, đạo chẳng ra đạo, rất uổng công cho một đời tu hành. Tu mãi chỉ còn lấy Phật Giáo làm danh làm lợi cho cuộc sống thế tục.

Tu theo Phật Giáo, người tu hành phải đoạn dứt “SANH Y”, có đoạn SANH Y thì tâm mới được giải thoát đau khổ. Tâm có được giải thoát đau khổ thì tâm mới có *thanh tịnh*; tâm có *thanh tịnh* thì tâm mới *nhập Thiên định*; Tâm nhập được *Thiên định* thì tâm mới *làm chủ được sự sống chết*.

Người không đoạn dứt “SANH Y”, không thể nào *ly dục ly ác pháp và nhập Tứ Thánh Định được*, do không *ly dục ly ác pháp và nhập Tứ Thánh Định được*, thì không còn pháp nào tu tập làm chủ sanh tử và chấm dứt luân hồi.

Đường về xứ Phật không khó, nhưng khó cho những ai, *không muốn dứt bỏ đời sống dục lạc và tình cảm thương mến ở thế gian.*

Pháp môn tu hành của Đạo Phật không có gì huyền bí và vĩ đại, *chỉ cần hiểu rõ đời sống thế gian là khổ vô vàn và khổ muôn kiếp. Đời sống xuất thế gian là dứt khổ, hết khổ,* thì chỉ còn một đời sống này nữa mà thôi, một đời sống tu theo Đạo Phật hoàn toàn sẽ chấm dứt khổ.

PHÁP HƯỚNG TÂM

LỜI PHẬT DẠY

«Này các Thầy Tỳ Kheo! Do không như lý tác ý các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng». «Này các Thầy Tỳ Kheo! Do như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, các lậu hoặc đã sanh được đoạn trừ».

CHÚ GIẢI:

Người phạm phu tục tử và những người tu hành theo pháp môn của Đại Thừa, do không biết “*Pháp Như Lý Tác Ý*” nên hằng ngày sống trong các lậu hoặc mà không biết lậu hoặc, vì thế lậu hoặc chưa sinh lại sinh khởi, lậu hoặc đã sinh lại tăng trưởng, do đó cuộc sống khổ đau lại càng khổ đau hơn. Cho nên đoạn kinh này dạy: “*Này các Thầy Tỳ Kheo! Do không như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng*”.

Đời người sinh ra không gặp chánh pháp của Phật, nên phải chịu nhiều sự khổ đau của kiếp làm người trong qui luật nhân quả. Ngược lại, được sinh làm người, được gặp chánh pháp của Phật, thì người ấy là người có điểm phúc nhất trần gian, vì gặp được chánh pháp nên được nghe lời dạy này: “*Này các Thầy Tỳ Kheo! Do như lý tác ý, các lậu*

hoặc chưa sanh không sanh khởi, các lậu hoặc đã sanh được đoạn trừ ”.

Nói đến lậu hoặc là nói đến sự đau khổ của con người; nhưng muốn cho kiếp làm người không còn khổ đau để được sống yên vui, thanh thản, an lạc và vô sự thì nên y theo lời Đức Phật nhắc nhở các vị Tỷ Kheo phải luôn luôn tu tập pháp hướng tâm *“Như Lý Tác Ý”*. Nếu không dùng pháp hướng tâm như lý tác ý thì sự đau khổ sẽ đến với quý vị và sẽ làm cho quý vị khổ đau hơn nhiều. Nếu quý vị biết dùng pháp như lý tác ý hằng giây, hằng phút, hằng giờ, hằng ngày, hằng tháng, hằng năm thì sự khổ đau sẽ không đến với quý vị và sẽ chấm dứt vĩnh viễn.

Qua đoạn kinh ngắn gọn như trên Đức Phật đã xác định pháp *“Như Lý Tác Ý”* rất là nhiệm mầu, nó giúp cho chúng ta thoát mọi sự khổ đau trong kiếp sống làm người, làm chủ được nhân quả và cả sự tái sanh luân hồi.

Như thế pháp *“Như Lý Tác Ý”* có một công năng rất lớn trên đường tu tập theo Đạo Phật để đạt được kết quả như ý muốn là: *“Làm chủ sanh già, bệnh, chết”*.

Lúc còn đang nhập thất, chúng tôi ngộ được pháp *“Như Lý Tác Ý”* nên suốt trong sáu tháng tinh cần tu tập pháp này với câu trạch pháp: *“Tâm như cục đất phải ly dục ly ác pháp nhập sơ thiền”*. Chỉ có câu ngắn gọn như vậy mà chúng tôi đã nhập được Sơ Thiền một cách dễ dàng không có khó khăn.

Chín năm trời nhập thất, tu không đúng pháp rất là vất vả gian nan, nhưng đến khi dùng pháp *“Như Lý Tác Ý”* chỉ có thời gian ngắn mà chúng tôi làm chủ được thân tâm, kết quả giải thoát hoàn toàn.

**NHỮNG GÌ CẦN THÔNG HIỂU PHẢI THÔNG HIỂU
TỨ NIỆM XỨ LÀ PHÁP MÔN LÀM CHỦ
SANH – GIÀ – BỆNH – CHẾT**

Hỏi: *Kính thưa Thầy, trong tập hai Đường Về Xứ Phật, bìa xanh, mục nhân quả trang 160 Thầy viết khi Đức Phật nhập Niết Bàn, Ngài bị đau lưng nên bảo ông Anan trải tọa cụ để nằm nghỉ.*

Đạo Phật là đạo làm chủ sanh, già, bệnh, chết, có sao Đức Phật lại bị đau lưng như vậy?

Khi nhập diệt Đức Phật phải nhập định ba lần xuôi ngược rồi mới nhập diệt, như vậy là ý nghĩa gì?

Nếu kinh sách Đại Thừa nói Đức Phật đau lưng thì không thể nào được ghi vào sách của Thầy, mong Thầy chỉ cho chúng con hiểu.

Đáp: Trong câu này gồm có ba câu hỏi:

- Làm chủ bệnh sao Đức Phật lại bị bệnh đau lưng?
- Làm chủ chết sao Đức Phật không tự tại nhập diệt mà phải nhập định ba lần?
- Tại sao đoạn kinh này lại được ghi vào sách của Thầy?

- Như các con đã biết trong kinh sách Nguyên Thủy, Đức Phật dạy phương cách làm chủ bệnh là pháp môn Tứ Niệm Xứ. Pháp môn Tứ Niệm Xứ là pháp môn khắc phục những sự đau khổ của thân và tâm (*Trên thân quán thân để khắc phục tham ưu...*) Tức là làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Người cha sinh ra pháp môn ấy là Đức Phật. Thế sao Đức Phật lại còn bị bệnh đau lưng? Một điều vô lý hết sức. Giáo lý Đạo Phật có mâu thuẫn nhau không?, có lường gạt người ta không? Mà lại viết những điều này.

Ai đã viết điều này trong kinh sách Nguyên Thủy? (*Đức Phật đau lưng*) Ai đã phỉ báng Đức Phật như thế này? (*Nói láo*). Nếu không có Thầy thực hiện và không có các đệ tử của Thầy tu tập pháp Tứ Niệm Xứ đẩy lui các bệnh khổ khổ nơi thân thì ai là người minh oan cho Đức Phật và xác định Tứ Niệm Xứ là pháp môn làm chủ sanh, già, bệnh chết thật sự. Trong khi đó *kinh sách Nguyên Thủy ghi chép Đức Phật đau lưng rõ ràng bằng giấy trắng mực đen*.

Chúng tôi chứng nghiệm được pháp môn Tứ Niệm Xứ đẩy lui các chương ngại pháp trên thân tâm nên mạnh dạn tuyên bố với các bạn: *“đoạn kinh kết tập này là sai do người sau thêm vào để che đậy pháp môn Đại Thừa tu hành không làm chủ bệnh”*.

Hơn 25 thế kỷ trôi qua ai cũng nghĩ rằng Đức Phật chưa có làm chủ bệnh khổ. *Người tu xong đọc đến đoạn kinh này rất đau lòng và thương cho Phật Giáo*. Vì thương mình, thương người. Đức Phật phải bỏ hết sự giàu sang, quyền thế, dục lạc thế gian, phải hy sinh cả thân mạng để mưu cầu hạnh phúc an vui cho mọi người. Ngài là người cha sinh ra Phật Giáo, vậy ai nỡ nhẫn tâm viết những đoạn kinh ghép vào trong kinh sách nguyên Thủy để đánh lừa mọi người khác, để phỉ báng Đức Phật thật là đau lòng, những kẻ ấy sẽ bị đọa xứ ác, chịu khổ đau vô lượng.

- Đức Phật nhập Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền và Tứ Thiền nhập xuôi nhập ngược ba lần rồi nhập vào Tứ Thiền xả bỏ báo thân. Đó là *“Thân Hành Di Chúc”* lần cuối cùng để nhắc người đời sau: *“Tứ Thánh Định mới là Chánh Định, mới là Thiền Của Phật Giáo”*.

Nhập Tứ Thánh Định, xả bỏ báo thân cũng là xác định cho người đời sau biết: *Chỉ có bốn thiền này mới làm chủ sanh, già, bệnh, chết, ngoài bốn thiền này không có thiền nào làm chủ trọn vẹn bốn sự đau khổ của kiếp người được*.

Các bạn nên lưu ý: Những thiền của ngoại đạo, làm chủ được cái này thì không làm chủ được cái kia.

- Đoạn kinh này rút ra từ trong kinh tạng Nguyên Thủy, được ghi vào sách Đường Về Xứ Phật, để xác định cho mọi người thấy cái sai của những người kết tập kinh sách thường thêm vào và bớt ra làm kinh sách nguyên gốc của Phật Giáo mất giá trị như đoạn kinh trên đây. Trong sách Đường Về Xứ Phật (bìa xanh) người biên tập đã cắt bỏ đoạn kết luận của bài Nhân Quả làm mất ý nghĩa. Xin cáo lỗi cùng các bạn.

THIỀN THỨ TƯ

LỜI PHẬT DẠY

*“Không thở ra thở vào
Tâm trú vào chánh định
Không tham ái tịch tịnh
Với tâm an bất động
Như đèn sáng chột tắt
Tâm giải thoát Niết Bàn”.* (Tương Ưng Kinh).

CHÚ GIẢI:

Thiền Thứ Tư của Đạo Phật là một thứ thiền rất màu nhiệm và tuyệt vời, nó tịnh chỉ được hơi thở, như câu kệ thứ nhất dạy: *“Không thở ra thở vào”*, nó làm chủ sự sống chết một cách tự tại, muốn thở là thở, muốn không thở là không thở.

Độc bài kệ trên Đức Phật đã xác định rõ ràng chứ không như các nhà Đại Thừa đã cố ý dìm mất loại thiền này bằng cách suy luận cho nó là thiền phàm phu, thiền Nhị Thừa và thiền ngoại đạo. Thật là đau lòng phải không các bạn?

Đây, các bạn hãy lắng nghe chánh định của Đạo Phật rất tuyệt vời, khi hành giả nhập định thì:

*“Không thở ra, thở vào
Tâm trú vào chánh định”*

Thưa các bạn! Thiền định của Đông Độ và Đại Thừa có nhập được như vậy không? Nếu nhập không được như vậy sao gọi là tự tại trong sinh tử được? Sao gọi là thu thần nhập Niết bàn?

Muốn nhập chánh định để làm chủ sự sống chết được như vậy thì tâm không còn tham ái; tâm không còn tham ái thì tâm mới tịch tịnh như câu kệ này: *“Không tham ái tịch tịnh”*.

Vậy tham ái là gì? Tham là ham muốn; ái là yêu thích. Con người vốn sinh ra đã bị đau khổ là vì tâm tham ái. Khi tâm tham ái diệt thì khổ đau và luân hồi chấm dứt.

Nếu tâm không tham ái thì tâm được tịch tịnh. Tâm được tịch tịnh thì tâm mới an trú. Tâm có an trú thì tâm mới bất động trước các pháp, như câu kệ này dạy: *“Với tâm an bất động”*.

Khi tâm đã an trú bất động thì lúc bấy giờ chúng ta muốn chết lúc nào cũng dễ dàng không có khó khăn, không có mệt nhọc: *“Nhu đèn sáng chọi tắt”*

Tu tập nhập định được như vậy, các bạn có thấy hạnh phúc không?

Lúc bấy giờ chúng ta chỉ cần lìa trạng thái Tứ Thiền bằng lệnh của Bảy Năng Lực Giác Chi (Thất giác chi) thì ngay tức khắc ta vào Niết Bàn như câu kệ đã dạy: *“Tâm giải thoát Niết bàn”*.

Tóm lại, bài kệ trên đây chỉ cho chúng ta biết pháp môn và cách thức tu tập nhập Niết bàn, chứ nó không phải là bài pháp để các bạn tu tập nhập Tứ Thiên suông. Các bạn nên lưu ý. Có người đã dùng bài kệ này để tu tập nhập Tứ Thiên là không đúng pháp.

Thưa các bạn! Nếu các bạn muốn nhập Tứ Thiên thì các bạn hãy trở về tu tập giới luật qua các giới hành như sau: *Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ, Thân hành Niệm*, v.v... chứ các bạn đừng ở trên bài kệ này tu tập, bằng không thì các bạn đã tu tập sai pháp rồi các bạn ạ!

KINH BÁT THÀNH

LỜI PHÁT DẠY

“Bạch Tôn Giả Ananda, có pháp độc nhất gì do Thế Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, bậc A La Hán, Chánh Đăng Giác tuyên bố, nếu có Tỳ Kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, hay các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, đi đến đoạn trừ, hay pháp an ổn khỏi các ách phược, chưa được chứng đạt được chứng đạt?”.

CHÚ GIẢI:

Đoạn kinh trên đây do gia chủ Dasama hỏi Tôn Giả Ananda có một pháp gì độc nhất của Đức Phật được tu tập để đi đến kết quả giải thoát hoàn toàn chấm dứt tái sinh luân hồi không?

Như các bạn đã biết pháp của Phật có rất nhiều, có đến ba mươi bảy pháp môn tu tập từ thấp đến cao. Thế mà, gia chủ Dasama lại hỏi có một pháp độc nhất nào chỉ tu tập pháp này sẽ đi đến cứu cánh, thì biết trả lời làm sao các bạn nhỉ? Nhưng ông Ananda đã thay Đức Phật trả lời câu

hỏi này: *“Không phải chỉ có một pháp độc nhất mà có đến cả tám pháp độc nhất, pháp nào cũng tu tập đi đến kết quả giải thoát rốt ráo”*. Cho nên bài kinh này được lấy tên là Kinh Bát Thành trong Trung Bộ Kinh, tập II, trang 30.

Nhưng kinh Bát Thành này đã bị người sau thêm vào Bốn Định Vô Sắc. Bốn Định Vô Sắc là bốn loại định tưởng. Bốn loại định tưởng thì không thể nào tu tập đi đến rốt ráo được, vì chính Đức Phật đã nhập các loại định tưởng này còn phải bỏ mà trở về tu tập Bốn Định Hữu Sắc mới thấy được sự giải thoát làm chủ sanh, tử chấm dứt luân hồi.

Bốn loại định vô sắc này được cộng chung lại với tám pháp đầu tiên là 12 pháp, như vậy bài kinh này đúng ra phải có tên là *“Thập Nhị Thành”* chứ đâu gọi là *“Bát Thành”* được. Đó là cái sai thứ nhất trong bài kinh này, do các vị Tổ Sư kết tập kinh.

Cái sai thứ hai là đoạn kết của bài kinh này: *“Bạch Tôn Giả Ananda, như người tìm một kho tàng cất giấu, trong lúc tìm được 11 kho tàng cất giấu. Cũng vậy bạch Tôn Giả, như ngôi nhà người ta có đến 11 cửa, khi ngôi nhà bị cháy, thì chỉ do một cửa người ta cũng có thể thoát ra một cách an toàn. Cũng vậy, bạch Tôn Giả, chỉ với một cửa bất tử trong 11 cửa bất tử này, con có thể đạt được sự an toàn cho con”*.

Tựa kinh đề là *“Bát Thành”* mà kết luận là *“Thập Nhất Thành”*, còn trong bài kinh này thì nêu ra 12 pháp tu tập. Kinh viết như vậy có nhất quán không? Các bạn nghĩ sao về những việc làm của các bậc tôn túc ngày xưa? Họ có thấy khi kết tập kinh sách Phật là một trách nhiệm với Đạo Phật và con người đời sau không?

Trong một bài kinh Nguyên Thủy mà còn thêm bớt, làm sai lệch như thế này thì cả tạng kinh Nguyên Thủy hiện có

hẳn phải còn sai biết bao nhiêu lần trong ấy. Như thế kinh sách Đại Thừa là kinh phát triển làm sao chúng ta tin được. Phải không hỡi các bạn? Cho nên Đức Phật bảo: *“Đừng có tin kinh tụng...”*.

Vậy mà các bạn cứ gặp bài kinh nào nói Phật thuyết là các bạn tin ngay, tin một cách mù quáng, mê mờ, bị lừa đảo mà không biết. Thật đáng thương cho các bạn!.

Qua kinh nghiệm tu hành, chúng tôi xét thấy trong bài kinh này có nêu ra tám pháp môn độc nhất tu tập đi đến cứu cánh hoàn toàn là đúng lời dạy của Đức Phật. Tám pháp này gồm có:

**THỨ NHẤT:
SƠ THIỀN LÀ PHÁP ĐỘC NHẤT
TRONG KINH BÁT THÀNH**

1/ SƠ THIỀN

“Sơ Thiền này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt.” Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Nay Gia chủ như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, bậc A La Hán, Chánh Đăng Giác tuyên bố...”

CHÚ GIẢI:

Đây là pháp độc nhất thứ nhất trong tám pháp, các bạn nên lưu ý đó là Sơ Thiền. Cho nên chỉ cần nhắm vào Thiền thứ nhất mà tu tập để tâm bạn hoàn toàn ly dục ly ác pháp. Các bạn không cần phải thay đổi pháp môn nào khác, vì nó là pháp độc nhất đi đến cứu cánh. Nhớ lại năm xưa chúng tôi cũng từ pháp môn này mà đi đến rốt ráo. Vì

lúc bây giờ chúng tôi không được ai hướng dẫn, nên chỉ biết như lý tác ý lý dục lý ác pháp và cuối cùng chúng tôi viên mãn công đức tu hành với pháp độc nhất Sơ Thiền này.

**THỨ HAI:
NHỊ THIỀN LÀ PHÁP ĐỘC NHẤT
TRONG KINH BÁT THÀNH**

2/ NHỊ THIỀN

“Thiền thứ hai này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt.” Vì ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vì ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Nay Gia chủ như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, Bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố...”

CHÚ GIẢI:

Khi Sơ Thiền đã nhập được thì Nhị Thiền không còn có khó khăn nữa. Ở đây chúng ta phải hiểu pháp môn Nhị Thiền mà Đức Phật gọi là pháp môn độc nhất. Độc nhất ở đây không có nghĩa là duy nhất có một pháp này tu từ đầu đến cuối mà thành tựu đạo giải thoát. Nếu giới luật chưa nghiêm chỉnh thì các bạn phải biết mình còn phải tu bao nhiêu pháp nữa thì giới luật mới được nghiêm chỉnh. Khi giới luật được nghiêm chỉnh, lúc bấy giờ các bạn mới ôm một pháp độc nhất này. Cho nên độc nhất ở đây là một trạng thái thân tâm thanh tịnh trong giới luật. Các bạn có hiểu chưa? Vì tâm có nghiêm chỉnh trong giới luật thì pháp Như Lý Tác Ý mới có hiệu quả.

**THỨ BA:
TAM THIỀN LÀ PHÁP ĐỘC NHẤT
TRONG KINH BÁT THÀNH**

3/ TAM THIỀN

“Tam Thiền này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt.” Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Nay Gia chủ như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, Bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố...”

CHÚ GIẢI:

Ở đây các bạn nên lưu ý đoạn kinh này: “Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc”. Vững trú có nghĩa là giữ gìn tâm ở trong trạng thái Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, v.v...

Bất cứ các bạn ở một trong tám trạng thái này, tiếp tục đoạn trừ các lậu hoặc, nếu đoạn trừ xong thì các bạn liền chứng quả A La Hán, chứ không phải còn tu tập pháp môn nào nữa.

**THỨ TƯ:
TỨ THIỀN LÀ PHÁP ĐỘC NHẤT
TRONG KINH BÁT THÀNH**

4/ TỨ THIỀN

“Tứ Thiền này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt.” Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn

trừ, do tham luyện pháp này, do hoan hỷ pháp này, vì ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Nay Gia chủ như vậy là pháp độc nhất, do Thể Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, Bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố...”

CHÚ GIẢI:

Ở đây các bạn nên lưu ý ở đoạn kinh này: *“Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyện pháp này, do hoan hỷ pháp này”*. Do tham luyện và hoan hỷ trạng thái pháp này nên lậu hoặc chưa đoạn trừ được. Trong trạng thái Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền, v.v... đều có trạng thái hỷ lạc, khinh an khiến cho hành giả thích thú quên ăn quên ngủ quên tất cả. Do tâm còn ham thích nên lậu hoặc diệt không sạch mặc dù trạng thái khinh an hỷ lạc đó do ly dục và định sanh. Pháp ly dục và định là pháp hữu vi nên các pháp đó đều vô thường chịu sự đoạn diệt. Các bạn hãy đọc lại đoạn kinh này thì rõ: *“Tứ Thiền này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt”*.

Cho nên các bạn còn ham thích trạng thái của pháp ấy nên lậu hoặc không thể đoạn trừ được. Chính thích thú trạng thái ấy là lậu hoặc. Khi gặp bất cứ một trạng thái nào dù đúng hay sai các bạn cũng nên xả bỏ thì lậu hoặc mới đoạn trừ tận gốc.

THỨ NĂM:
TỪ TÂM LÀ PHÁP ĐỘC NHẤT
TRONG KINH BÁT THÀNH

5/ TỪ TÂM

“Từ tâm này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là

vô thường chịu sự đoạn diệt.” Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Đây Gia chủ như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố...”.

CHÚ GIẢI:

Nói đến Từ, Bi, Hỷ, Xả là người ta nghĩ ngay Tứ Vô Lượng Tâm, cho Tứ Vô Lượng Tâm là một pháp môn, nhưng không ngờ Tứ Vô Lượng Tâm là một cái tên chỉ chung cho bốn pháp môn độc nhất của Đạo Phật, từ pháp môn đó tu tập đi đến cứu cánh mà không cần phải tu tập những thiền định nào cả. Khi pháp môn đó tu tập thành tựu tâm vô lậu là có đủ Bốn Thiền và Tam Minh. Cho nên em trai ông Cấp Cô Độc chỉ do tu một pháp độc nhất “*Từ Tâm*” mà chứng quả A La Hán.

Khi chúng ta dùng pháp như lý tác ý tu tập tâm từ, từ tâm được hiện bày thì có một trạng thái thanh tịnh, an lạc, thương yêu hòa mình trong sự sống của muôn loài hiện ra, do đó mà ngũ triền cái và thất kiết sử bị đoạn diệt.

Ở đây các bạn nên lưu ý bốn pháp độc nhất này không phải như bốn thiền ở trên khi nhập phải dùng bảy năng lực Giác Chi. Pháp Tứ Vô Lượng Tâm chỉ có dùng pháp như lý tác ý đánh thức tình cảm yêu thương sâu kín tận trong tâm của con người. Nó gồm có:

- 1- Từ tâm;
- 2- Bi tâm;
- 3- Hỷ tâm;
- 4- Xả tâm.

Tùy theo đặc tướng của các bạn mà chọn lấy một trong bốn pháp này tu tập.

Các bạn đều có ngờ rằng bốn pháp Tứ Vô Lượng Tâm này là bốn Pháp tuyệt vời trong Phật Giáo, nó giúp các bạn trở thành những bậc Thánh một cách dễ dàng không có khó khăn các bạn ạ!

THỨ SÁU:
BI TÂM LÀ PHÁP ĐỘC NHẤT
TRONG KINH BÁT THÀNH

6/ BI TÂM

“Bi tâm này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt.” Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyện pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Nay Gia chủ như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố...”

CHÚ GIẢI:

Bi tâm là một pháp tu tập lòng thương xót trước cảnh thương tâm, bất hạnh của chúng sanh. Nếu một người tu tập rèn luyện được lòng thương xót tất cả chúng sanh, khi lòng thương xót ấy hiện tiền thì tất cả ác pháp như tham, sân, si, mạn, nghi đều vô tác dụng vào tâm mình. Do đó tâm vô lậu hoàn toàn và chứng quả A La Hán ngay liền. Người chứng quả A La Hán đều có đầy đủ thiền định và Tam Minh.

Các bạn đừng hiểu lầm là khi tu tập Bi Tâm rồi còn phải tu tập bốn Thiền và Tam Minh nữa. Hiểu như vậy là sai

các bạn ạ! Vì trạng thái Bi Tâm đã có đầy đủ thiền định và Tam Minh, mặc dù bạn chưa bao giờ có một phút tu tập Thiền định.

**THỨ BẢY:
HỖ TÂM LÀ PHÁP ĐỘC NHẤT
TRONG KINH BÁT THÀNH**

7/ HỖ TÂM

“Hỗ tâm này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt.” Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyện pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Nay Gia chủ như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, Bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố...”

CHÚ GIẢI:

Nếu bạn chọn Hỷ tâm tu tập rèn luyện, khi Hỷ tâm thành tựu thì tâm tham, sân, si, mạn, nghi không còn nữa, do lòng hoan hỷ của bạn đã đoạn trừ các ác pháp. Nhờ đó tâm bạn vô lậu hoàn toàn, chứng quả A La Hán. Khi chứng quả A La Hán với tâm hỷ thì bạn không cần phải tu tập thiền định và Tam Minh gì cả, vì chính trong tâm hỷ của bạn đã đầy đủ Bốn Thiền và Tam Minh, bạn có thể thực hiện giờ nào cũng được không có khó khăn không có mệt mỏi.



THỨ TÁM:
XẢ TÂM LÀ PHÁP ĐỘC NHẤT
TRONG KINH BÁT THÀNH

8/ XẢ TÂM

“Xả tâm này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt.” Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyện pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này.

Này Gia chủ như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, Bậc A La Hán, Chánh Đăng Giác tuyên bố...”

CHÚ GIẢI:

Nếu bạn chọn lấy pháp Xả tâm mà tu tập và rèn luyện tâm mình, khi tâm xả thành tựu thì bảy năng lực Giác Chi xuất hiện, lúc bấy giờ các bạn muốn nhập thiền nào thì các bạn sẽ tác ý theo trạch Pháp Giác Chi thì nhập ngay thiền ấy và thực hiện Tam Minh không có khó khăn không có mệt nhọc. Bởi vì xả vô lượng tâm ác thì tất cả lậu hoặc sẽ được đoạn trừ. Khi lậu hoặc đã trừ diệt xong thì các bạn chứng quả A La Hán, không cần phải tu tập pháp môn nào khác nữa.

Trên đây là tám pháp độc nhất mà các bạn tự lựa chọn cho mình một pháp phù hợp với đặc tướng để tiện việc tu tập cho đến nơi đến chốn.

Thưa các bạn! Các bạn nên nhớ kỹ và hãy xét lại thân tâm của các bạn trong giai đoạn ôm một pháp độc nhất này tu tập. Nếu các bạn cảm thấy mình có đủ khả năng để ôm một pháp độc nhất thì nên tu tập, còn nếu thấy khả năng

chưa đủ thì đừng nên. Nếu các bạn miến cưỡng tu tập sẽ bị ức chế tâm, và tu như vậy dễ thành bệnh hơn là thành đạo. Một người mới vào tu theo Phật Giáo thì không được phép tu tập một pháp độc nhất mà phải tu tập nhiều pháp, vì tu tập nhiều pháp nên không bị ức chế tâm. Tu ức chế tâm có hai điều nguy hiểm:

- Căng đầu, căng mắt, căng thần kinh thành bệnh.
- Rơi vào tướng định, tướng tuệ phát triển, kiến giải tướng giải lung tung. Con đường tu giải thoát bế tắc, biến người tu sĩ Phật Giáo trở thành những vị thầy phù thủy, thầy cúng, thầy bùa, thầy thuốc trị bệnh, trừ tà yếm quý, v.v...

Kinh Bát Thành chỉ dành riêng cho những bậc giới luật nghiêm túc, tâm không phóng dật, như trên đã nói, chứ không phải để cho những người phá giới phạm giới tâm còn phóng dật. Các bạn nhớ kỹ, như kinh đã dạy: *“Nếu có Tỳ Kheo nào tâm không phóng dật”*. Xưa Đức Phật sáu năm tu tập khổ hạnh trong rừng già, Ngài đã sống một đời sống Phạm hạnh chưa từng có một tu sĩ nào sống được như vậy. Vì thế thân tâm Ngài quá thanh tịnh, giới luật quá nghiêm túc. Do đó Ngài trở về với pháp Sơ Thiền độc nhất ly dục ly bất thiện pháp, Ngài thành tựu giải thoát nơi chính pháp môn này. Xin các bạn đọc lại bài Đại Kinh Saccaka thì rõ.

Bây giờ xin các bạn vui lòng đọc lại đoạn kinh Bát Thành trên đây thì hiểu rõ ràng: *“Nếu có Tỳ Kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, hay các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, đi đến đoạn trừ, hay pháp an ổn khỏi các ách phược, chưa được chứng đạt được chứng đạt”*. Đọc hết đoạn kinh này, chúng tôi xin nhắc lại, các bạn cần phải lưu ý câu duy nhất: *“Nếu có Tỳ Kheo nào tâm không phóng dật”*. Bốn chữ *“Tâm không phóng dật”* các bạn nên

biết đó là một giai đoạn tu tập sống chết với tâm tham, sân, si của bạn bằng nhiều pháp môn cho đến khi nào tâm thuần phục không phóng dật thì bạn mới dám ôm một pháp độc nhất. Các bạn có hiểu chưa?

Chúng tôi đưa bài kinh Bát Thành này ra đây có ba điều rất quan trọng để các bạn cần phải lưu ý:

- **Thứ nhất:** Không nên tin trọn vẹn vào kinh sách, vì kinh sách được kết tập là do các Tổ, nhưng các Tổ thêm vào và pha trộn các pháp môn của ngoại đạo, làm cho kinh sách Phật mất hết giá trị giải thoát chân thật của nó.

- **Thứ hai:** Phải biết khả năng và đặc tướng của các bạn khi chọn tu tập một pháp môn độc nhất nào hay phải tu tập nhiều pháp môn. Nếu chưa nắm vững được điều này thì nên tập sống đúng đời sống Phạm hạnh, giới luật nghiêm trì, chứ đừng nên tu tập pháp môn nào khác cả, vì nếu có tu tập bất cứ một pháp nào cũng chỉ là ức chế tâm mà thôi. Ngày xưa các Tổ không có người tu chứng hướng dẫn nên các Ngài tuy tu tập theo pháp môn của Phật, nhưng đã biến pháp môn của Phật thành pháp môn ức chế tâm của ngoại đạo. Đó là một lỗi lầm rất lớn của các Tổ, làm cho người đời sau mất đường lối tu tập theo đúng Chánh Pháp pháp.

- **Thứ ba:** Pháp môn độc nhất của Phật ở đây đã khiến cho những nhà học giả điên đầu, không thể hiểu được, nhất là lời dạy này: *“Vị ấy đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hoá sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui lại đời này nữa”*. Nếu đoạn kinh này không được giải thích rõ ràng thì mọi người sẽ nghĩ rằng Đạo Phật có thể giới siêu hình. Nếu dựa vào kiến giải của những nhà học giả cho rằng Đạo Phật có thể giới siêu hình thì rất oan uổng cho Phật Giáo, khiến cho Phật Giáo tự mâu thuẫn lại với nó.

Phật Giáo cho rằng không có thể giới siêu hình là vì chủ trương tự lực vượt thoát khổ đau, không nhờ tha lực: *“Tự thấp đước lên mà đi”*. Bởi vì nếu có thể giới siêu hình thì phải có tha lực, mà có tha lực thì sẽ có sự bất công. Có sự bất công thì trong cuộc đời này đau khổ sẽ không bao giờ hết và như vậy bốn chân lý loài người của Phật Giáo không còn là chân lý nữa. Và thế gian này sẽ không còn có công bằng và công lý, chỉ còn là một cuộc sống bất công. Tôn Giáo chỉ là một mảnh khoé lừa đảo bằng hình thức cầu khẩn, cúng tế, bái lạy, v.v... Các đấng thiêng liêng ảo tưởng của các tôn giáo gia hộ tai qua, nạn khỏi, bệnh tật tiêu trừ, chỉ là những trò bịp bợm, chứ thế gian này khổ cũng không bao giờ hết khổ. Và cũng vì vậy mà nền đạo đức nhân bản – nhân quả của con người không bao giờ có được.

Muốn biết rõ Phật Giáo không có thể giới siêu hình qua đoạn kinh Bát Thành này thì chúng tôi xin rút ra và giải thích một pháp trong tám pháp của kinh Bát Thành, chẳng hạn như bài pháp thứ nhất là pháp Sơ Thiên. Xin các bạn vui lòng đọc lại đoạn kinh này: *“Ở đây này gia chủ, Tỳ kheo ly dục ly bất thiện pháp chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Vị ấy suy tư và được biết: “Sơ Thiên này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt.” Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Đây gia chủ như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, Bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố...”*

Qua đoạn kinh này chúng ta cần lưu ý đoạn: *“Sơ Thiền này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt.”*

Bốn Thánh Định là Thiền Hữu Sắc, Thiền Hữu Sắc là pháp hữu vi do ý thức tu tập làm nên (do suy tư tác thành), và như vậy bốn Thiền là pháp vô thường, mà pháp vô thường là phải chịu sự hoại diệt (thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt).

Đoạn kinh trên đã xác định cho các bạn thấy rất rõ trạng thái Sơ Thiền trong tâm các bạn không phải là trạng thái vĩnh hằng mà chỉ là một trạng thái thọ hưởng phước thiện trong một thời gian nhất định. Khi thọ hưởng phước thiện do diệt năm hạ phần kiết sử hết thời gian nhất định thì trạng thái ấy bị hoại diệt vì nó là pháp hữu vi vô thường.

Thưa các bạn! Trạng thái ấy không phải là cảnh giới siêu hình như các bạn tưởng. Khi nào các bạn nhập Sơ Thiền là bạn cảm nhận trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh có tầm, có tứ, có hỷ, có lạc, có nhất tâm, do ý thức bạn biết rất rõ như vậy làm sao là cảnh giới siêu hình được. Ngoài ý thức, thân và tâm của bạn thì không có cái biết và cái cảm nhận trạng thái Sơ Thiền đó. Khi thân tâm bạn hoại diệt mất thì trạng thái hỷ lạc của Sơ Thiền cũng không còn. Trạng thái hỷ lạc của Sơ Thiền không còn thì làm sao bảo rằng có cảnh giới Sơ Thiền Thiền được. Không có cảnh giới Sơ Thiền Thiền thì làm sao bảo rằng có thể giới siêu hình được. Phải không hỡi các bạn? Các bạn cứ suy ngẫm lại rồi mới tin lời chúng tôi nói. Nếu các bạn nhập định và có Tam Minh thì khỏi cần chúng tôi phải giải thích, vì các bạn cũng thấy rõ như chúng tôi.

Điều đặc biệt ở đoạn kinh này là nhập vào cho được trạng thái Sơ Thiền và an trú trong trạng thái đó, đừng lìa khỏi

trạng thái đó, dù bất cứ có những pháp ác nào tác động vào thân tâm bạn, bạn cũng đừng rời bỏ trạng thái này, như đoạn kinh đã dạy: *“Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc”*. Các bạn nên lưu ý bốn chữ: *“vững trú ở đây”*. Nếu các bạn có được cơ thể còn khỏe mạnh không bị chết một cách đột ngột và cứ luôn luôn an trú nơi trạng thái này thì các bạn sẽ đoạn trừ được tất cả các lậu hoặc và chứng quả vô lậu A La Hán. Còn nếu các bạn có cơ thể suy yếu hay bệnh tật, chết thành linh, lậu hoặc chưa đoạn trừ thì các bạn nên vững trú nơi trạng thái Sơ Thiền này, vì trong trạng thái Sơ Thiền là các bạn đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, như kinh đã dạy: *“Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này (Sơ Thiền), do hoan hỷ pháp này (Sơ Thiền), vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử”*.

Khi đã đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử tức là nhập Sơ Thiền, lúc bấy giờ cơ thể không may bị bệnh chết thì trạng thái Sơ Thiền này được tướng thức tu tập tiếp để đoạn diệt lậu hoặc. Khi lậu hoặc được đoạn diệt sạch thì trạng thái Sơ Thiền này liền mất và thay thế vào trạng thái Niết Bàn. Khi ở trạng thái Niết Bàn thì không còn tương ưng với chúng sanh nữa, nên không còn tái sanh làm người, như trong kinh đã dạy: *“được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này”*. Ở đoạn kinh này có nhiều người đã hiểu lầm hai chữ *“hoá sanh”* vì cho rằng có hóa sanh là phải có một thế giới siêu hình. Họ hiểu rằng: Hóa sanh là biến hóa sanh ra cũng giống như người thị hiện thần thông một thân biến ra nhiều thân. Thật ra, chữ hoá sanh ở đây phải hiểu nghĩa là tướng uẩn. Khi thân tứ đại này mất là sắc uẩn diệt; sắc uẩn diệt thì bốn uẩn kia cũng đều diệt theo, chỉ còn nghiệp tiếp tục luân hồi tái sanh. Nhờ tu tập nhập được Sơ Thiền nên năm hạ phần kiết sử đoạn diệt nên nghiệp thế gian đã bị muôi

lược, không còn tương ưng với nghiệp chúng sanh, do đó không thể tái sanh luân hồi. Con người vốn do năm uẩn duyên hợp tạo thành nên không có một linh hồn thường còn bất biến. Vì thế khi sắc uẩn diệt mà nghiệp không tương ưng với nghiệp chúng sanh thì không tái sanh được, tại vì hành giả đã đoạn dứt năm hạ phần kiết sử. Khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử thì từ trường thiện do sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử phóng xuất ra và bảo vệ sắc uẩn làm cho sắc uẩn không bị hư hoại, giống như một người đang ngủ nằm mộng. Khi một người tu hành thân tứ đại chết thì không nên đem thiêu đốt, chỉ nên đem chôn cất nơi khô ráo để giúp cho người ấy tiếp tục tu tập bằng tướng uẩn. Tu tập bằng tướng uẩn giống như trong chiêm bao thấy tu tập vậy, nhưng lúc bây giờ sắc uẩn phải không bị hư hoại; nếu sắc uẩn hư hoại do một nhân duyên gì thì người ấy không còn tu tập được và như vậy duyên người ấy đã thọ hết phước báo đoạn diệt năm hạ phần kiết sử.

Mọi người đều dễ hiểu lầm chỗ hóa sanh trong bài kinh này. Trong kinh Nikaya có nhiều bài kinh nhắc đến chỗ hóa sanh này, nếu không phải là một người tu chứng thì không thể hiểu được. Cho nên sự hiểu biết của các nhà học giả đã biến Phật Giáo thành một tôn giáo có thể giới siêu hình: Có Linh hồn, Thần thức hay Phật tánh giống như tất cả các tôn giáo khác. Hiểu như vậy thì Phật Giáo sẽ tự mâu thuẫn lại nó, lúc thì nói 33 cõi Trời là cõi tướng, lúc thì nói hóa sanh vào cõi Trời Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, v.v... Khi người ta không hiểu hai chữ “*hóa sanh*” thì nghĩ tưởng rằng phải có cõi siêu hình mới có hóa sanh. Thật ra hai chữ hóa sanh còn nằm trong bốn loại sanh của loài thực vật và động vật trên hành tinh này. Bốn loại sanh này gồm có:

- Thấp sanh như loài rong rêu, cỏ cây, loài động vật sanh nơi ẩm thấp.

- Noãn sanh như loài thảo mộc (hạt giống), loài động vật như chim, thú sanh trong trứng.

- Thai sanh như loài người, loài thú sanh ra con.

- Hoá sanh không phải là những Thần, Tiên biến hoá như trong truyện Tàu, như các phù thủy trong truyện cổ tích Tây Phương. Hoá sanh là một sự hợp duyên của qui luật nhân quả tạo thành vạn vật trong vũ trụ; hóa sanh là một sự hợp các gen tạo thành người, vật như các nhà khoa học. Các nhà tu theo Phật Giáo có đủ bảy năng lực Giác Chi dùng thực hiện sự hóa sanh nghĩa là phối hợp các gen tạo thành người, vật và vật dụng theo ý muốn của mình, giống như chúng ta hợp các duyên tạo thành nhà cửa, đồ vật dụng như: Bàn, ghế, tủ, giường, chông, v.v... Cho nên đừng hiểu hóa sanh là khi chết linh hồn biến hoá vào cảnh giới siêu hình.

Chữ hóa sanh ở đây có nghĩa là tâm bám chặt ở trạng thái Sơ Thiền hoặc luôn luôn giữ tâm sống trong trạng thái ấy thì các lậu hoặc lần lượt cũng sẽ được đoạn trừ, như kinh dạy: *“Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc”*. Và nếu chưa đoạn trừ được các lậu hoặc mà lỡ mất thân (chết) thì tiếp tục tu tập bằng tướng thức như trên đã nói. Tu tập bằng tướng thức được là nhờ nhập được Sơ Thiền; nhờ Sơ Thiền mà diệt được năm hạ phần kiết sử; nhờ diệt được năm hạ phần kiết sử nên phát sinh từ trường bảo vệ thân tứ đại không bị hư hoại, nhờ đó mà tướng thức thay thế ý thức tu tập cho đến khi lậu hoặc diệt sạch, như kinh dạy: *“Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyện pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này”*. Như vậy chỉ cần được nhập Sơ Thiền thì chúng ta cũng vào được Niết Bàn, tức là cũng đã đi đến nơi đến chốn.

Bài kinh này dạy tám pháp độc nhất, chỉ cần tu một pháp là đã đi đến cứu cánh giải thoát hoàn toàn, không cần phải tu cả tám pháp. Nhưng ở đây chúng tôi xin các bạn lưu ý, các bạn nên nhớ tùy theo khả năng của mình có đủ sức kham nhẫn một pháp này hay không? Nếu không đủ sức thì các bạn tu tập cũng chỉ hoài công mà thôi.

BÀ LA MÔN

LỜI PHÁT DẠY

*“Ai biết được đời trước
Thấy Thiên giới, đọa xứ
Đạt được sanh diệt tận
Thắng trí, tự viên thành
Bậc Mâu Ni đạo sĩ
Viên mãn mọi thành tựu
Ta gọi Bà La Môn”.* Kinh Pháp Cú.

CHÚ GIẢI:

Một lần nữa Đức Phật xác định cho chúng ta thấy một tu sĩ Phật Giáo được gọi như thế nào là một Bà La Môn chân chánh trong những tiêu chuẩn nào?

Đọc bài kệ trên đây trong kinh Pháp Cú chúng ta mới thấy rõ một vị tu sĩ Phật Giáo được gọi là Bà La Môn chân chánh thì phải hội đủ những tiêu chuẩn:

1- Biết được đời trước của mình là phải có Tam Minh. Trong Tam Minh có Túc Mạng Minh. Có Túc Mạng Minh mới biết được nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ của mình và của người khác. Một Bà La Môn chân chánh tu tập phải có Túc Mạng Minh biết được nhiều đời của mình thì mới được gọi là một Bà La Môn, bằng không biết thì không được gọi là Bà La Môn. Cho nên câu kệ này dạy: *“Ai biết được đời trước”.*

Chúng ta hiện giờ nhìn lại tu sĩ Phật Giáo có vị nào tu tập biết được nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ của mình chưa? Nếu chưa biết thì chưa được gọi là Thánh Tăng, Thánh Ni, chưa được gọi là Bà La Môn chân chánh. Phải không các bạn?

2- Một người được gọi là Bà La Môn chân chánh là phải có trí tuệ nhân quả thấy thiện và ác rất rõ ràng. Người thấy thiện ác rõ ràng là người có chánh tri kiến. Người có chánh tri kiến là người ly dục ly ác pháp. Người ly dục ly ác pháp là người tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ. Người có tâm bất động là người xứng đáng được gọi là Bà La Môn chân chánh.

Hiện giờ nhìn xem những tu sĩ Phật Giáo thì chúng ta biết ngay họ chưa ly dục ly ác pháp vì họ còn ăn uống và ngủ nghỉ phi thời, tâm còn ham vui, thích tài sản, của cải, tiền bạc, nhà cửa sang đẹp, như chùa to Phật lớn, v.v... Chính họ không thấy những sự ham muốn đó là dục, là ác pháp. Do như vậy họ chưa xứng đáng làm Thánh Tăng, Thánh Ni; chưa xứng đáng làm Thánh Tăng, Thánh Ni thì làm sao xứng đáng làm đệ tử của Phật được. Họ là những người không thấy nhân quả thiện ác thì làm sao được gọi là Bà La Môn chân chánh.

Cho nên câu kệ thứ hai Đức Phật đã xác định: “*Thấy Thiên giới, đọa xứ*”. Câu này chúng ta phải hiểu nghĩa cho rõ ràng. Vậy Thiên giới và đọa xứ là gì?

Thiên giới là cõi Trời; đọa xứ là địa ngục. Ở đây không phải là cõi Trời mà là Thập thiện, ở đây không phải là địa ngục mà là Thập ác. Thấy thiên giới, đọa xứ là thấy Thập thiện, thập ác. Thấy Thập thiện và Thập ác là thấy nhân quả. Thấy được nhân quả thì mới được Đức Phật chấp nhận là Bà La Môn chân chánh. Có hiểu nghĩa như vậy

mới hiểu lời Đức Phật dạy. Các bạn có hiểu đúng nghĩa như vậy không?

Nhưng một vị Bà La Môn chân chánh đâu phải tu tập có bấy nhiêu pháp thôi, mà còn phải tu tập nhiều hơn nữa, phải làm chủ sanh tử như câu kệ dưới đây: *“Đạt được sanh diệt tận”*. Vậy, sanh diệt tận nghĩa là gì?

Sanh là đời sống, sự sống; diệt là chết, sự chết; tận là tận cùng, cuối cùng, chấm dứt. Toàn nghĩa câu này là *phải đạt cho được sự tận cùng sống chết của kiếp làm người* thì mới được Đức Phật chấp nhận là một Bà La Môn chân chánh, còn chưa tu tập được như vậy thì chưa xứng đáng là Tăng là Ni đệ tử của Phật.

Làm một đệ tử của Đức Phật đâu phải dễ. Phải không hề các bạn? Phải đầy đủ thắng trí. Vậy thắng trí là gì? Thắng trí là một trí tuệ chiến thắng mọi ác pháp và các cảm thọ, một trí tuệ không bao giờ chịu khuất phục trước mọi trở ngại, gian nan hay mọi việc khó khăn nào, luôn luôn giành phần thắng về mình. Có thắng trí như vậy là có sự chiến thắng về vang trong trận giặc sanh tử luân hồi. Người có thắng trí mới xứng đáng là đệ tử của Đức Phật, mới xứng đáng là Bà La Môn chân chánh, nên câu kệ dạy: *“Thắng trí, tự viên thành”*.

Người có thắng trí là người thành tựu đạo giải thoát dễ dàng, đâu cần gì tu tập nữa. Có đúng như vậy không các bạn?

Hai câu kệ cuối cùng để tán thán một người tu sĩ Phật Giáo thành tựu viên mãn đạo giải thoát:

*“Bậc Mâu Ni đạo sĩ
Viên mãn mọi thành tựu”.*

Vậy, Mâu Ni và viên mãn nghĩa là gì? Mâu Ni dịch âm tiếng Phạn là Mouni có nghĩa là năng nhơn, năng từ, năng mãn, năng tịch, v.v... Năng nhơn nghĩa là lòng thương người; năng từ là lòng từ bi; năng mãn là tâm tròn đầy đức hạnh; năng tịch là tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ. Tóm lại nghĩa của toàn câu kệ này là bậc đạo sĩ đầy đủ những năng lực siêu việt không có một người nào hơn được *“Bậc Mâu Ni đạo sĩ”*.

Viên mãn: là tròn đầy, đầy đủ, không còn thiếu khuyết một chỗ nào cả. Nghĩa của câu này là tất cả những pháp môn tu hành của Phật Giáo đều đã tu hành xong: *“Viên mãn mọi thành tựu”*.

Đọc bài kệ trên đây chúng ta thấy được những kết quả vĩ đại của một người tu theo Phật Giáo mà đáng được gọi là Bà La Môn chân chánh thì đâu phải dễ như toàn bài kệ :

*“Ai biết được đời trước
Thấy Thiên giới, đọa xứ
Đạt được sanh diệt tận
Thắng trí, tự viên thành
Bậc Mâu Ni đạo sĩ
Viên mãn mọi thành tựu
Ta gọi Bà La Môn.”*

Được gọi là Bà La Môn là phải tu tập cho đến nơi đến chốn, chứ không phải tu danh, tu lợi theo kiểu Đại Thừa và Thiên Tông. Có đúng như vậy không các bạn?



**MỘT TU SĨ PHẬT GIÁO MÀ SỐNG PHẠM GIỚI
PHÁ GIỚI LÀM NHỮNG ĐIỀU MÊ TÍN LÀ HỌ TU
THEO NGOẠI ĐẠO ĐA THẦN GIÁO BÀ LA MÔN
CHỨ KHÔNG PHẢI TU SĨ ĐỆ TỬ CỦA ĐỨC PHẬT**

Hỏi: Kính bạch Thầy, Bà La Môn nào trong kinh Pháp Cú mà Đức Phật ca ngợi và Bà La Môn nào mà Đức Phật chê, bài bác. Xin Thầy dạy cho chúng con được rõ?

Đáp: Bà La Môn được Đức Phật khen ngợi là một Bà La Môn sống đúng giới luật và chánh pháp của Phật, còn sống không đúng giới luật và chánh pháp của Phật thì Đức Phật không chấp nhận. Vậy chúng ta hãy đọc lại những bài kinh Pháp Cú thì sẽ biết rõ ràng hơn:

***“Với người thân, miệng, ý
Không làm các ác hạnh
Ba nghiệp được phòng hộ
Ta gọi Bà La Môn”***

Thân, miệng, ý không làm các ác hạnh tức là sống đời sống giới luật nghiêm chỉnh, thường tu tập các pháp ly dục ly ác pháp diệt ngã xả tâm tức là phòng hộ ba nghiệp.

***“Đoạn hết các kiết sử
Không còn gì lo sợ
Không đắm trước buộc ràng
Ta gọi Bà La Môn”***

Đoạn hết các kiết sử tức là dùng pháp ngăn ác diệt ác (*Tứ Chánh cần*) đó là Bà La Môn tu đúng pháp được Đức Phật chấp nhận. Không đắm trước buộc ràng tức là hộ trì các căn: mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý không cho dính mắc sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

***“Bỏ điều ưa, điều ghét
Thanh lương, không nhiễm ô***

***Hùng dũng thắng mọi cỗi
Ta gọi Bà La Môn”***

Thân tâm được trong sạch không cấu uế như vàng trắng sáng, tịnh lặng giữa đêm trường sâu thẳm và tất cả những hữu ái đều được đoạn trừ. Nếu người nào giữ thân tâm được như vậy là tu tập Tứ Niệm Xứ được viên mãn. Người ấy được Đức Phật chấp nhận là một Bà La Môn.

***“Nhu trắng sạch không uế
Sáng trong và tịnh lặng
Hữu ái được đoạn tận
Ta gọi Bà La Môn”***

Tóm lại người được Đức Phật gọi là Bà La Môn là phải sống đúng giới luật thường ngăn ác diệt ác pháp “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*”. Một Bà La Môn tu tập và sống như vậy chính là tu sĩ Phật Giáo một bậc Sa Môn Phạm Hạnh, còn ngược lại là một Bà La Môn của đạo Bà La Môn; hay nói cách khác một tu sĩ Phật Giáo sống phạm giới, bẻ vụn giới, sống chạy theo danh lợi làm những điều mê tín lừa đảo tín đồ... đó là Bà La Môn của Đạo Bà La Môn chứ không phải một tu sĩ Phật Giáo (*một bậc Sa Môn Phạm Hạnh*). (Trích ĐVXP - 6)



(Trưởng Lão tiếp Phật Tử Thành Phố về Tu Viện xin bài kiến tu học)

**LÀ PHẬT TỬ THÌ PHẢI TU
ĐÚNG PHÁP ĐÚNG CÁCH ĐÚNG CĂN CƠ ĐẶC TƯỚNG**

Hỏi: *Kính thưa Thầy, Thầy dạy chúng con, hằng ngày phải tu cho đúng pháp, đúng cách, đúng căn cơ đặc tướng của mình, song chúng con chưa thấu triệt lắm, kính mong Thầy chỉ dạy cho chúng con được thâm hành Phật Pháp, để sớm được giải thoát thân tâm.*

Đáp: Muốn tu tập đúng pháp, đúng cách, đúng căn cơ đặc tướng như thế nào?

Chúng ta nên chia làm ba phần:

Đúng pháp.

Đúng cách.

Đúng căn cơ đặc tướng.

ĐÚNG PHÁP

Sau khi nghiên cứu tường tận biết rõ pháp môn nào là của Phật, pháp môn nào không phải của Phật.

Ví dụ :

1/ Pháp môn của Phật là pháp xả tâm, chứ không phải là pháp môn ức chế tâm.

2/ Pháp môn của Phật là pháp môn vô ngã ác pháp, hữu ngã thiện pháp.

3/ Pháp môn của Phật là pháp môn ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp.

4/ Pháp môn của Phật là pháp môn toàn thiện.

5/ Pháp môn của Phật là một pháp môn đạo đức nhân bản không làm khổ mình khổ người và khổ tất cả chúng sanh.

6/ Pháp môn của Phật là một pháp môn huấn luyện tâm, rèn luyện tâm, như lý tác ý.

7/ Pháp môn của Phật là một pháp môn dùng để dẫn tâm vào đạo đức làm Người, làm Thánh...

Nếu các con biết rõ đúng pháp thì sẽ tu tập đúng pháp. Ngoài bảy sự hiểu biết trên đây là đúng về Phật pháp còn là sự hiểu sai, hiểu sai Phật pháp tức là tu sai, tu sai thì phí công vô ích mà còn tạo thêm gánh nặng cho Phật tử (tín đồ) cúng dường.

Cho nên trước khi đi tu thì phải nghiên cứu cho tường tận lời dạy của Đức Phật rồi mới tu.

ĐÚNG CÁCH

Tu tập đúng cách, tức là tu tập xả tâm, xả tâm đúng cách tức là phải khéo léo thiện xảo, tu tập đúng cách là không bao giờ ức chế tâm.

Tu tập đúng cách là phải biết pháp nào tu trước pháp nào tu sau...

Ví dụ :

Như pháp tam vô lậu học (Giới – Định – Tuệ) thì *Giới luật phải tu trước*, sau khi tu giới luật xong, nghĩa là sống đúng giới luật không có vi phạm một lỗi nhỏ nhất nào thì mới tu tập thiền định, còn vi phạm giới luật dù là một giới rất nhỏ thì cũng còn phải tu giới luật trở lại, chứ không được tu Thiền Định chừng nào giới luật thanh tịnh thì mới bắt đầu tập tu Trí Tuệ, thiền định chưa xong mà vội tu trí tuệ là tu sai, tu như vậy trở thành *Tướng tuệ* chứ không phải là *Trí Tuệ*.

Cũng như tu tập Tứ Thánh Định thì phải tu tập Sơ Thiền trước tiên, sau khi Sơ Thiền được sung mãn thì mới tu tập Nhị Thiền, sau khi Nhị Thiền được sung mãn thì mới tu tập Tam Thiền, sau khi Tam Thiền được sung mãn thì mới tu tập Tứ Thiền.

Nếu chúng ta tu tập không đúng cách thì cũng giống như con bò, chân trước chưa bước mà chân sau đã bước thì con bò không thể nào đi được. Cũng giống như vậy, người tu sĩ Đạo Phật giới luật chưa nghiêm trì mà tu thiền định thì chẳng bao giờ có thiền định được, thiền định của những người tu sĩ phạm giới là thiền định tướng. Đó là những người tu không đúng cách.

TU ĐÚNG CĂN CỐ ĐẶC TƯỚNG

Nếu tu tập không đúng căn cơ của mình thì cũng giống như người nhạc sĩ lên dây đàn, căng quá thì đứt dây, chùng quá thì không thành tiếng.

Do đó khi tu hành chúng ta phải biết căn cơ của mình. Vậy muốn biết căn cơ của mình thì phải biết như thế nào? Căn cơ của chúng ta thể hiện qua nhân tướng và hành tướng. Vì thế khi tu tập chúng ta nên tu tập theo nhân tướng và hành tướng tự nhiên của mình.

Ví dụ:

Hành tướng ngoại tự nhiên của mình đi chậm, khi tu tập thì phải theo hành tướng đi chậm mà tu, không được đi nhanh, cũng không đi quá chậm. Khi hành tướng tự nhiên của mình đi nhanh thì tu tập không được đi chậm hoặc quá chậm hoặc quá nhanh, phải đi với tướng tự nhiên của mình.

Hành tướng nội tự nhiên của mình khi hơi thở chậm thì nên tu tập theo hơi thở chậm, hơi thở nhanh thì nên tu tập theo hơi thở nhanh, không nên hơi thở chậm mà khi tu tập thì lại thở nhanh cũng như hơi thở nhanh mà khi tu tập thì lại thở chậm, tu như vậy không tự nhiên. Không tự nhiên thì có sự ức chế mà có sự ức chế thì có chướng ngại pháp, có chướng ngại pháp thì không có giải thoát ngay

liền, không có sự giải thoát ngay liền là tu sai pháp Phật, tu sai pháp Phật tức là tu theo pháp môn của ngoại đạo.

Nhân tướng là hình dáng của cơ thể, có người có nhân tướng cao, nhưng cũng có người có nhân tướng thấp, người đẹp, người xấu, người trắng, người đen, người mập người ốm, người mặt dài, mặt ngắn, mặt vuông, mặt chữ điền, mặt bầu, mặt tròn. v.v... Tất cả mọi hình tướng khác nhau đều gọi là nhân tướng.

Người tu theo Đạo Phật không nên vì nhân tướng mà tu tập. Ước mơ có một tướng đẹp như Phật, 32 tướng tốt tám mươi vẻ đẹp.

Ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp có còn đâu, khi Đức Phật nhập Niết bàn chỉ còn lại một nắm xương vụn bất tịnh thiêu chưa cháy hết.

Mục đích của Đạo Phật là *tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ chứ không phải tướng tốt*. Dưới đôi mắt của Phật thì nhân tướng của con người chỉ là tứ đại duyên hợp, bất tịnh uế trước không có đáng cho chúng ta quan tâm, nhưng trong khi tu tập chúng ta biết sử dụng nó như sử dụng một con ngựa để đi đường xa vạn dặm. Vì thế chúng ta phải biết cách khi thì dụ dỗ khi thì ra lệnh, chứ không bắt ép nó tu tập nhiều thì cũng không tốt mà tu tập ít thì cũng không có lợi, không được khổ hạnh ép xác, mà cũng không được lợi dưỡng phá giới luật.

Ngày ngày tu tập phải tùy theo đặc tướng của mình mà thực hiện cho đúng pháp thì có kết quả lợi ích rất lớn.
(Trích ở sách ĐVXP)



KHÔNG SỞ HỮU

LỜI PHÁT DẠY

*“Ai quá, hiện, vị lai
Không một sở hữu gì
Không sở hữu, không nắm
Ta gọi Bà La Môn”.* (Kinh Pháp Cú Phẩm Bà La Môn).

CHÚ GIẢI:

Bốn câu kệ trên đây để xác định một vị tu sĩ Phật Giáo đúng Thánh hạnh mà ngày xưa Đức Phật thường xem mình như một Bà La Môn nghiêm trì giới luật không hề sai phạm.

Câu kệ thứ nhất dạy: *“Ai quá, hiện, vị lai”*. Có nghĩa là người tu sĩ nào trong ba thời gian quá khứ, vị lai và hiện tại sống không có của cải tài sản, sống không gia đình, không nhà cửa, đời sống luôn luôn thiếu dục tri túc, chỉ có ba y một bát, tâm hồn trắng bạch như vỏ ốc, phóng khoáng như hư không. Đó là Phạm hạnh của người tu sĩ Phật Giáo. Người sống đúng Phạm hạnh như vậy mới được gọi là Bà La Môn.

Vì thế câu kệ thứ hai đã xác định điều này: *“Không một sở hữu gì”*. Cho nên người tu sĩ không có của cải tài sản, không có gia đình, không có nhà cửa thì không có sự ràng buộc, không bị dính mắc. Do không bị tài sản, của cải ràng buộc, dính mắc thì đó là giải thoát các bạn ạ! Giải thoát phần thô về vật chất. Nếu phần vật chất đã lìa xa thì phần nội tâm quét cũng không còn khó khăn. Hai phần này gom lại là tâm đã ly dục ly ác pháp. Tâm ly dục ly ác pháp là tâm không phóng dật. Tâm không phóng dật là tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ.

Cho nên câu kệ thứ ba dạy: “*Không sở hữu, không nắm*”. Người tu sĩ tu tập mà đạt được tâm bất động như vậy thì Đức Phật mới gọi là Bà La Môn. Một vị tu sĩ Bà La Môn mà được Đức Phật chấp nhận là phải có những tiêu chuẩn hẳn hoi như trên đã nói. Các bạn có nhận xét điều này không?

Bởi vậy trong thời đại này, nhìn các tu sĩ Phật Giáo trong các hệ phái khác nhau thì chúng ta biết rõ Phật Giáo đã bị chia chẻ tan nát. Chia chẻ từ hình thức ăn mặc cho đến tinh thần giáo pháp, nhất là Đại Thừa Phật Giáo tự vỗ ngực xưng mình có 84 ngàn pháp môn. Có 84 ngàn pháp môn, nếu ai chấp vào pháp môn nào thì có thể chia ra làm nhiều hệ phái khác nữa. Và như vậy Phật Giáo còn gì gọi là nhất quán, giáo lý của Phật chỉ là những pháp môn góp nhặt. Đó là nói lên sự suy yếu rất lớn của Phật Giáo.

Phật Giáo chỉ có một pháp môn duy nhất, đó là “*Đạo Đế*”. Đạo Đế là một chân lý trong bốn chân lý bất di bất dịch của Đạo Phật, không ai có thể thay đổi được. Thế mà bây giờ lại có (84.000) tám bốn ngàn pháp môn thì các bạn nghĩ sao. Có đúng là pháp môn của Phật không?

Ngày xưa Đức Phật tu hành không có tham vọng như các Tổ ngày nay. Ngài tự thấy mình là một Bà La Môn, một Bà La Môn sống có đạo đức, không mê tín, không cúng bái, cầu siêu, cầu an, v.v... không lừa đảo người, trước mặt cũng như sau lưng, chỉ tu hành sống đúng Phạm hạnh, nhờ đó Ngài mới tìm thấy có sự giải thoát rõ ràng, cụ thể. Cho nên trong kinh Pháp Cú, Ngài thường nhắc nhở các vị Tỳ Kheo nào sống đúng giới luật thì người ấy được gọi là *Bà La Môn chân chánh*, còn những vị nào sống không đúng giới luật, phá giới, phạm giới thì Đức Phật gọi là *Bà La Môn ngoại đạo*.

Trong thời gian hoằng hóa độ sanh, Đức Phật cũng tự cảm thấy mình là một Bà La Môn, nhưng một Bà La Môn sống trước mặt cũng như sau lưng mọi người không hề thiếu mười hai Đức Thánh hạnh này. Đó là:

Như Lai
A La Hán
Ứng Cúng
Chánh Biến Tri
Minh Hạnh Túc
Thiện Thệ
Thế Gian Giải
Vô Thượng Sĩ
Điều Ngự Trượng Phu
Thiên Nhơn Sư
Phật.
Thế Tôn.

Chúng tôi xin giải nghĩa của mười hai hiệu Đức Thánh này:

1- Như Lai: Dịch âm tiếng Phạn Tathàgata có nghĩa là vì theo con đường như thật đi tới mà thành Chánh Giác. Như Lai cũng có nghĩa là bậc tu hành đã xong, không còn tái sinh trở lại cuộc đời này nữa tức là đã làm chủ sinh, tử và chấm dứt luân hồi.

Như Lai là một “Đức Thánh Không Đến Không Đi”.

2- A La Hán: Dịch âm tiếng Phạn Arahant. A La Hán đồng nghĩa với Ứng Cúng có nghĩa là giết giặc phiền não, bất sanh mãi mãi ở trong Niết bàn, xứng đáng nhận sự cúng dường của Trời Người. Tóm lại bậc A La Hán đã thoát khỏi phiền não, được tự do tự tại, hoàn mỹ về mặt đạo lý, làm chủ được tư tưởng của mình, biết hết tất cả, có đủ sáu pháp huyền diệu, không phải chịu quả báo sống

chết lần thứ hai. Danh hiệu này Đại Thừa cho là còn thấp kém chỉ là quả cao nhất của Tiểu Thừa.

A La Hán còn gọi là “*Đức Thánh Vô Lậu*”. Đức không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh.

3- *Ứng Cúng*: Dịch âm tiếng Phạn Arhat nghĩa là bậc đã xa lìa mọi điều ác, xứng đáng được hưởng thọ sự cúng dường của Người, Trời. Bậc đầy đủ phước báu không ai hơn.

Ứng Cúng là đức hạnh xa lìa những điều ác xứng đáng là nơi phước báu vô lượng để chúng sanh Trời Người cúng dường, nên gọi là “*Đức Thánh Phước Điền*”.

4- *Chánh Biện Tri*: Dịch âm tiếng Phạn Samyasambuddha nghĩa là chánh trí biết rõ mọi pháp như thật. Chánh biện tri còn có nghĩa là trí hiểu biết chân chánh không bị tà pháp, tà kiến, tướng kiến, tà giáo lừa đảo, trí hiểu biết vượt ra khỏi sự hiểu biết trong khuôn khổ nề nếp phong tục, tập quán và các hệ tư tưởng của các tôn giáo trên thế gian này.

Chánh Biện Tri còn gọi là “*Thánh Hạnh Liễu Tri*”.

5- *Minh Hạnh Túc*: Dịch âm tiếng Phạn Vidyàcarana-sampana có nghĩa là bậc có đầy đủ trí tuệ và đức hạnh.

Trí Tuệ gồm đủ có ba:

- a) Ý thức tuệ
- b) Tưởng thức tuệ
- c) Tam minh tuệ.

Tam Minh Tuệ gồm có ba:

- + Vô thời gian tuệ
- + Vô không gian tuệ
- + Vô lậu tuệ.

Thánh đức gồm có bốn:

*Đức từ,
Đức bi,
Đức hỷ,
Đức xả .*

Thánh hạnh gồm có năm hạnh:

*Thắng hạnh,
Chánh hạnh,
Trực hạnh,
Diệu hạnh,
Tịnh hạnh.*

6- **Thiện Thệ**: Dịch từ tiếng Phạn Sugata nghĩa là bậc đã tu tập hoàn thành con đường Bát Chánh Đạo, bậc đã làm xong các hạnh lành, không còn trở lui về ác pháp và cuộc đời này nữa.

Thiện Thệ còn gọi là “*Thánh hạnh tự tại sinh tử*”.

7- **Thế Gian Giải**: Dịch từ tiếng Phạn Lokavit: Có nghĩa là giải thích rõ các pháp trong thế gian, không còn pháp nào mà không giải thích được. Thế gian giải có nghĩa là bậc thông suốt tất cả các pháp thế gian. Bậc có thể hiểu rõ các lý và sự của loài hữu tình và vô tình.

Thế Gian Giải còn gọi là “*Thánh hạnh giải thông suốt các pháp thế gian*”.

8- **Vô Thượng Sĩ**: Dịch từ tiếng Phạn Anu Hara: Có nghĩa là bậc cao hơn hết trong các hàng chúng sanh. Một con người làm chủ tốt đỉnh giải thoát, không còn có sự giải thoát nào cao hơn nữa.

Vô thượng sĩ còn gọi là “*Thánh hạnh giải thoát cao nhất*”.

9- Điều Ngự Trượng Phu: Dịch từ tiếng Phạn Purusa-danya-sàrathi: Có nghĩa là bậc điều khiển được mình và tất cả chúng sanh tức là bậc đã làm chủ được mình và tất cả các pháp, nói một cách dễ hiểu hơn là bậc tâm đã bất động trước các pháp và các cảm thọ.

Điều Ngự Trượng Phu còn gọi là *“Thánh hạnh nhiếp phục các pháp và các cảm thọ”*.

10- Thiên Nhân Sư: Dịch theo tiếng Phạn Sātadevanāsya-nām: Nghĩa là bậc Thầy của Trời, Người. Dạy cho Trời, Người những gì nên làm và những gì không nên làm.

Thiên Nhân Sư còn gọi là *“Đức Thánh Thầy Trời, Người”*.

11- Phật: Dịch âm chữ Buddha có nghĩa là bậc giải thoát hoàn toàn, bậc Giác Ngộ.

Phật còn gọi là *“Đức Thánh Giác Ngộ”*.

12- Thế Tôn: Dịch âm tiếng Phạn Bhagavat có nghĩa là bậc cao hơn hết trong cõi Trời, Người, được tất cả Trời, Người đều tôn kính quý trọng.

Thế Tôn còn gọi là *“Đức Thánh tôn kính”*.

Mười hai đức hạnh tối cao trên đây nếu người Tu sĩ nào làm được thì Đức Phật gọi người ấy là Bà La Môn.

Tóm lại bài kệ trên đây đã xác định một người Bà La Môn đúng tiêu chuẩn của Phật Giáo là không có một vật sở hữu nào cả suốt trong ba thời gian quá khứ, hiện tại và vị lai thì mới đúng nghĩa:

*“Ai quá, hiện, vị lai.
Không một sở hữu gì.
Không sở hữu, không nắm
Ta gọi Bà La Môn”*.

Đúng vậy, lúc nào cũng nhớ giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh và hạnh tri túc thì mới xứng đáng là Bà La Môn của Phật Giáo.

Đọc bài kệ này chúng ta mới biết Phật Giáo là do người sau lập thành tôn giáo lấy tên là Phật Giáo, còn riêng Đức Phật thì không có ý đó. Tại sao vậy?

Bởi Đạo Phật là đạo đức của con người trên hành tinh này, nó là chân lý của loài người, nên không thể xây dựng nó thành tôn giáo được, vì tôn giáo sẽ bị hạn cuộc trong một số người rất ít, chứ không được phổ cập rộng rãi khắp mọi người, mọi nơi. Và khi thành lập ra tôn giáo là sẽ chia chẻ con người, mà chia chẻ con người thì không còn là đạo đức. Hình thức chia chẻ là vì quyền lợi riêng tư cho cá nhân hay tập thể nhỏ. Cho nên các Tổ không hiểu điều này, vì quyền lợi riêng tư mà các Tổ đã làm một việc rất sai lầm, biến chân lý và đạo đức của loài người thành chân lý và đạo đức riêng tư của tôn giáo. Một bằng chứng rất hùng hồn, từ những tham vọng ấy, các Tổ đã chia nát Phật Giáo ra nhiều hệ phái, làm cho Phật Giáo suy yếu và mất gốc. Từ Phật Giáo của chung của nhân loại đã trở thành của riêng và còn của riêng nhiều vị Tổ nữa. Thật là đau lòng, phải không hồi các bạn?

Riêng Đức Phật chỉ thấy mình là một Bà La Môn và cố gắng làm tốt hơn cho Bà La Môn Giáo, chứ không có mục đích thành lập tôn giáo riêng tư, chỉ vì người sau không hiểu ý Phật nên dựa vào 12 danh hiệu của Ngài mà đặt tên cho tôn giáo. Từ đó mới có tên là Phật Giáo.



TỨ CHÁNH CẦN

LỜI PHẬT DẠY

- 1- Ngăn ác
- 2- Diệt ác pháp
- 3- Sanh thiện
- 4- Tăng trưởng thiện pháp.

CHÚ GIẢI:

Đó là lời dạy tu tập thiền định của Đạo Phật, một thứ thiền định ly dục ly ác pháp để khắc phục tâm tham ưu của hành giả, để đi đến cứu cánh giải thoát hoàn toàn, làm chủ sanh già bệnh chết, và chấm dứt tái sanh luân hồi.

Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp là pháp môn “*Tứ Chánh Cần. Tứ Chánh Cần tức là Tấn Lực, là Định Tư Cự, là giới hành của Đạo Phật*”.

Đây là pháp môn vô lậu đệ nhất của Đạo Phật. Khi một hành giả bước chân vào Đạo Phật mà được sự hướng dẫn tu tập ngay liền pháp môn này, thì chắc chắn phải thấy kết quả giải thoát không có thời gian chờ đợi. Người được hướng dẫn pháp môn này là người có duyên phước đầy đủ với đạo giải thoát sâu xa nhiều đời.

Chúng tôi không đủ nhân duyên, nên khi bước chân vào chùa lúc tám tuổi đời, không được dạy tu hành theo pháp này, mà chỉ được Thầy Tổ dạy cho hai thời công phu chiều và khuya rồi học thêm ứng phú đạo tràng, đánh đu, trống, mõ để tụng kinh, niệm Phật, tụng niệm đám ma chay, cầu siêu, cầu an, làm tuần làm tự, cúng vong tiền linh, cúng sao giải hạn, xem ngày giờ tốt xấu cất nhà, dựng vợ, gả chồng, xây mồ mả và những lúc rảnh rang thì lần chuỗi niệm Phật lục tự Di Đà, v.v... Làm được những việc này các Thầy Tổ cho đó là những công phu tu tập.

Đến bây giờ chúng tôi mới hiểu ra Thầy Tổ của chúng tôi chỉ dạy cho chúng tôi một cái nghề để sống như bao nhiêu nghề khác trong xã hội. Nhưng những nghề khác thì lương thiện, còn nghề của chúng tôi thì không lương thiện chút nào cả, nó là một nghề mê tín chuyên lừa đảo, dối gạt người để ngồi mát ăn bát vàng. Chúng tôi ở trong chùa hằng ngày mang mõ, chuông, đầu đi tụng niệm đám ma này hết, đến đám ma khác, không tụng đám ma thì lại tụng kinh cầu an, cầu siêu, làm tuần, làm tư, v.v...

Quanh năm suốt tháng chúng tôi hành nghề này, thấy sao mà giả dối... Chúng tôi suy tư nghĩ lại rất buồn khổ trong lòng nhưng không dám nói với ai, mà nếu hỏi đến các Thầy Tổ thì bị la rầy mắng và còn bảo rằng nói vậy sẽ bị đọa địa ngục.

Mãi đến khi chúng tôi được về thành phố vì chiến cuộc ở nông thôn bất an và được học thêm giáo lý của Đạo Phật, chừng đó chúng tôi nghiên cứu về Thiên Tông thì thấy Thiên Tông hay quá, không dạy làm những điều mê tín, lừa đảo, mà chỉ dạy tu tập ức chế tâm cho hết vọng tưởng để thành Phật hoặc giữ tâm không niệm thiện niệm ác thì kiến tánh thành Phật. Càng nghiên cứu sách kinh Thiên Tông thì lại càng thích thú. Những lời nói và hành động của các Tổ sao mà hay quá, nhất là những công án Thiên Tông lại tạo cho chúng tôi có một sức tò mò ghê gớm, cứ nghĩ rằng Thiên Tông có một cái gì bí ẩn ghê lắm không thể dùng tri kiến, ý thức mà hiểu được. Khi thấu hiểu Thiên Tông như thế chúng tôi đặt trọn lòng tin ở pháp môn này. Từ đó chúng tôi bỏ hết toàn bộ cuộc đời, quyết tâm theo tu tập thiền do HT Thanh Từ hướng dẫn. Suốt chín năm trời tu tập, đem hết sức tu tập để ức chế tâm không cho vọng tưởng. Trong đầu, niệm thiện niệm ác vắng bật từ giờ này đến giờ khác. Lúc bấy giờ có 18 loại hỷ tướng hiện ra (có thể gọi đó là thần thông), nhưng nhìn

lại cũng không tìm thấy sự làm chủ sanh, già, bệnh, chết, tâm tham, sân, si vẫn còn. Cái đặc biệt nhất là loại thiền này khi hết vọng tưởng thì tuệ tướng xuất hiện. Khi nó xuất hiện thì tất cả các công án đều thông suốt, thấy tánh thì rất rõ ràng vì mỗi khi động tay, động chân đều là Phật Tánh nơi đó, nhưng lại có tật thường dùng ngôn ngữ công án, vì thế nên thường xảy ra những cuộc tranh luận hơn thua, dù ai nói một điều gì thì chúng tôi cũng đều dùng công án đối đáp và vấn nạn họ. Thấy những hiện tượng lạ lùng như vậy, nên chúng tôi đành bỏ, dù khi ấy chúng tôi đã nhập được Thức Vô Biên Xứ Định.

Khi tu tập không tìm được sự giải thoát nơi kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông, chúng tôi phải tìm pháp môn khác. Sau này nhờ giới luật, chúng tôi học tập và rèn luyện sống đúng giới đức làm Người, làm Thánh của Phật Giáo Nguyên Thủy. Trong khi sống đúng giới luật như vậy chúng tôi tu tập pháp môn Tứ Chánh Cần và dùng pháp hướng tâm Như Lý Tác Ý: *“Ly dục, ly ác pháp, tâm như cục đất, ly tham, sân, si cho thật sạch”*. Chính nhờ sống đúng giới luật và tu tập như vậy chúng tôi cảm thấy tâm mình thanh thản, an lạc và vô sự, ít phóng dật, thường thích sống độc cư một mình. Và cũng chính nhờ tu tập như vậy tâm chúng tôi hết tham, sân, si và thường ở trong một trạng thái tâm bất động an lạc vô cùng, không thể diễn tả cho các bạn hiểu được vì đó là trạng thái ly dục ly bất thiện pháp.

Sau khi tu xong chúng tôi mới hiểu Giới Hành của Đạo Phật không phải là pháp môn nào khác hơn là *“Tứ Chánh Cần”*. Tứ Chánh Cần là pháp môn ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp, chỉ có pháp môn này tu tập trên Tứ Niệm Xứ mà chúng tôi làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Do thế Đức Phật dạy:

*“ Chư ác mạc tác
Chúng thiện phụng hành
Tự tịnh kỳ ý
Thị chư Phật Giáo”.*

ĐỨC PHẬT KHUYẾN TU TẬP BỐN TINH CẦN
LỜI PHẬT DẠY

- “1- Tinh cần chế ngự*
- 2- Tinh cần đoạn tận*
- 3- Tinh cần tu tập*
- 4- Tinh cần hộ trì.”*

CHÚ GIẢI:

Bốn tinh cần là gì?

Bốn tinh cần là bốn pháp môn mà người đệ tử của Phật cần phải siêng năng tu tập hằng ngày không được biếng trễ cũng giống như ngày nào chúng ta cũng phải ăn cơm uống nước vậy.

Bài tu tập thứ nhất: TINH CẦN CHẾ NGỰ. Vậy tinh cần chế ngự nghĩa là gì?

Muốn hiểu bài học thứ nhất thì chúng ta phải hiểu những chữ tinh cần và chế ngự cho rõ ràng. Vậy tinh cần có nghĩa là gì?

Tinh cần có nghĩa là siêng năng, chuyên cần, giờ nào cũng làm việc không nghỉ ngơi.

Chế ngự nghĩa là gì?

Chế ngự có nghĩa, ngăn chặn, không làm theo.

Ở đây, Đức Phật dạy chúng ta tinh cần chế ngự, có nghĩa là bảo chúng ta “tu tập phải từng giây, từng phút, từng sát na siêng năng, chuyên cần liên tục, không được biếng trễ,

không được gián đoạn sự ngăn chặn, không được làm theo lòng ham muốn và tâm hung ác của chính mình” tức là hằng ngày phải siêng năng, tinh cần ly dục ly ác pháp.

Để cho hiểu dễ dàng hơn thì cần phải có những ví dụ:

1) Khi tâm chúng ta khởi muốn ăn phi thời thì ngay đó chúng ta ngăn chặn quyết liệt không cho ăn. Ngăn chặn quyết liệt không cho ăn, đó là chế ngự lòng tham muốn (dục) hay nói cách khác là ly dục về ăn.

2) Chưa đến giờ đi ngủ mà thân tâm bị hôn trầm, thù miên muốn đi ngủ. Chúng ta muốn ngăn chặn sự buồn ngủ, không làm theo nó, liền đi kinh hành làm cho thân tâm không ngủ được, ấy là chế ngự tâm ham muốn ngủ, hay nói cách khác là ngăn chặn sự buồn ngủ. Đi kinh hành ngăn chặn sự buồn ngủ tức là tinh cần chế ngự lòng ham muốn ngủ của mình và như vậy gọi là ly dục ly ác pháp.

3) Ngồi một mình cô đơn trong thất muốn đi nói chuyện cho vui với người khác, ngay đó chúng ta liền ngăn chặn không đi nói chuyện. Ngăn chặn không đi nói chuyện, tức là chế ngự lòng ham muốn vui chơi của mình. Chế ngự lòng ham muốn vui chơi của mình tức là ly dục ly ác pháp.

4) Khi tâm muốn đi làm một việc gì mà việc ấy phi thời thì phải ngăn chặn liền, sự ngăn chặn không đi làm là chế ngự tâm mình hay nói cách khác là ly dục ly ác pháp.

Tóm lại, lời dạy này khuyên nhắc chúng ta muốn tu tập được giải thoát ra khỏi sanh, già, bệnh, chết thì phải thường hằng siêng năng ly dục ly ác pháp. Đó là “*TINH CẦN CHẾ NGỰ*” tâm dục và ác pháp. Đây là bước đầu tu tập căn bản nhất của Phật Giáo mà người tu sĩ và người cư sĩ nào muốn tu tập cũng phải khởi sự từ nơi đây. Đó cũng là phương pháp tu tập để xây dựng cho mình một nền tảng đạo đức nhân bản – nhân quả làm người. Không

làm khổ mình khổ người. Đó là một phương pháp tu tập thiền định xả tâm, xả đến đâu là có giải thoát đến đấy; xả đến đâu là có tâm thanh tịnh đến đấy. Do tu tập thiền định kết quả như vậy nên Đức Phật dạy: *“Pháp ta không có thời gian đến để mà thấy”*.

Bài học thứ hai: *TINH CẦN ĐOẠN TẬN*. Vậy tinh cần đoạn tận như thế nào?

Khi tâm tôi có tham, tôi biết tâm tôi có tham tức là biết tâm có dục. Biết tâm có dục thì ngay đó tôi phải siêng năng làm cho nó hết dục. Làm cho nó hết dục tức là đoạn tận.

Theo phương pháp đoạn tận tâm tham Đức Phật dạy: *“Do vậy, này các Thầy Tỷ Kheo, nếu các Thầy mong rằng ly dục ly ác pháp, các Thầy sẽ chứng đạt an trú Thiền Thứ Nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh có tâm, có tứ thì Định Niệm Hơi Thở vô hơi thở ra cần phải được khéo tác ý”*. Ở đây hơi thở vô, hơi thở ra cần phải được khéo tác ý như thế nào?

Chúng ta hãy nghiên cứu lại pháp môn Định Niệm Hơi Thở thì sẽ rõ. Trong Định Niệm Hơi Thở Phật dạy: *“Quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra”*. Đó là một phương pháp đoạn tận tâm tham tuyệt vời, nếu ai tin tưởng giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh thì nương vào hơi thở mà tác ý như vậy thì chúng tôi bảo đảm với quý vị sẽ có kết quả ngay liền.

Với tâm sân, quý vị cũng nên nương vào hơi thở mà tác ý như vậy: *“Quán ly sân tôi biết tôi hít vô, quán ly sân tôi biết tôi thở ra”*.

Với tâm si, quý vị cũng nên nương vào hơi thở mà tác ý: *“Quán ly si tôi biết tôi hít vô, quán ly si tôi biết tôi thở ra”*.

Muốn cho tâm được định tĩnh không còn bị hôn trầm, thù miên thì quý vị cũng nên nương vào hơi thở mà tác ý: *“Với tâm định tĩnh tôi biết tôi hít vô, với tâm định tĩnh tôi biết tôi thở ra”*.

Với tâm phiền não, lo lắng, sợ hãi, v.v... thì quý vị cũng nên nương vào hơi thở mà tác ý: *“An tịnh toàn tâm tôi biết tôi hít vô, an tịnh toàn tâm tôi biết tôi thở ra”*.

Trên đây là phần tinh cần đoạn tận về tâm, còn về thân thì tinh cần đoạn tận như thế nào?

Mỗi khi thân có đau nhức hay bệnh tật thì cũng nên an trú vào hơi thở mà tác ý: *“An tịnh toàn thân tôi biết tôi hít vô, an tịnh toàn thân tôi biết tôi thở ra”*. Cứ bền chí mà tác ý như vậy đến chừng nào thân không bệnh, không còn đau khổ nữa mới thôi.

Những lời dạy trên đây các bạn có tin không? Nếu tin thì có lợi ích cho các bạn, còn không tin thì các bạn sẽ tốn tiền thuốc thang và chịu nhiều đau khổ.

Do sự đau khổ, phiền não thân tâm của quý bạn nên Đức Phật dạy: *“TINH CẦN ĐOẠN TẬN”*. Nếu quý bạn tinh cần đoạn tận thì sự an vui và hạnh phúc sẽ đến với các bạn.

Trước khi muốn đoạn tận các sự phiền não và tất cả bệnh khổ đau nơi thân tâm của quý bạn thì quý bạn hãy tu tập cách thức an trú cho được trong hơi thở, trong bước đi hay hơi thở, nói cách khác tổng quát hơn là an trú trong thân hành của các bạn. Khi an trú được thì bạn mới đẩy lui được các chướng ngại pháp. Đẩy lui các chướng ngại pháp trên thân tâm, tức là làm cho thân tâm của quý bạn được an ổn và thanh tịnh. Do làm cho thân tâm được an ổn và thanh tịnh, đó là một điều lợi ích rất lớn mà Đức Phật thường nhắc nhở chúng ta nên *“TINH CẦN ĐOẠN TẬN MỌI KHỔ ĐAU”*. Đó là một phương pháp tu tập rất thực tế

và có lợi ích thiết thực ngay liền mà trong kinh Tứ Niệm Xứ đã dạy: *“Trên thân quán thân để khắc phục tham ưu. Trên tâm quán tâm để khắc phục tham ưu. Trên thọ quán thọ để khắc phục tham ưu....”*.

Bài học thứ ba: TINH CẦN TU TẬP. Vậy tinh cần tu tập như thế nào?

Như chúng ta đã biết những pháp môn mà Đức Phật đã dạy gồm có:

- 1/ Mười tám đề mục Định Niệm Hơi Thở.
- 2/ Định Vô Lậu.
- 3/ Định Chánh Niệm Tỉnh Giác.
- 4/ Định Sáng Suốt.
- 5/ Tác ý đẩy lùi các chương ngại pháp trên Tứ Niệm Xứ.
- 6/ Tu Tập Thân Hành Niệm.

Trên đây là những pháp môn cần phải siêng năng tu tập từng giây, từng phút, từng giờ không được phí bỏ những giây phút nào cả. Có tinh cần tu tập như vậy thì chúng ta mới “*CHẾ NGỰ*” mới “*ĐOẠN TẬN*” được lòng ham muốn, mọi ác pháp, mọi khổ đau của kiếp làm người.

Lời dạy thứ ba trên đây, rất là quan trọng cho việc chế ngự và đoạn tận tâm dục và các ác pháp. Có chuyên cần tu tập các pháp môn trên đây thì mới đủ năng lực chế ngự và đoạn tận tâm dục và các ác pháp. Nó lưu xuất từ trong thân tâm, do các pháp ác bên ngoài tác dụng vào. Nhờ năng lực tu tập của các pháp môn trên chúng ta mới có đủ khả năng đẩy lùi các chương ngại pháp, thì thân tâm chúng ta mới an trú được. Nếu không tu tập các pháp trên đây thì chẳng bao giờ chế ngự và đoạn tận các chương ngại pháp được.

Cho nên sự tinh cần tu tập các pháp môn là điều quan trọng để tạo ra năng lực buông xả rất mạnh và nhanh chóng. Muốn tu tập đạt được kết quả tốt như vậy thì cần phải siêng năng tu tập không được biếng trễ. Tu tập các pháp giống như hằng ngày ta ăn cơm và uống nước vậy.

Bài học thứ tư: *TINH CẦN HỘ TRÌ*. Vậy tinh cần hộ trì như thế nào?

Trong thân chúng ta có sáu căn:

- Mắt
- Tai
- Mũi
- Miệng
- Thân
- Ý

Sáu chỗ này là sáu cửa ra vào của sáu trần, nếu người tu hành không cảnh giác cẩn thận thì giặc sanh tử sẽ lén vào và làm cho tâm bất an. Vì thế Phật dạy: *“Phải siêng năng luôn luôn hộ trì các căn”*.

Vậy, chúng ta giữ gìn cửa nào trước trong sáu cửa này?

Mắt: Là cửa thành thứ nhất mà chúng ta phải giữ gìn trước nhất, vì sắc tướng của sáu trần lúc nào cũng có, nên nó sẽ theo cửa mắt mà vào thành. Mắt được xem là cửa ải Tam quan. Cửa ải Tam quan là cửa địa đầu của đất nước, nếu một khi cửa ải này mất thì đất nước bị lung lay. Cũng vậy nếu mắt bị sắc xâm chiếm thì thân tâm bị dao động.

Cho nên luôn phải giữ gìn mắt. Vậy giữ gìn mắt như thế nào?

Muốn giữ gìn mắt tức là phòng hộ mắt thì phải chấp nhận sống độc cư, không tiếp duyên ra ngoài. Lúc ở trong thất cũng như lúc đi ra ngoài luôn luôn phải hướng tâm nhắc

mắt phải nhìn vào trong thân; phải thấy bước chân đi, khi đi đứng; phải thấy hơi thở ra hơi thở vào, khi ngồi. Nếu hộ trì mắt được như vậy thì mắt không dính sắc trần thì mắt thanh tịnh, còn không phòng hộ được như vậy thì mắt dính sắc, mắt dính sắc thì tâm phóng dật, tâm phóng dật thì phá hạnh độc cư, phá hạnh độc cư, thì tâm có tính cần tu tập pháp gì thì cũng không kết quả, tâm tu tập không kết quả thì không có năng lực, không có năng lực thì không đoạn tận dục và ác pháp, không đoạn tận dục và ác pháp thì không còn cách nào chế ngự được tâm. Và như vậy thì thân tâm của chúng ta sẽ chẳng bao giờ thoát khổ.

Tóm lại, giữ gìn mắt rất cần thiết cho sự tu tập bốn điều tinh cần ở trên mà một người quyết tâm tu tập làm chủ sanh, già, bệnh, chết thì không thể thiếu được. Trong bốn điều tinh cần, điều nào cũng cần thiết, cũng cần phải siêng năng tu tập. Nhưng phải thấy điều thứ tư là quan trọng bậc nhất, đó là hộ trì các căn. Mà hộ trì căn mắt là một điều quan trọng hơn các căn khác, như những người lính giữ cửa ải quan.

Tai: Là căn thứ hai cũng không kém quan trọng. Phòng hộ tai phải như thế nào?

Phòng hộ tai khi ở trong thất cũng như lúc đi ra ngoài, phải tác ý nhắc tai phải nghe vào tiếng chân bước đi, khi đi; tiếng hơi thở ra, tiếng hơi thở vô, khi ngồi. Có phòng hộ tai như vậy tai mới không dính mắc thanh trần, tai không dính mắc thanh trần thì tai thanh tịnh, tai thanh tịnh thì tâm thanh tịnh. Tai thanh tịnh thì tu các pháp mới có năng lực, có năng lực thì mới đoạn tận, mới chế ngự dục và ác pháp. Nhờ đó con đường tu tập mới làm chủ sanh, già, bệnh, chết.

Mũi: Là căn thứ ba là mũi, vậy phòng hộ mũi như thế nào?

Mùi thường hay ngửi mùi, tức là hương trần.

Hương trần gồm có:

Mùi thơm

Mùi thối

Mùi ngửi mùi thơm sanh ra ưa thích, gặp mùi thối thì không ưa thích.

Nghe mùi thơm của thực phẩm thì con người sanh ra dục muốn ăn. Nghe mùi thối của phân, phần thì con người bịt mũi đi tránh không ưa.

Con người đem dâng cúng thực phẩm cho Phật khi Phật tịch là sai, vì thực phẩm của con người ăn là bất tịnh chỉ nuôi thân tứ đại bất tịnh. Cho nên chư Phật nghe mùi thực phẩm của con người ăn là hôi thối.

Chim ó. Chim kên kên và loài chó nghe mùi thịt thối thì cho là thơm, ưa thích. Còn con người cho là thối, không ưa thích.

Tính chất của hương trần, loài này cho là thơm, nhưng loài khác cho là thối. Còn cách tu như thế nào đối trị với hương trần?

Đối trị với hương trần mùi thơm cũng như mùi thối, luôn luôn lúc nào cũng phải phòng hộ mũi. Phòng hộ mũi bằng cách tác ý hướng dẫn mũi ngửi vào trong thân, thân hành nội (hơi thở) và thân hành ngoại (kinh hành). Thơm cũng không khởi dục tham đắm, thối cũng không trốn chạy, chỉ có duy nhất siêng năng cần mẫn liên tục tác ý dẫn mũi ngửi vào trong thân cũng giống như dẫn tai và mắt vậy.

Có dẫn tai, mắt, mũi như vậy thì mới tu tập nhiếp phục tâm mình được và tâm mới an trú được trong thân hành tức là tâm định trên thân. Nhờ sống hộ trì mắt, tai, mũi

được như vậy, nên tâm tu tập mới có đầy đủ năng lực để chế ngự, đoạn tận dục và ác pháp, v.v...

Tinh cần hộ trì mắt, tai, mũi như vậy chưa đủ mà còn phải tiếp tục hộ trì các căn khác nữa như: miệng, thân và ý.

Miệng: Là căn thứ tư vậy hộ trì miệng như thế nào?

Hộ trì miệng có hai phần:

- 1- Hộ trì miệng về ăn, uống.
- 2- Hộ trì miệng về nói.

- Hộ trì miệng về ăn uống thì không được ăn uống phi thời, ăn uống phải có tiết độ, phải đúng giờ giấc, ăn uống không được ham thích ăn ngon, ăn uống phải biết quán thực phẩm bất tịnh để sanh tâm nhàm chán. Ăn uống phải sáng suốt, tư duy: “Ăn để sống chứ không phải sống để ăn”. Ăn để sống, sống để tu hành, để thân tâm lúc nào cũng thanh thản, an lạc và vô sự. Ăn để sống, sống để hộ trì các căn không cho dục và các ác pháp tác động sai khiến hoặc xâm chiếm, làm khổ mình làm khổ người và tất cả chúng sanh. Ăn để sống, sống để làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi tái sanh, chứ không phải ăn để sống, sống chạy theo dục lạc, để chấp nhận đời sống phải chịu nhiều khổ đau. Ăn để sống, sống để làm chủ thân tâm, khiến cho thân tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ, chứ không phải để tranh luận hơn thua, để tranh đua về ăn uống, để tranh chấp về danh, lợi hơn thiệt ở đời. Ăn để sống, sống để biết thương yêu mọi người, để giúp đỡ mọi người bất hạnh trong xã hội, để an ủi, chia sẻ những nỗi thương đau, những nỗi mất mát mà con người đang, sẽ phải chịu. Ăn để sống, sống để thấy trách nhiệm bốn phận đạo đức làm người không nên làm khổ mình khổ người, chứ không phải ăn để sống, sống để vì sự sống của mình mà chà đạp lên sự sống của bao nhiêu

người khác và loài vật khác... Đó là cách hộ trì miệng về ăn uống, mỗi khi ăn uống chúng ta đều phải nhớ những lời dạy này.

- Hộ trì miệng về lời nói, không được nói những lời thiếu chân thật, xin đọc lại Thánh đức chân thật trong Mười Giới Thánh Đức Sa Di.

- Hộ trì miệng về lời nói thì không được nói lời hung dữ; không được chửi mắng, nạt nộ, hăm dọa người khác; không được la lớn tiếng, không được chửi thề nói lời tục tũ, không được xưng hô mày, tao, nó hắn, y...

- Hộ trì miệng về lời nói thì không được nói thêm bớt, nói xấu người khác, không được vu khống, vu oan giá họa, không được nói lật lọng...

- Hộ trì miệng về lời nói thì không được nói móc lờ, nói mỉa mai người khác, nói giễu cợt, nói châm chọc...

Tóm lại, hộ trì miệng là giữ gìn lời nói không làm khổ mình khổ người, luôn nói lời êm dịu, nhẹ nhàng, ôn tồn, nhã nhặn, đầy lòng từ ái, ôn hòa, tha thứ, thân thương và yêu mến. Lời nói luôn đem đến mình vui người khác vui.

Người ta còn bảo miệng là “Khẩu Nghiệp” Khẩu nghiệp có hai phần:

1- Khẩu nghiệp về ăn: Miệng ăn uống không tiết độ, không đúng cách nên khiến cho thân thọ lấy những khổ đau, bệnh tật, nghiện ngập, tu hành không ly dục ly ác pháp được.

2- Khẩu nghiệp về nói: Miệng nói ra phải cẩn thận, nếu không cẩn thận sẽ mang nghiệp vào thân khiến thân tâm phải phiền não khổ đau, hối hận.

Tóm lại, hộ trì miệng là điều cần thiết nhất trong cuộc sống tu hành, nên Phật dạy phải độc cư sống trầm lặng một mình như con tê ngưu một sừng.

Tinh cần hộ trì mắt, tai, mũi, miệng như vậy chưa đủ mà còn phải tiếp tục hộ trì các căn khác nữa là thân và ý.

Muốn phòng hộ trì thân, phải hộ trì như thế nào?

- Hộ trì thân có hai phần:

Hộ trì các hành động của thân.

Hộ trì thân là không cho các ác pháp xâm chiếm vào thân.

a) Hộ trì các hành động của thân gồm có:

- Không cho thân làm những điều ác.
- Ý thức phải điều khiển thân hành.
- Mỗi thân hành phải được ý thức kiểm duyệt.

b) Hộ trì thân là không cho các ác pháp xâm chiếm vào thân gồm có:

- Ngừa bệnh hơn trị bệnh, nghĩa là phải ngăn ngừa ruồi, muỗi, sâu độc, rắn, rết, bò cạp, thú dữ, v.v... không cho xâm chiếm vào thân, luôn luôn giữ gìn thân được an lạc bằng vệ sinh, bằng ăn uống tiết độ, bằng nuôi dưỡng thiện pháp, không đem vào thân những ác pháp, phải nuôi thân bằng chánh mạng.

- Đẩy lùi các bệnh tật trên thân. Làm chủ bệnh tật là điều hạnh phúc thứ nhất trong cuộc sống thế gian.

- Tìm mọi cách giúp cho thân được an trú, thanh tịnh và vô sự, theo pháp môn Định Niệm Hơi Thở.

- Bằng phương pháp Tứ Niệm Xứ giúp cho thân sung mãn dồi dào sức lực.

- Bằng phương pháp Thân Hành Niệm giúp cho thân tâm sanh bảy Giác Chi.

Nếu trong cuộc sống tu hành theo Phật Giáo để tìm cầu sự giải thoát làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi thì phải luôn luôn hộ trì thân hành, không thể nào thiếu sự hộ trì này mà chứng đạo được.

Tinh cần hộ trì mắt, tai, mũi, miệng, thân như vậy chưa đủ mà còn phải tiếp tục hộ trì căn khác nữa là ý căn.

Muốn hộ trì ý căn phải như thế nào?

- Hộ trì ý căn có ba phần:

Sử dụng tri kiến

Sử dụng pháp hướng tâm như lý tác ý.

Sử dụng giới luật.

- Sử dụng tri kiến, khi nào có một niệm khởi trong tâm hay một pháp bên ngoài tác động vào tâm thì phải tư duy suy nghĩ cho tường tận niệm ấy, để đẩy lui khiến cho tâm trở nên thanh thản, an lạc và vô sự. Sử dụng tri kiến tức là tu tập Định Vô Lậu. Càng tu tập Định Vô Lậu thì tri kiến càng sắc bén. Tri kiến sắc bén giống như một thanh gươmthur hùng kiếm của một dũng sĩ lâm trận.

- Thường xuyên tác ý để tâm ly dục ly ác pháp; thường xuyên tác ý để tâm có một nội lực mạnh mẽ giúp cho ý thức đẩy lui các chương ngại pháp trên thân một cách dễ dàng. Đó là cách thức tu tập tạo thành ý thức lực, nhờ ý thức lực mà chúng ta làm chủ sanh, già, bệnh, chết...

- Sử dụng giới luật, vì giới luật là thiện pháp, là đạo đức làm người, làm Thánh. Cho nên lấy giới luật làm tiêu chuẩn để ý thức nhắm vào tư duy quan sát các pháp đang trùng trùng duyên khởi. Do đó chúng ta không bị lầm lạc, lẫn lộn pháp thiện ra pháp ác, pháp ác ra pháp thiện. Biết

sử dụng giới luật đúng pháp thì chúng ta tu tập Tứ Chánh Cần mới có hiệu quả: “Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp”.

Tóm lại, trên đường tu tập theo giáo pháp của Phật Giáo thì chúng ta phải theo lời khuyên này. Hằng ngày phải siêng năng tu tập bốn loại tinh cần, đừng cố chấp tuân tữ theo pháp mà phải biết khéo léo thiện xảo và linh động tùy theo mỗi trạng thái tâm của chúng ta mà tu tập. Có tu tập như vậy thì mới có ích lợi thật sự.

Ví dụ: Trong lúc chúng ta đang tinh cần tu tập Chánh Niệm Tỉnh Giác thì bỗng có tiếng kêu la cầu cứu. Tức thì chúng ta tinh cần tu tập hộ trì nhĩ căn.

Ví dụ trên đây để chúng ta nhận xét sự linh động thiện xảo từng giây, từng phút trong sự tu tập. Đừng có cố chấp khư khư theo giáo điều thì sai lệch mất.

Cho nên bốn tinh cần này là gồm đủ các pháp tu tập trong Phật Giáo. Cuối cùng chúng tôi không biết nói gì hơn để trao lại những kinh nghiệm và tâm sự cùng các bạn thiết tha tu hành thân mến. Ước mong sao quý bạn sẽ thành tựu viên mãn con đường giải thoát của Phật Giáo để đền đáp ơn Phật trong muôn một.

NGƯỜI HỌC PHẬT PHẢI CÓ CHÁNH KIẾN & LUÔN NHÌN ĐỜI BẰNG ĐÔI MẮT NHÂN QUẢ - DUYÊN SINH

Hỏi: *Một người học Phật phải nhìn cuộc đời như thế nào để không bị đắm chìm, lôi cuốn theo những lạc thú tầm thường của thế gian, nhưng cũng không bị người đời lên án là tiêu cực, vô cảm, lãnh đạm, v.v...*

Đáp: Một người học Phật phải nhìn đời bằng đôi mắt nhân quả - duyên sinh nên không tiêu cực, vô cảm, lãnh đạm.

Người học Phật phải có tri kiến nhân quả, tri kiến Thập Nhị Nhân Duyên, tri kiến kiết sử, tri kiến ngũ uẩn, tri kiến ngũ triền cái, tri kiến về các pháp bất tịnh, tri kiến các pháp vô thường khổ không vô ngã, tri kiến về lòng từ bi hỷ xả, v.v...

Nếu có những tri kiến như vậy thì người này sẽ không bị đắm chìm, lôi cuốn theo những lạc thú tầm thường của thế gian. Muốn có những tri kiến này thì người học Phật nên nghiên cứu kinh sách Nguyên Thủy, vì trong đó dạy rất đầy đủ và dễ hiểu. Không nên nghiên cứu kinh sách Đại Thừa vì kinh sách này sẽ gieo vào đầu óc của các bạn một thế giới ảo tưởng, mơ hồ, trừu tượng. Một khi các bạn đã chịu ảnh hưởng của nó thì các bạn giống như người nghiện thuốc phiện. Muốn bỏ mà rất khó bỏ.

Người cư sĩ hiểu sao về Phật giáo có tiêu cực, vô cảm, lãnh đạm?

Về Phật giáo là phải có một tinh thần tích cực, tự lực trong sự tu tập các pháp môn; phải tích cực, tự lực chiến đấu với nội tâm của mình khi có ác pháp xâm chiếm để đem lại sự thanh bình cho tâm hồn; phải tích cực chiến đấu với ngoại pháp để đem lại cho mọi người một sự an ổn, một xã hội có trật tự. Về Phật giáo có hai giới tu tập:

1/ Cư sĩ

2/ Tu sĩ

Cư sĩ thì phải tu theo pháp của người cư sĩ. Pháp của người cư sĩ tu tập là một nền đạo đức nhân bản - nhân quả không làm khổ mình khổ người thì làm sao có sự tiêu cực, vô cảm, lãnh đạm... được. Nếu tiêu cực, vô cảm, lãnh đạm

là làm khổ mình khổ người thì đâu có đúng chánh pháp. Có lẽ Cư sĩ đã hiểu sai pháp Phật, không hiểu về pháp tu tập của người Tu sĩ.

Người Cư sĩ chỉ có sống những ngày Thọ Bát Quan Trai là như người Tu sĩ mà thôi. Một tháng chỉ sống có mấy ngày thì đâu thể nào gọi là tiêu cực, vô cảm, lãnh đạm được.

Phật dạy chúng ta biết ác pháp và thiện pháp, ác pháp thì nên tránh và diệt để đem lại cho mình cho người hạnh phúc an vui chứ đâu phải lãnh đạm, vô cảm. Ví dụ: Trong bữa tiệc mọi người ép chúng ta uống rượu, chúng ta từ chối không tùy thuận theo các ác pháp này thì bảo rằng chúng ta lãnh đạm thì không đúng. Chúng ta cương quyết làm được điều này là làm gương tốt đẹp cho người khác, để mọi người tránh thứ độc dược hại này. Cho nên Đạo Phật không phải là đạo yếm thế, tiêu cực, lãnh đạm, vô cảm, v.v... Người hiểu đạo Phật yếm thế, lãnh đạm, vô cảm... là người hiểu sai đạo Phật.

Ví dụ: Tình nghĩa vợ chồng là phải chia sẻ nhau những nỗi buồn vui, thế mà xa lánh nhau, lạc lõng, lãnh đạm thì Đức Phật đâu có dạy bao giờ, mà Đức Phật dạy không nên tà dâm, vì tà dâm là làm hại gia đình mất hạnh phúc, tà dâm, dâm dục không tiết độ sẽ đem đến thân bệnh tật, mà thân mang đau bệnh thì sự an vui hạnh phúc gia đình mất.

Đạo Phật nói đời khổ là để vượt qua mọi sự đau khổ đó, chứ không có nghĩa là trốn tránh khổ, nói cách khác là để làm cho đời hết khổ. Làm cho đời hết khổ là phải tích cực hết mình. Vì thế mà đạo đức của đạo Phật là đạo đức không làm khổ mình khổ người. (Trích ở Giáo án tu tập).

ĐỨC PHẬT XÁC ĐỊNH THẾ GIỚI CỦA CON NGƯỜI

LỜI PHẬT DẠY

“Thế giới con người đang thấy và biết là thế giới chấp thủ của điên đảo tâm, điên đảo tướng, điên đảo tình và điên đảo kiến phát sanh do vô minh”.

CHÚ GIẢI:

Lời dạy trên đây của Đức Phật là chỉ thẳng để chúng ta đừng lầm chấp cái thế giới chúng ta đang sống.

Thế giới chúng ta đang sống là thế giới duyên hợp, nó chẳng có cái gì thật cả, nhưng chúng ta không hiểu biết rõ ràng nên chấp chặt cho nó là có thật ngã, vật nào cũng có thật. Do thấy biết vật nào cũng thật, vì thế mỗi khi chúng ta mất mát một vật gì thì lòng chúng ta buồn khổ da diết.

Ví dụ: Như mất của cải tài sản, cha mẹ chết, con cái mất, v.v... thì khổ sở vô cùng, gần như muốn chết.

Do thấy biết vật nào cũng như thật, nên cố gắng làm và tạo ra cho nhiều vật chất, v.v... Vì thế suốt cuộc đời đành phải chịu nhọc nhằn và đành phải làm những điều gian ác, trộm cắp, cờ bạc gian lận, hối lộ ăn đút lót, giết người cướp của. Những hành động đó, vốn cũng chỉ để mong sao tạo ra vật chất càng nhiều càng tốt.

Sự hiểu biết sai lệch như vậy, nên mới đem hết sức lực của mình ra để làm cho nhiều của cải và tài sản, tuy bằng công sức của mình, không phải cướp giật của ai, nhưng có cái tội là dày ải thân tâm chúng ta quá nhiều khổ nhọc v.v... Với tâm tham đắm vật chất như vậy mà người đời gọi là lòng tham không đáy. Do sự hiểu biết lầm lạc mà đã biến thành lòng tham không đáy ấy, nên Đức Phật chỉ thẳng cho loài người biết: *“Thế giới con người đang thấy,*

biết là thế giới của chấp thủ, của điên đảo tâm, điên đảo tướng, điên đảo tình, điên đảo kiến phát sanh do vô minh”.

Lời dạy này rất đúng. Từ tham muốn cái này, đến tham muốn cái khác, cái tham muốn này không bao giờ dừng. Nên vì thế khổ đau cũng không bao giờ dừng.

Đức Phật muốn cho đệ tử của Người đừng lòng tham muốn ấy, nên Ngài mới dạy giới luật đức hạnh làm người làm Thánh. Giới không cất giữ tiền bạc, ngọc ngà, châu báu v.v... cũng là một đức hạnh ly tham. Vì còn cất giữ tiền bạc là còn chấp thủ, cho nên các nhà sư Đại Thừa hiện giờ còn cất giữ tiền bạc là còn chấp thủ, còn chấp thủ thì tâm điên đảo, tâm điên đảo là tâm không sáng suốt, tâm không sáng suốt nên không thấy thế giới của loài người là thế giới tướng tri, do các duyên hợp lại tạo thành, chứ thật ra không có vật gì là thật có. Các nhà Đại Thừa tuy luận nói như vậy mà lối sống không đúng vậy. Cho nên tâm điên đảo thấy biết các pháp là thật có. Vì vậy mới xây dựng chùa to Phật lớn, làm đẹp cảnh quang.

Qua lời dạy của Đức Phật trên đây chúng ta thấy rõ các nhà Đại Thừa điên đảo tâm, chấp thủ dính mắc vật chất thế gian quá si mê. Các Ngài cho rằng xây cất chùa to Phật lớn, đúc chuông, tạc tượng v.v... là có phước vô lượng, là xây dựng Phật Giáo, là làm cho Phật Giáo hưng thịnh. Cái nghĩ tưởng có phước vô lượng, làm cho Phật Giáo hưng thịnh, thì đó là chấp thủ thế giới hữu hình. Còn chấp thủ thế giới hữu hình là còn lo tạo dựng, còn tạo dựng thì đó không đúng như lời Phật dạy: *“Thế giới con người đang thấy và biết là thế giới của chấp thủ của điên đảo tâm, điên đảo tướng, điên đảo tình và điên đảo kiến...”*. Như vậy những người lo xây dựng chùa to Phật lớn, đúc chuông, tạc tượng v.v... là những người chấp thủ của điên đảo tâm, điên đảo tướng, điên đảo tình và điên đảo kiến.

Cái thế giới tưởng tri do các duyên hợp lại mà thành, đâu có vật gì là thật, thế mà vì tâm chấp thủ nên ngu si vô minh mới lo xây dựng làm hao tổn biết bao nhiêu của cải công lao của đàn na thí chủ.

Người tu sĩ chân chánh của Phật Giáo thấy thế giới này là thế giới không thật, mọi vật đều vô thường, vô ngã, nên họ quyết từ bỏ và xa lìa, không để tâm dính mắc một vật gì của thế giới này. Vì thế họ chấp nhận một đời sống ba y một bát, đi xin ăn, lấy gốc cây làm giường nằm.

Cho nên những người chấp nhận đời sống ba y một bát, đi xin ăn là những người thấy biết thế giới này thật sự là các duyên hợp như mộng, như huyễn nên họ không chấp thủ, không chấp thủ nên tâm hồn họ trắng bạch như vỏ ốc, phóng khoáng như hư không. Họ không có chùa to Phật lớn, không có vật chất thế gian nhiều. Vì thế họ không có điên đảo tâm, điên đảo tưởng, điên đảo tình và điên đảo kiến. Ngược lại là những người đang sống trong điên đảo, thật đáng thương vậy.

ĐỨC PHẬT DẠY TU TẬP BA PHÁP MÔN ĐOẠN TẬN LẬU HOẶC

LỜI PHẬT DẠY

- “1- Hộ trì các căn*
- 2- Tiết độ ăn uống*
- 3- Chú tâm tỉnh giác”.*

CHÚ GIẢI:

Muốn đoạn tận các lậu hoặc thì Đức Phật đã dạy cho chúng ta có ba điều quan trọng cần thiết phải tu tập hằng ngày để đoạn trừ cho được lậu hoặc, đó là:

*Hộ trì các căn
Tiết độ ăn uống
Chú tâm tỉnh giác.*

- **Điều thứ nhất:** *Hộ trì các căn* tức là pháp môn độc cư mà trong bài tinh cần hộ trì chúng tôi đã giảng ở trên. Bởi vì hộ trì các căn là một sự tối cần thiết cho việc tu tập đoạn trừ lậu hoặc. Nếu quý vị không giữ gìn trọn vẹn hạnh độc cư thì chẳng bao giờ hết lậu hoặc. Hạnh độc cư quan trọng đến mức độ nào trong sự tu tập vô lậu mà Đức Phật ví dụ: Người giữ gìn hạnh độc cư như con tê ngưu một sừng thì quý bạn nên lưu ý, nó quan trọng đến mức độ nào trong con đường tu tập giải thoát của các bạn. Hộ trì các căn thuộc về pháp môn tinh cần hộ trì, nó là một trong bốn pháp tinh cần của Đạo Phật mà Đức Phật đã khéo nhắc nhở chúng ta phải siêng năng hộ trì các căn. Một lần nữa khi Đức Phật dạy đến cách thức đoạn tận lậu hoặc thì pháp môn hộ trì các căn lại đứng hàng đầu, làm tướng tiên phong xung trận đoạn tận lậu hoặc. Như vậy, hộ trì các căn các bạn phải biết nó là một pháp môn có tầm cỡ rất quan trọng trong vấn đề tu tập theo Đạo Phật. Vì vậy, chúng tôi đã nhắc đi nhắc lại với các bạn rất nhiều lần, nhưng các bạn không tin lời chúng tôi, do đó chúng tôi xác định rằng các bạn tu hành sẽ không đi đến đâu cả chỉ loanh quanh trong các trạng thái tướng của tướng ám.

- **Điều thứ hai:** *Tiết độ ăn uống* là pháp đoạn tận lậu hoặc của Phật Giáo.

Như các bạn đã biết trong giới bốn Thập Giới Sa Di Đức Phật cấm không cho Thầy Sa Di ăn uống phi thời, ngày chỉ một bữa, đó cũng là phương cách sống tiết độ ăn uống để đạt được mục đích đoạn tận lậu hoặc. Vả lại trong Mười Giới Thánh Đức Sa Di thì tiết độ ăn uống là một Thánh Đức Ly Dục mà người Tu sĩ Đề tử của Phật muốn

trở thành một vị Thánh Tăng, Thánh Ni thì không thể nào sống phi Thánh Đức này được. Nó là pháp môn ly dục, ly ác pháp tuyệt vời.

Vì thế nó là một phương pháp đoạn tận lậu hoặc trong ba phương pháp mà Đức Phật đã dạy cho chúng ta ở trên. Bởi vậy chúng ta phải hiểu trong vấn đề ăn uống. Ăn uống không đúng cách (phi thời) rất ảnh hưởng đến sự tu tập ly dục ly ác pháp của Đạo Phật, nói một cách khác cho dễ hiểu, ăn uống phi thời không bao giờ nhập được chánh định (Tứ Thánh Định) chỉ nhập vào các loại định tướng, tà định của tà đạo.

Cho nên một người ăn uống phi thời thì không bao giờ đoạn tận lậu hoặc được. Đó là một điều hiển nhiên không ai chối cãi được. Phải không các bạn?

Chúng tôi nhờ không ăn uống phi thời, nên tâm mới ly dục ly ác pháp, nhờ đó chúng tôi mới hoàn tất được con đường tu tập của mình. Ngày nay chúng tôi mới thở được một hơi thở nhẹ nhàng, khi đứng trước giặc sanh tử luân hồi.

- Điều thứ ba: *Chú tâm tỉnh giác* là pháp đoạn tận lậu hoặc của Phật Giáo.

Các bạn có lưu ý điều này không? Từ khi bắt đầu theo tu học với Phật Giáo, lúc tập đi kinh hành cũng như khi tập luyện 18 đề mục hơi thở, nói chung là các pháp của Đức Phật, lúc nào Đức Phật dạy chúng ta tu tập, cũng đều dạy chú tâm vào thân hành để đạt được sức tỉnh giác. Không ngờ sự chú tâm tỉnh giác ấy lại là một pháp môn đoạn tận lậu hoặc rất tuyệt vời. Càng tu tập tỉnh thức thì càng xả tâm dễ dàng, càng tu tập tỉnh thức thì tâm càng định tĩnh trên thân hành và nhờ đó mà bảy Giác Chi xuất hiện. bảy Giác Chi là bảy năng lực, chứ không phải là bảy Giác Chi

suông, khi chúng xuất hiện giúp cho chúng ta nhập định dễ dàng, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có tổn công sức nhiều.

Tóm lại, bài dạy thứ nhất của Đức Phật trên đây, chúng tôi trích dẫn và chú giải với mục đích làm sáng tỏ và cũng để chấn chỉnh lại Phật Giáo, để mọi người biết rõ giáo lý của Đạo Phật và giáo lý của ngoại đạo đều không giống nhau. Giáo pháp của Phật có ba pháp môn vô lậu, đó là Giới, Định, Tuệ còn gọi là “*Tam Vô Lậu Học*” mà ngoại đạo thì không bao giờ có. Nếu ai sống và tu tập đúng pháp môn này thì nhận ra sự vô lậu ngay liền ở tâm mình.

TAM VÔ LẬU HỌC: GIỚI, ĐỊNH, TUỆ, pháp môn mà Đức Phật tu tập đã thành chánh quả. Do đó Ngài muốn khuyến khích chúng ta ở đời sau nên dạy: “*Với pháp này Ta đã chân chánh giác ngộ, Ta hãy cung kính, đánh lễ và sống y chỉ pháp ấy*”. Để chúng ta có thêm một lòng tin sâu sắc, không bị tà giáo lừa đảo hay còn mang một ý nghĩa lừng chừng bán tín bán nghi Phật pháp. Đó là bài dạy thứ nhất.

Còn bài dạy thứ hai tóm lại, Ngài xác định cho chúng ta biết cái thế giới của chúng ta đang sống là cái thế giới chấp thủ của tâm điên đảo, của tướng điên đảo, của tình điên đảo và của kiến điên đảo, để chúng ta biết như thật, đừng có đắm đuối, ham mê, ưa thích cái thế giới không thật đó. Vì tất cả mọi vật trong thế giới này là do duyên hợp mà thành, chứ không có thật. Vậy, chúng ta hãy đi tìm cái chân thật, cái chân thật chỉ cần tu tập đúng lời dạy của Đức Phật, *khi tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ thì nó đang ở trước mắt chúng ta*, đó là cái vĩnh cửu muôn đời, cái đó hoàn toàn không do duyên hợp mà thành, mà phải do công phu tu tập mới có. Thật sự nó không phải có sẵn. Xin các bạn đừng hiểu lầm cái “*Phật tánh*” có sẵn

như Thiền Tông và kinh sách Đại Thừa dạy. Đó là cái “Phật Tánh Tướng”.

Thân ngũ uẩn là do năm duyên hợp lại mà thành thân con người, nên trong đó không có một vật gì thường hằng vĩnh viễn. Khi thân ngũ uẩn tan rã thì năm duyên cũng tan rã không còn một duyên nào cả. Đức Phật dạy: “*Nếu thân ngũ uẩn này còn có một vật gì thường hằng thì Đạo Ta không ra đời*”. Đó là bài dạy thứ hai.

Và bài dạy thứ ba tóm lại, có bốn tinh cần người tu hành cần phải siêng năng tu tập.

- Trước tiên, người tu theo Đạo Phật hằng ngày phải siêng năng chế ngự tâm mình (Tinh cần chế ngự). Xin các bạn nên hiểu chế ngự khác nghĩa với ức chế, nếu các bạn không hiểu nghĩa này là các bạn sẽ tu sai pháp, chế ngự thân tâm sẽ trở thành ức chế thân tâm. Do không hiểu nghĩa này nên các nhà sư của nhiều hệ phái đã biến Đại Thừa, các thiền sư Đông Độ và các sư Nam Tông theo pháp tu chế ngự tâm trở thành pháp tu ức chế tâm khiến sự tu hành chẳng đi đến đâu mà còn thành “*bệnh tướng*”.

- Pháp thứ hai là phải siêng năng bất cứ lúc nào gặp ác pháp là phải đoạn tận. Xin các bạn đừng hiểu lầm ác pháp là vọng niệm của mình.

Ác pháp có hai phần:

Ác pháp thuộc về thân

Ác pháp thuộc về tâm

+ Ác pháp thuộc về thân là thân bị bệnh đau nhức chỗ này chỗ khác.

+ Ác pháp về tâm, khi có một tâm khởi lên, tâm ấy thuộc về tham, sân, si có nghĩa là tham ăn, tham ngủ và phiền não, giận hờn, buồn rầu, lo sợ, đó là hại tâm.

Khi có thân bệnh hoặc có những hại tâm như trên thì phải tỉnh cần siêng năng đoạn tận nó không được để trong thân tâm chúng ta, phải bằng mọi cách đoạn tận nó không được để từ giờ này sang giờ khác.

- Pháp thứ ba là pháp phải siêng năng tỉnh cần tu tập 37 pháp môn trợ đạo. Tu tập phải kỹ lưỡng, phải từng giây, từng phút, từng giờ, từng ngày, không lúc nào quên tu tập. Tu tập các pháp môn này chỉ có nương vào hành động nội và ngoại của thân chúng ta.

- Pháp thứ tư là phải siêng năng tỉnh cần hộ trì các căn từng phút từng giây không được biếng trễ. Đó là pháp độc cư một bí quyết tu tập để thành tựu thiền định hay nói cách khác là nhập các định và thực hiện Tam Minh.

Trên đây là bốn điều cần phải siêng năng tu tập hằng ngày thì con đường sanh tử luân hồi của bạn sẽ chấm dứt.

Bài pháp cuối cùng trong tập sách này là đoạn tận lậu hoặc. Đoạn tận lậu hoặc như các bạn đã từng tu tập qua sự hướng dẫn của Thầy.

Đoạn tận lậu hoặc gồm có ba phần:

- Phần thứ nhất, *Hộ trì các căn* các bạn đều biết pháp tu này, mà không ai còn xa lạ nó. Phải không các bạn?

- Phần thứ hai, *Tiết độ trong ăn uống* phần này các bạn cũng thông suốt. Chính vì ăn uống phi thời mà các bạn chẳng bao giờ đoạn tận lậu hoặc được. Có đúng vậy không thưa các bạn?

- Phần thứ ba, *Chú tâm tỉnh thức* phần này các bạn đã tu tập quá nhiều, nhuần nhuyễn không thể nào không biết. Phải không hỡi các bạn?

Tất cả những pháp Đức Phật đã dạy trên đây các bạn đều thông suốt chỉ còn tu tập thì sự giải thoát sẽ đến với các bạn, không còn sợ lạc vào đường lối tu tập sai pháp của các Tổ và kinh sách phát triển Đại Thừa và Thiền Tông nữa.

BẢY CÁCH DIỆT LẬU HOẶC BẰNG PHÁP NHƯ LÝ TÁC Ý

LỜI PHẬT DẠY

“Này các Tỳ Kheo, do như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt.

Này các Tỳ Kheo:

- 1/ Có những lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ.*
- 2/ Có những lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ.*
- 3/ Có những lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ.*
- 4/ Có những lậu hoặc do kham nhẫn được đoạn trừ.*
- 5/ Có những lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ.*
- 6/ Có những lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn trừ.*
- 7/ Có những lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ.*

CHÚ GIẢI:

Trên đây là lời dạy của Đức Phật về pháp môn như lý tác ý. Pháp môn như lý tác ý dùng để tu tập tâm vô lậu.

Trong Đạo Phật, quả chứng cao nhất là tâm vô lậu. Tâm vô lậu tức là chứng quả A La Hán. Ở đây pháp này dạy chúng ta tu tập tâm vô lậu, tức là tu tập để hết khổ đau. Pháp môn của Phật rất thực tế và cụ thể như vậy. Thế mà, trong Phật Giáo lại có pháp môn khác không dạy tâm vô lậu mà dạy “Kiến Tánh Thành Phật”, khi kiến tánh thành Phật xong, nhưng tâm vẫn chưa hết lậu hoặc. Vậy, thành Phật mà còn lậu hoặc sao? Và như vậy, Phật nghĩa như thế nào? Là Giác ngộ ư! Giác ngộ Phật Tánh, giác ngộ thế giới này là huyền giả ư! Hiểu biết là một lẽ khác, còn

muốn sống được tâm bất động là một việc tu tập hết sức mình. Xin các bạn trả lời đi!? Đây là một sự hiểu sai lệch của tà đạo bằng sự tưởng tượng của họ. Phải không các bạn?

Đứng trước tình trạng Phật Giáo hiện nay Kinh sách Phật Giáo Nguyên Thủy đúng hay kinh sách Đại Thừa đúng? Muốn trả lời những điều này chính xác chỉ có những người tu tập tâm vô lậu. Vậy, Phật Giáo hiện giờ tu sĩ bên nào tâm vô lậu, làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi?

Giá trị của tu sĩ là chỗ tâm vô lậu. Người nào tâm vô lậu mới xác định Phật Giáo đúng, sai thì chúng ta mới đủ lòng tin. Phải không các bạn?

Phật Giáo tu tập vốn để đạt được tâm vô lậu, chứ đâu phải niệm Phật để cầu vãng sanh Cực Lạc Tây Phương. Thế mà, lại có pháp môn Tịnh Độ chuyên niệm Phật A Di Đà để đạt được nhất tâm (Thất nhật nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu A Di Đà). Nhưng khi đạt được nhất tâm thì một thế giới tướng hiện ra. Người niệm Phật tưởng đó là thế giới Cực Lạc có thật. Họ đâu biết rằng đó là một ảo giác do tướng uẩn hiện ra. Người ta tưởng rằng: Khi niệm Phật được nhất tâm thì lậu hoặc sẽ hết. Điều này rất sai, khó tin vì niệm Phật được nhất tâm là nén lậu hoặc chứ không phải diệt lậu hoặc. Vì thế tu như vậy làm sao hết lậu hoặc được. Phải không các bạn?

Xét lại kinh sách Nguyên Thủy, những bài pháp dạy chúng ta tu tập trực tiếp diệt lậu hoặc một cách cụ thể và rõ ràng. “Đó là pháp môn Như Lý Tác Ý” Xin các bạn lưu ý! Và pháp môn như lý tác ý mới chính là pháp môn của Phật Giáo. Các bạn phải sáng suốt, nhận định cho rõ ràng đừng để ngoại đạo lừa đảo các bạn bằng những tà kiến, tà thiên, tà định, tà niệm Phật, v.v...

Muốn đạt được tâm vô lậu thì chúng ta có bảy cách tu tập bằng pháp môn như lý tác ý sau đây:

- Phương cách thứ nhất, Đức Phật đã dạy: *“Có những lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ”*.

Như vậy pháp thứ nhất là phải dùng *“tri kiến”* để diệt trừ lậu hoặc. Vậy tri kiến là gì?

Tri kiến là sự hiểu biết bằng ý thức. Nhờ có ý thức, chúng ta mới dùng pháp Như Lý Tác Ý, nhờ pháp môn như lý tác ý mà lậu hoặc mới được đoạn diệt. Nhưng tri kiến có hai mặt:

- 1/ Tà tri kiến, tức là tri kiến ác**
- 2/ Chánh tri kiến, tức là tri kiến thiện**

Tri kiến thiện còn gọi là chánh tri kiến, nhờ tri kiến tác ý một thiện pháp để phá vỡ đi một ác pháp, phá vỡ một ác pháp tức là đoạn trừ một lậu hoặc.

Muốn có tri kiến thiện thì chúng ta phải thấy, nghe và gặp các bậc Thánh, các bậc Chơn nhân; phải thuần thực pháp của các bậc Thánh, của các bậc Chơn nhân; phải tu tập pháp của các bậc Thánh, của các bậc Chơn nhân mà trong kinh thường dạy: *“Này các Tỳ Kheo, ở đây có kẻ phàm phu ít nghe, không được thấy các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc Chơn nhân, không thuần thực pháp các bậc Chơn nhân...”*. Cho nên, phải tuệ tri các pháp cần phải tác ý và tuệ tri các pháp không cần phải tác ý. Vậy, các pháp cần phải tác ý là pháp gì? Các pháp không cần tác ý là pháp gì? Xin các bạn lưu ý kỹ ở điểm này mới biết áp dụng đúng pháp như lý tác ý.

Các pháp cần tác ý là: ly tham, ly sân, ly si; từ bỏ tâm tham, từ bỏ tâm sân, từ bỏ tâm si; đoạn diệt tâm tham, đoạn diệt tâm sân, đoạn diệt tâm si, v.v...

Các pháp không cần tác ý là ngũ triền cái: tham, sân, si, mạn, nghi; ngũ dục lạc: danh, lợi, sắc, thực, thù, v.v...

Ví dụ: Khi tâm tôi có sân tôi biết tâm tôi có sân. Và tôi biết rằng: sân là một ác pháp làm cho tâm tôi đau khổ. Cái biết được tâm sân và sự khổ đau là tri kiến tác ý. Nhưng muốn đoạn dứt được sự đau khổ ấy (lậu hoặc) thì tôi phải “*như lý*” giải thoát mà “*tác ý*” có nghĩa là tâm sân là khổ đau, tâm không sân là tâm không khổ đau. Vậy tôi phải tác ý như thế nào?

“Tâm như cục đất phải lìa xa tham, sân, si”. Đó là câu trạch pháp dùng tri kiến như lý tác ý để đoạn diệt lậu hoặc. *“Tâm sân là tâm đau khổ hãy lìa ra khỏi thân tâm ta”* hay *“Sân là lậu hoặc ta không chấp nhận người, người hãy lìa khỏi nơi đây”*. Đây là những câu chọn lựa đúng đặc tướng mỗi hành giả mà pháp Thất Giác Chi gọi là Trạch Pháp Giác Chi dùng tri kiến như lý tác ý để diệt trừ các lậu hoặc.

Chúng ta đọc lại đoạn kinh dưới đây sẽ thấy Đức Phật đã dạy rất rõ ràng và cụ thể về cách thức dùng tri kiến tác ý:

“Này các Tỳ Kheo, thế nào là lậu hoặc do tri kiến được đoạn trừ?”

“Này các Tỳ Kheo, ở đây có kẻ phàm phu ít nghe, không được thấy các bậc Thánh, không được thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc Chân nhơn, không tu tập pháp các bậc Chân nhơn, không được thuần thực pháp các bậc Chân nhơn, không tuệ tri các pháp cần phải tác ý, không tuệ tri các pháp không cần phải tác ý; vị này không tuệ tri các pháp

cần phải tác ý, vì không tuệ tri các pháp không cần phải tác ý nên tác ý các pháp không cần phải tác ý và không tác ý các pháp cần phải tác ý”.

“Này các Tỳ Kheo, và thế nào là các pháp không cần phải tác ý mà vị ấy tác ý?”

“Này các Tỳ Kheo, nghĩa là các pháp do vị ấy tác ý mà dục lậu chưa sanh được sanh khởi, hay dục lậu đã sanh được tăng trưởng; hay hữu lậu chưa sanh được sanh khởi, hay hữu lậu đã sanh được tăng trưởng, hay vô minh lậu chưa sanh được sanh khởi, hay vô minh lậu đã sanh được tăng trưởng. Những pháp ấy là những pháp không cần phải tác ý mà vị ấy tác ý”.

“Này các Tỳ Kheo, và thế nào là các pháp cần phải tác ý mà vị ấy không tác ý?”

“Này các Tỳ Kheo, nghĩa là các pháp do vị ấy tác ý mà dục lậu chưa sanh không sanh khởi, hay dục lậu đã sanh được trừ diệt; hay hữu lậu chưa sanh không sanh khởi, hay hữu lậu đã sanh được trừ diệt, hay vô minh lậu chưa sanh không sanh khởi, hay vô minh lậu đã sanh được trừ diệt. Những pháp ấy là những pháp cần phải tác ý mà vị ấy không tác ý... Này các Tỳ Kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ”.

Độc đoạn kinh trên đây, chắc các bạn sẽ rút ra được một pháp môn tu tập diệt lậu hoặc bằng tri kiến tác ý rất thực tế và cụ thể. Phải không các bạn?

Chúng tôi xin trích ra đoạn kinh này để các bạn tự nhận biết **thiền định của Phật là một loại thiền xả tâm chứ không phải loại thiền ức chế tâm** như các Tổ đã hiểu lầm, rồi kiến giải sai lệch ý Phật, khiến cho con đường Phật Giáo mất dấu. Và hiện nay các Tổ đã để lại một rừng kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông dẫn dắt tín đồ Phật Giáo

vào mê hồn trận của thiên định tướng. Hèn chi, càng tu thì danh lợi càng nhiều. Danh lợi càng nhiều thì chùa to Phật lớn càng phát triển và bản ngã càng to. Bản ngã càng to nên thường tranh luận hơn thua, chống trái nhau, v.v...

Thật là buồn cười, họ chỉ biết lý luận để đìm Phật Giáo chân chánh, nhưng không ngờ lại vạch lưng cho người khác xem vết sẹo của mình mà không biết xấu hổ.

Chúng ta cũng nên cảm thông với họ, vì Phật Giáo truyền thừa qua nhiều vị Tổ và đi qua nhiều nước trên hành tinh này thì chắc chắn phải có sự sai lệch. Có sự sai lệch thì chúng ta phải cùng nhau chung lưng đấu cật để chỉnh đốn sửa lại làm cho những gì của Phật Giáo đã bị ném bỏ được dựng lại cho đúng đắn và tốt đẹp hơn. Những gì sai làm ảnh hưởng xấu đến tinh thần của tín đồ, thì những người chịu trách nhiệm chính là quý Tăng Ni và quý Cư sĩ. Các bạn hãy dẹp bỏ cái gánh nặng của tư tưởng cho rằng cái gì của các Tổ cũng đều đúng hết.

Nguy hại nhất là các vị Tổ có chút ít tu tập, có khả năng viết và biên soạn những kinh sách để truyền thừa, nhưng vì sự tu tập chưa đến nơi đến chốn, chỉ sống bằng tưởng giải thì sự truyền thừa này dễ làm lệch con đường Phật Giáo. Các bạn thấy có đúng không? Chúng ta rất kính trọng thương mến các Tổ, nhưng không phải vì vậy mà những điều các Tổ làm sai lệnh Phật Giáo mà chúng ta phải nghe theo.

Do hiểu được tâm lý người sau, nên trước khi Đức Phật nhập Niết Bàn, Ngài di chúc lại cho các đệ tử sau này: *“Hãy lấy giới luật và giáo pháp Ta làm Thầy, làm chỗ nương tựa vững chắc... Giới luật còn là Phật pháp còn, Giới luật mất là Phật pháp mất”*. Bởi thế, khi thấy Tăng Ni và Cư sĩ sống phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới thì dù họ tu

pháp tối thượng nào, chúng ta cũng biết ngay là họ đang tu pháp môn của tà đạo. Phải không các bạn?

Thưa các bạn! Phật Giáo sai lệch, Phật Giáo đen tối là tín đồ Phật Giáo phải chịu thiệt thòi, phải chịu nhiều cay đắng, phí công sức, phí của cải vô ích. Có đúng như vậy không các bạn? Vậy, chúng ta là những Tu sĩ và Cư sĩ Phật Giáo biết rất rõ những sự sai trái này mà vẫn nhắm mắt nhìn tín đồ Phật Giáo tu hành lạc vào pháp mê tín, lạc hậu và sống trong những ảo tưởng, tưởng giải, trùu tượng mơ hồ của thế giới siêu hình, của Phật tánh ảo tưởng mà chúng ta đành lòng làm ngơ sao các bạn?

- Phương cách thứ hai, để tu tập tâm vô lậu bằng pháp Như Lý Tác ý, Đức Phật đã dạy: *“Có những lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ”*. Như vậy pháp thứ hai là phải dùng tác ý *“phòng hộ”* để diệt trừ lậu hoặc. Vậy phòng hộ nghĩa là gì?

Phòng hộ nghĩa là giữ gìn bảo hộ sáu căn: mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý. Vậy bảo hộ sáu căn như thế nào?

Khi bước ra khỏi thất thì nên như lý tác ý *“Mắt phải nhìn xuống bước đi, không được nhìn qua nhìn lại, liếc dọc liếc ngang”* hoặc *“Tai phải lắng nghe bước đi, không được nghe âm thanh bên ngoài”*. Đó là dùng pháp như lý tác ý để phòng hộ mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý. Chúng ta hãy lắng nghe lời Phật dạy:

“Này các Tỳ Kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ?”

Ở đây, có Tỳ Kheo như lý giác sát, sống phòng hộ với sự phòng hộ con mắt.

Này các Tỳ Kheo, nếu Tỳ Kheo ấy sống không phòng hộ với sự phòng hộ con mắt, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có

thể khởi lên. Nếu sống phòng hộ với sự phòng hộ con mắt, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa.

Tai, mũi, miệng, thân, ý đều phải phòng hộ như vậy. Nay các Tỳ Kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ”.

Chúng tôi xin nhắc lại các bạn: Pháp phòng hộ sáu căn như ở trên đây là pháp phòng hộ như lý tác ý. Nhưng muốn phòng hộ sáu căn mà không giữ hạnh độc cư thì chúng tôi tin rằng các bạn khó mà phòng hộ sáu căn được, dù bạn rất chuyên cần tu tập pháp như lý tác ý, mà cứ buông lung phóng dật nói chuyện, thì chất lượng tu tập sẽ không đạt được hay chỉ là dậm chân tại chỗ mà thôi.

- Phương cách thứ ba, tu tập tâm vô lậu bằng pháp Như Lý Tác ý Đức Phật đã dạy: *“Có những lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ.”* Như vậy pháp thứ ba là phải dùng tác ý *“thọ dụng”* để diệt trừ lậu hoặc. Vậy thọ dụng nghĩa là gì?

Thọ dụng là chấp nhận những vật dụng cần thiết vừa đủ để giữ gìn cơ thể không đói khổ, rét lạnh, muỗi mòng, nắng, gió, mưa, bão, che đậy kín đáo không được trần truồng, v.v...

Ví dụ 1: Một người ngồi thiền bị muỗi mòng cắn đốt mà cứ cố gắng ngồi chịu đau, ngứa rất là khổ sở, nhưng lại tác ý theo kiểu tà tư duy: *“Ta đang ngồi thiền bị muỗi mòng cắn là để trả nhân quả đời trước, cố gắng giữ tâm bất động mặc cho muỗi mòng cắn”*. Còn nếu người ấy tác ý theo kiểu chánh tư duy: *“Ta ngồi thiền bị muỗi mòng cắn, ta nên thọ dụng màn che, để diệt trừ lậu hoặc do muỗi mòng tạo ra”*.

Ví dụ 2: Khi ta bị bệnh, sức tu tập làm chủ bệnh chưa trọn vẹn, có nghĩa là câu hướng tâm như lý tác ý: *“An tịnh thân*

hành tôi biết tôi hít vô ...” chưa có hiệu lực thì ta nên tác ý thọ dụng thuốc thang để bệnh đau được giảm thiểu tối đa và hết bệnh, tức là tác ý thọ dụng thuốc để làm cho lậu hoặc được đoạn diệt. Tu tập như vậy là do thọ dụng để đoạn trừ lậu hoặc. Đúng như lời Đức Phật đã dạy dưới đây:

“Này các Tỳ Kheo. Thế nào là các lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ?

Ở đây, có Tỳ Kheo như lý giác sát, sống thọ dụng y phục, chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa ngứa, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi muỗi, gió, sức nóng của mặt trời, các loại bò sát, chỉ với mục đích che đậy sự trần truồng...

Vị ấy như lý giác sát, thọ dụng món ăn khát thực không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ thân này sống đúng Phạm hạnh. Nghĩ rằng: (Như lý tác ý) Như vậy ta đã diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn.

Vị ấy như lý giác sát, thọ dụng sàng tọa, chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi muỗi gió, sức nóng của mặt trời, các loại bò sát, chỉ để giải trừ nguy hiểm của thời tiết, chỉ với mục đích sống độc cư an tịnh.

Vị ấy như lý giác sát, thọ dụng được phẩm trị bệnh chỉ để ngăn chặn các cảm giác khổ thống đã sanh để được ly khổ hoàn toàn.

Này các Tỳ Kheo, nếu vị ấy không thọ dụng như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu vị ấy thọ

dụng như vậy các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa.

Này các Tỳ Kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ”.

Thưa các bạn! Chúng ta nên lưu ý lời dạy trên đây của Đức Phật. Nếu chúng ta không hiểu lời dạy này thì chúng ta chẳng khác gì các Tăng, Ni của Đại Thừa, Thiên Tông, Mật Tông, Tịnh Độ Tông, v.v... sống lợi dưỡng, phi Phạm hạnh. Ở đây chúng ta tác ý thọ dụng cho một đời sống Phạm hạnh, có nghĩa là phải sống thiếu dục tri túc, ba y một bát, tứ sự vừa đủ không được cất giữ thừa dư. Và thọ dụng như vậy mới đúng nghĩa của một bậc Thánh Tăng đoạn trừ lậu hoặc.

- Phương cách thứ tư, tu tập tâm vô lậu bằng pháp Như Lý Tác ý mà Đức Phật đã dạy: *“Có những lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ.”* Như vậy pháp thứ tư là phải dùng tác ý *“kham nhẫn”* để diệt trừ lậu hoặc. Vậy kham nhẫn nghĩa là gì?

Kham là chịu đựng; nhẫn là nhịn nhục. Vậy kham nhẫn có nghĩa là nhịn nhục chịu đựng bất cứ một ác pháp nào xảy đến.

Ví dụ 1: Như mùi hôi thối xông lên, khiến cho chúng ta rất khó chịu, nhưng chúng ta vẫn kham nhẫn an nhiên không bị chi phối tâm, vẫn sống một cách tự nhiên không hề than trách như thế này, như thế khác. Muốn đạt được tâm như vậy chúng ta phải dùng pháp Như Lý Tác Ý: *“Tâm phải bất động, mùi hôi thối là hương trần. Hương trần là pháp vô thường lúc có, lúc không ta chẳng hề sợ hãi. Hương trần hãy đi! Đi!!! Ta không hề sợ hãi người”.* Hoặc chúng ta tác ý câu khác *“Tâm phải thanh thản an lạc trước mùi hôi thối, tránh né là hèn yếu”...*

Ví dụ 2: Ở một nơi có ruồi muỗi nhiều chúng ta vẫn sống, vẫn thân nhiên, nhưng biết giữ gìn vệ sinh ngăn và chặn chúng tạo thành một môi trường không ô nhiễm thanh tịnh, chứ không tránh né. Đó là chúng ta kham nhẫn và thiện xảo, chứ không phải vì vậy mà tránh né và tìm cách diệt chúng với lòng thiếu sự thương yêu.

Kham nhẫn có nhiều đối tượng như: thời tiết nóng lạnh, đói khát, ruồi muỗi, mạ lỵ, phỉ báng; các cảm thọ đau đớn, nhứt nhối, sung sướng, thích thú, sợ hãi lo lắng, phiền não, giận hờn, v.v... Tất cả những đối tượng trên đây khi gặp đều phải kham nhẫn.

Chúng ta hãy đọc lại đoạn kinh dưới đây, mà Đức Phật đã dạy kham nhẫn để đoạn trừ lậu hoặc một cách rõ ràng và cụ thể hơn:

“Và này các Tỳ Kheo, thế nào là lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ?

Này các Tỳ Kheo, ở đây, có Tỳ Kheo như lý giác sát, kham nhẫn lạnh, nóng, đói khát, sự xúc chạm của ruồi muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát; kham nhẫn những cách nói mạ lỵ, phỉ báng.

Vị ấy có tính kham nhẫn các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ, khốc liệt, đau nhối, nhứt nhối, không sung sướng, không thích thú, chết điếng người.

Này các Tỳ Kheo, nếu vị ấy không kham nhẫn như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy kham nhẫn như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa.

Này các Tỳ Kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ”.

Nếu đoạn kinh này không được giảng trạch rõ ràng qua kinh nghiệm của một người tu chứng, thì chúng ta chỉ còn biết kham nhẫn, chịu đựng bằng cách ức chế tâm trước các ác pháp và các cảm thọ. Phải không hỡi các bạn? Ở đây, khi Đức Phật dạy đến chỗ kham nhẫn để đoạn trừ lậu hoặc thì Ngài đã không quên trang bị cho chúng ta một phương pháp tuyệt vời để kham nhẫn. Đó là pháp môn Như Lý Tác Ý. Chúng tôi đọc lại đoạn kinh mà Đức Phật chỉ dạy cách thức đoạn trừ lậu hoặc bằng pháp môn Như Lý Tác ý cho các bạn. Các bạn hãy lắng nghe: “*Này các Tỳ Kheo, do như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt*”.

Khi tu tập để diệt trừ lậu hoặc với tri kiến, với phòng hộ, với thọ dụng, với kham nhẫn, với tránh né, với trừ diệt và với tu tập, thì đều phải dùng pháp Như Lý Tác Ý. Nếu không dùng pháp Như Lý Tác Ý mà tu tập bảy pháp trên đây để diệt lậu hoặc thì đó là ức chế tâm, chứ không phải đoạn diệt lậu hoặc.

Tóm lại bài kinh “*Tất Cả Lậu Hoặc*” là Đức Phật dạy cho chúng ta bảy cách diệt lậu hoặc bằng pháp môn “*Như Lý Tác Ý*” Xin các bạn lưu ý và nhớ kỹ cho bài kinh này, chỉ có một nghĩa duy nhất, không còn có nghĩa nào khác nữa. Con đường tu theo Phật Giáo khi đoạn trừ tất cả lậu hoặc là chứng đạo. Thiền định của Đạo Phật là một loại thiền định nhằm vào chỗ đau khổ của con người, tu tập để đẩy lui và diệt chúng ra khỏi thân tâm. Những pháp môn tu tập như vậy không có khó khăn, không có mệt nhọc các bạn ạ! Chỉ cần bạn có ý chí, có nghị lực, có gan dạ là tâm các bạn sẽ vô lậu hoàn toàn. Vì thế Đức Phật dám xác định thời gian tu tập: 7 ngày, 7 tháng, 7 năm là thời gian cuối cùng ai cũng có thể làm được, chứ không phải chỉ có người căn cơ cao mới tu tập được

- Phương cách thứ năm, tu tập tâm vô lậu bằng pháp Như Lý Tác Ý. Đức Phật đã dạy: *“Có những lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ.”* Như vậy pháp thứ tư là phải dùng tác ý *“tránh né”* để diệt trừ lậu hoặc. Vậy tránh né nghĩa là gì?

Tránh né có nghĩa là không dám gần gũi, *tránh xa, không dám gặp mặt, không dám ở gần.* Người xưa dạy: *“chọn Thầy mà học, chọn bạn mà chơi. “Thói thường gần mực thì đen, anh em bạn hữu ta nên chọn người”.* Tránh những người bạn xấu ác, tránh những người uống rượu say sưa, tránh những người hung ác, nói dối, nói lời hung ác, tránh những người cờ bạc gian tham, trộm cướp, tà dâm, tránh những người gian xảo, tránh những con thú vật dữ,v.v...Trong Đạo Phật dạy chúng ta sống độc cư, đó là mục đích tránh né với những người ác, những lời nói ác, những lời nói xấu người khác, v.v...

Hãy đọc lại đoạn kinh mà Đức Phật đã dạy chúng ta tránh né các ác pháp để thân tâm không bị lậu hoặc tác động:

“Và này các Tỳ Kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ”?

“Này các Tỳ Kheo, ở đây Tỳ kheo như lý giác sát tránh né voi dữ, tránh né ngựa dữ, tránh né bò dữ, tránh né chó dữ, rắn, khúc cây, gai gổc, hổ sâu, vực núi, ao nước nhóp, vũng nước. Có những chỗ ngồi không xứng đáng ngồi, những trú xứ không nên lai vãng, những bạn bè ác độc nếu giao du thì bị các vị đồng Phạm hạnh có trí nghi ngờ, khinh thường; vị ấy như lý giác sát tránh né chỗ ngồi không xứng đáng ấy, trú xứ không nên lai vãng ấy và các người độc ác ấy”.

“Này các Tỳ Kheo, nếu vị ấy không tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy

tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa”.

“Này các Tỳ Kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ”.

Đoạn kinh này dạy chúng ta tránh né bằng sự tác ý hướng tâm hằng ngày để khi gặp cảnh mà biết phòng ngừa kịp thời.

Thưa các bạn! Trên đây là pháp tránh né để diệt lậu hoặc. Vậy các bạn đến đây tu hành để diệt lậu hoặc hay để nuôi lậu hoặc?

Các bạn về đây là có một mục đích cao cả, sống như Phật, sống như Pháp, sống như Giới, sống như chúng Thánh Tăng. Vậy mà các bạn còn thích hội họp nói chuyện, còn thích kết bè kết bạn, còn thích ăn, thích ngủ...Như vậy các bạn có tránh né không? Các bạn có làm đúng lời dạy của Đức Phật không?

Muốn hết lậu hoặc thì phải sống độc cư cho trọn vẹn, phải sống đúng giới hạnh. Nếu sống không đúng như vậy, thì tu theo Phật Giáo đâu có ích lợi gì các bạn ạ!? Chỉ uông cho một đời người chẳng ích lợi cho mình mà còn mang tiếng lừa đảo người khác nữa. Không tu thì thôi mà đã tu thì phải tu cho đúng pháp của Phật, đừng tu theo pháp của Tổ Sư mà cho rằng tu theo pháp của Phật thì chúng tôi e rằng các bạn sẽ có tội rất nặng, trước khi chết các bạn phải sống một khoảng đời trong thảm trạng thương đau trên giường bệnh, dù các đệ tử của các bạn có che dấu gì thì làm sao che dấu được với người có trí tuệ Tam Minh.

Cho nên, người có trí tuệ Tam Minh quan sát biết các Tổ tu hành đến đâu; biết tất cả các pháp môn của các Tổ nào tu hành chỉ rơi vào tướng định, thần thông tướng, trí tuệ

tưởng, thế giới tưởng, Phật Tánh tưởng, Cực Lạc tưởng, Niết Bàn tưởng, v.v...

Người có trí Tam Minh biết các Tổ trước khi chết bị nhân quả hành hạ xác thân khổ đau như thế nào? Biết rất rõ tâm các Tổ tu hành còn tham, sân, si hay đã chấm dứt tham, sân, si, v.v... Thấy biết rõ như thật không có gì che dấu người có trí Tam Minh. Do đó chúng tôi khẳng định pháp môn tu hành hiện giờ của Đại Thừa và Thiên Đông Độ là những pháp tướng. Xin các bạn nên lưu ý điều này, vì chọn sai pháp sẽ đưa các bạn vào đường cùng, có khi bị điên khùng cho đến chết.

- Phương cách thứ sáu, tu tập tâm vô lậu bằng pháp Như Lý Tác Ý mà Đức Phật đã dạy: *“Có những lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn trừ.”* Như vậy pháp thứ sáu là phải dùng tác ý “trừ diệt” để diệt trừ lậu hoặc. Vậy trừ diệt nghĩa là gì?

Trừ diệt là làm cho sạch không còn nữa. Toàn câu trên đây nghĩa là: Có những lậu hoặc cần phải trực tiếp đoạn trừ lậu hoặc cho thật sạch.

Ví dụ 1: Chưa đến giờ ăn mà bụng đói muốn ăn thì nhất định không ăn. Ăn phải đúng giờ, chứ không được ăn phi thời. Và sự quyết định không ăn đó bằng phương pháp như lý tác ý: *“Phải từ bỏ tính tham ăn uống phi thời. Muốn làm một vị Thánh Tăng mà ăn uống phi thời thì nghĩa lý gì là một Thánh Tăng?”*

Ví dụ 2: Chưa đến giờ ngủ mà muốn đi ngủ thì nhất định không đi ngủ, nhất định không ngủ phi thời, nhưng không ngủ phi thời thì không phải dễ. Phải không các bạn? Muốn không ngủ phi thời thì phải có phương pháp diệt trừ, phá hôn trầm, thù miên. Hôn trầm, thù miên cũng là một lậu hoặc như các lậu hoặc khác. Muốn diệt trừ nó

có nhiều phương pháp, nhưng ở đây Đức Phật dạy bằng phương pháp như lý tác ý: *“Hôn trầm, thù miên là một trạng thái ngu si, ta phải từ bỏ xa lìa, đoạn diệt, làm cho thật sạch”*.

Khi bị hôn trầm thù miên tấn công thì chúng ta vừa đi kinh hành vừa tác ý: *“Với tâm định tĩnh tôi biết tôi đi kinh hành, chân trái bước. Với tâm định tĩnh tôi biết tôi đi kinh hành, chân phải bước”*.

Trên đây là những lậu hoặc cần phải trực tiếp diệt trừ như: Tâm tôi có tham thì tôi biết tâm có tham. Tâm có tham thì cần phải diệt trừ bằng câu pháp hướng: *“Tham là ác pháp là khổ đau hãy đi, đi!”* hoặc *“Tham không phải là ta. Ta không chấp nhận người, người hãy đi, đi!”*

Tâm tôi có sân thì tôi biết tâm có sân. Tâm có sân thì cần phải diệt trừ bằng câu pháp hướng: *“Sân là ác pháp là khổ đau hãy đi, đi !”* hoặc *“sân không phải là ta. Ta không chấp nhận người, người hãy đi, đi!”*

Chúng ta hãy lắng nghe Đức Phật dạy:

“Và này các Tỳ Kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn trừ?”

Này các Tỳ Kheo, ở đây, Tỳ Kheo như lý giác sát không có chấp nhận dục niệm khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận. Không cho tồn tại dục niệm ấy; không có chấp sân niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận. Không cho tồn tại sân niệm ấy; không có chấp các ác bất thiện pháp luôn luôn khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận. Không cho tồn tại các ác bất thiện pháp ấy.

Này các Tỳ Kheo, nếu vị ấy không trừ diệt như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy trừ

diệt như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa.

Này các Tỳ Kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn trừ”.

Lời dạy trên đây rất rõ ràng, muốn diệt trừ các lậu hoặc này thì phải có đầy đủ nghị lực, phải có sự quyết chí, gan dạ ngăn chặn không để tâm làm theo dục. Nguyên chết bỏ chứ không làm nô lệ, tay sai cho dục. Có quyết tâm cao như vậy thì mới thắng được dục.

- Phương cách thứ bảy, tu tập tâm vô lậu bằng pháp Như Lý Tác Ý. Đức Phật đã dạy: *“Có những lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ.”* Như vậy pháp thứ bảy là phải dùng tác ý *“tu tập”* để diệt trừ lậu hoặc. Vậy tu tập nghĩa là gì?

Tu tập là dùng ý thức tư duy, suy nghĩ cái đúng, cái sai, cái thiện, cái ác, v.v... Chọn lựa từng câu tác ý cho hợp với đặc tướng của mình, hoặc chọn lựa những hành động nội ngoại của thân, để tạo thành niệm. Nhờ nương niệm ấy tu tập tỉnh giác, nhờ tỉnh giác an trú thân tâm, nhờ an trú thân tâm mới xả ly tham, sân, si, mạn, nghi được.

Thưa các bạn! Muốn tu tập để đoạn diệt lậu hoặc thì các bạn phải biết các pháp nào tu tập trước tiên. Vậy, pháp môn trước tiên để các bạn tu tập là pháp nào, các bạn có biết chăng? Có lẽ các bạn sẽ trả lời: Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ, hay Định Niệm Hơi Thở, v.v... Không phải đâu các bạn ạ! Pháp các bạn đầu tiên mới vào tu tập là pháp môn Bảy Giác Chi. Vậy Bảy Giác Chi là gì? Bảy Giác Chi gồm có:

Trạch Pháp Giác Chi
Niệm Giác Chi
Tỉnh Tấn Giác Chi
Khinh An Giác Chi

**Hỷ Giác Chi
Định Giác Chi
Xả Giác Chi**

Muốn tu tập đoạn diệt lậu hoặc thì Trạch Pháp Giác Chi là pháp môn tu tập thứ nhất. Tại sao nó là pháp môn tu tập thứ nhất? Muốn biết tại sao nó là pháp môn tu tập thứ nhất thì phải hiểu nghĩa.

Vậy Trạch Pháp Giác Chi là gì? Trạch Pháp Giác Chi có nghĩa là chọn lựa pháp môn tu tập để được giác ngộ giải thoát. Người tu tập mà không biết chọn pháp môn tu hành là người thiếu cân nhắc, thiếu tư duy, thiếu sáng suốt, thường nhẹ dạ, yếu lòng, dễ bị người khác lừa đảo. Những người như vậy là những người mê tín, cuồng tín trong tôn giáo. Hầu hết một số người chỉ tin theo pháp môn Đại Thừa và Thiền Tông nên không chịu nghiên cứu vì thế tu gần chết mà chẳng giải thoát được những gì, suốt đời chỉ tu tập nhưng cuối cùng tay trắng cũng là tay trắng.

Bởi vậy, muốn tu tập thì phải chọn lựa pháp, chứ không lẽ muốn tu mà dụng pháp nào cũng tu tập pháp nấy sao? Tu như vậy là tu trong ngu si, dễ bị người khác lừa đảo pháp giả. Do không trạch pháp, dễ rơi vào cạm bẫy của tà pháp ngoại đạo. Vì không biết trạch pháp nên tín đồ Phật Giáo đã rơi vào rọ lưới của Đại Thừa và Thiền Đông Độ. Biết bao nhiêu công sức và tiền của đồng bào Phật tử đổ vào nơi đây như núi như rừng, nhưng xét cho cùng thì chẳng có ích lợi gì chỉ là một tâm lý thư giãn của những người cuồng tín.

Phật Giáo Nguyên Thủy dạy chúng ta bắt đầu vào pháp tu tập là phải biết chọn lựa pháp. Chọn lựa pháp tức là Trạch Pháp Giác Chi. Vì qua kinh nghiệm tu hành của Đức Phật ngày xưa, khi đi tu Ngài chỉ biết tin mù quáng theo lời dạy của các vị Bà La Môn, cho nên sáu năm khổ

hạnh nơi rừng già, thân mình tiêu tụy đi hết muốn nổi như sắp chết, mà chẳng được lợi ích gì cho kiếp đời khổ đau.

Sau khi tự tìm ra đường lối tu tập thì Ngài cảm thấy như không có gì khó khăn và mệt nhọc, chỉ cần biết cách xả tâm đúng như bảy trường hợp trên đây. Và trường hợp cuối cùng để xả tâm bằng những pháp môn tu tập, nhưng phải dùng pháp như lý tác ý đi song hành theo bảy trường hợp xả tâm.

Khi bắt đầu vào pháp tu tập thì phải sử dụng pháp Bảy Giác Chi, dù là sống đời sống Phạm hạnh vẫn phải sử dụng Giác Chi cho đến pháp tu cuối cùng để nhập các định và thực hiện Tam Minh cũng phải dùng Bảy Giác Chi, nhưng nó không phải là Bảy Pháp Giác Chi mà là bảy năng lực Giác Chi. Đây chúng ta hãy đọc đoạn kinh này thì thấy rõ ràng là Đức Phật đã dạy:

1/ “Này các Tỳ Kheo, nếu vị ấy không tu tập như lý giác sát tu tập Trạch Pháp Giác Chi, Trạch Pháp Giác Chi này không y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, y hướng đến từ bỏ.”

2/ “Này các Tỳ Kheo, nếu vị ấy không tu tập như lý giác sát tu tập Niệm Giác Chi, Niệm Giác Chi này không y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, y hướng đến từ bỏ.”

3/ “Này các Tỳ Kheo, nếu vị ấy không tu tập như lý giác sát tu tập Tinh Tấn Giác Chi, Tinh Tấn Giác Chi này không y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, y hướng đến từ bỏ.”

4/ “Này các Tỳ Kheo, nếu vị ấy không tu tập như lý giác sát tu tập Khinh an Giác Chi, Khinh an Giác Chi này không y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, y hướng đến từ bỏ.”

5/ “Này các Tỳ Kheo, nếu vị ấy không tu tập như lý giác sát tu tập Hỷ Giác Chi, Hỷ Giác Chi này không y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, y hướng đến từ bỏ.”

6/ “*Này các Tỳ Kheo, nếu vị ấy không tu tập như lý giác sát tu tập Định Giác Chi, Định Giác Chi này không y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, y hướng đến từ bỏ.*”

7/ “*Này các Tỳ Kheo, nếu vị ấy không tu tập như lý giác sát tu tập Xả Giác Chi, Xả Giác Chi này không y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, y hướng đến từ bỏ.*”

“*Này các Tỳ Kheo, nếu vị ấy không tu tập như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy tu tập như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa.*”

“*Này các Tỳ Kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ.*”

Đọc bài kinh trên, chúng ta thấy Đức Phật dạy tu tập xả tâm rất tỉ mỉ. Mỗi tâm niệm trong ta khởi lên ở nhiều góc độ ác pháp khác nhau. Do đó Đức Phật đã chia làm bảy cách đoạn diệt lậu hoặc, tùy theo mỗi lậu hoặc dùng pháp tác ý mà diệt chúng. Có pháp môn tu tập trực tiếp diệt lậu hoặc như vậy, thế mà trên đường tu tập chúng ta còn gặp biết bao thứ lậu hoặc rất cứng đầu và khó trị. Cho nên nhìn lại pháp tu tập của các Tổ sư thấy rõ chỉ Đại Thừa và Thiền Tông là những loại pháp môn tránh né, trốn chạy lậu hoặc. Tu như vậy, dù có tu muôn kiếp cũng chẳng đi đến đâu, chỉ uống phí một đời tu mà thôi. Các bạn cứ suy ngẫm lại xem có đúng không?

Bài kinh trên đây là một bài kinh rất tuyệt vời giúp cho mỗi hành giả đoạn trừ lậu hoặc tận gốc.

BỜ BÊN NÀY, BỜ BÊN KIA

Hỏi: *Kính thưa Thầy, nếu thuận tiện xin Thầy cho con được biết: Thầy Thiện Thuận và một số quý Thầy, quý Cô đã*

tu tập lâu nay tại tu viện như vậy đã chứng đạt quả A La Hán hay chưa? (Câu hỏi của Cư Sĩ Chiêm Tuân)

Đáp: Có lẽ, Chiêm Tuân chưa đọc bài kinh: “*Bờ bên này và bờ bên kia*” trong tập II Những Lời Phật Dạy nên chưa rõ quả vị A La Hán như thế nào mới có câu hỏi như trên. Nếu đã đọc được bài kinh này rồi thì biết rằng đệ tử của tu viện Chơn Như đã đạt được quả giải thoát không phải là ít, chỉ có những người vô minh ngu si mới ở bờ bên này mà chịu khổ đau.

Người có trí tuệ một chút, sống đúng đạo đức không làm khổ mình khổ người là quả vị A La Hán ngay tại chỗ đó, chứ còn chờ quả A La Hán nào nữa các bạn. Đúng như vậy đó!

Mục đích của Đạo Phật là thoát khổ đau của kiếp làm người, tức là tâm không còn bị ác pháp tham, sân, si chi phối. Đó là bờ bên kia, là quả vị A La Hán.

Cho nên đệ tử của tu viện Chơn Như, những người trí đều ở bờ bên kia, chỉ có những người không trí mới chịu ở bờ bên này. Có đúng như vậy không quý Phật tử?

Quả A La Hán tu tập đâu phải khó đối với Phật Giáo, chỉ có những người sống phạm giới, phá giới, sống thiếu đạo đức làm người, tu tập những pháp môn viển vông đầy ảo tưởng, ham thích thần thông, ngồi thiền nhập định “*cóc*” thì quả A La Hán chứng quá khó.

Câu trả lời của Thầy chính là Đức Phật đã xác định rất rõ ràng trong những tập sách Những Lời Phật dạy xin các bạn đọc kỹ lại từng lời Đức Phật dạy thì không còn nghi ngờ.

Sau cùng Thầy xin thành tâm chúc các bạn luôn ở bờ bên kia và chúc cư sĩ Chiêm Tuân xả tâm tốt.

QUẢ A LA HÁN

***Hỏi:** Kính thưa Thầy! Có người cho chúng con biết ý kiến khi đọc xong bức thư Thầy trả lời cho cư sĩ Chiêm Tuân ở trên. Người ấy bảo rằng: “Phật và Thầy nói chứng quả A La Hán thì dễ dàng, nhưng chúng con tu tập sức cùng, lực kiệt mà vẫn chưa nhiếp phục được tâm, nhiều khi tâm thôi chuyển muốn bỏ cuộc.*

***Đáp:** Thật đáng thương cho quý Phật tử! Từ lâu quý vị bị ảnh hưởng Đại Thừa đã tưởng nghĩ Phật Giáo là một tôn giáo quá cao siêu vi diệu, ngoài sức lực của con người, không ngờ Phật Giáo chỉ là một nền đạo đức của loài người. Đạo đức không làm khổ mình khổ người. Người có đạo đức là có sự giải thoát. Cho nên sự giải thoát ấy trong tầm tay của quý vị.*

Để chứng minh cho lời chúng tôi nói, xin các bạn vui lòng đọc lại những lời Đức Phật dạy thì rõ: “Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: “Ta đã giải thoát”. Vị ấy biết: “Sanh đã diệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm, đã làm, sau đời hiện tại không có đời nào khác nữa”. Như vậy, này các Gia chủ, được gọi là hạng người không tự làm khổ mình, không chuyên tự làm khổ mình, không làm khổ người, không chuyên làm khổ người; ngay trong hiện tại, không có tham dục, không có khao khát, cảm thấy mát lạnh, cảm thấy lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể”.

Qua lời dạy này, chúng ta suy ra mới thấy rõ: Chính Phật Giáo dạy tu tập giải thoát trong tầm tay của mọi người mà

mọi người không hiểu, vì thế biến Phật Giáo thành một tôn giáo ảo tưởng, trong khi giáo lý của Phật chỉ là bốn chân lý của loài người. Bốn chân lý của loài người chỉ là nền đạo đức nhân bản - nhân quả.

Người nào sống đúng đạo đức nhân bản - nhân quả không làm khổ mình không làm khổ người là người chứng quả A La Hán. Phải không hồi các bạn?

Chỉ vì các bạn cho quả A La Hán quá cao siêu, ngoài sức lực của bạn, nên mới thấy nó khó, và như ý kiến của các bạn vừa dao động vừa thối lui đã nói ra *“chúng con tu tập sức cùng, lực kiệt mà vẫn chưa nhiếp phục được tâm, nhiều khi tâm thôi chuyển muốn bỏ cuộc”*. Lời nói này chứng tỏ các bạn đã bị quan tiêu cực trước mặt trận sinh tử, khiến cho các bạn không còn tinh thần tích cực chiến đấu với mặt trận nội tâm.

Chúng tôi xin hỏi và các bạn vui lòng thẳng thắn trả lời, đừng vì vừa lòng chúng tôi:

Các bạn có biết trạng thái Niết Bàn và trạng thái tâm của một bậc chứng quả A La Hán như thế nào chưa? Nếu biết thì các bạn cứ trả lời đi! Còn nếu chưa biết thì xin các bạn hãy lắng nghe chúng tôi trả lời:

Khi các bạn bị một người khác chửi mắng, mạ lỵ, mạ sát, các bạn tức giận mặt đỏ, tía tai, v.v... Lúc bấy giờ trạng thái tâm của các bạn như thế nào? Các bạn có biết không? Đó là địa ngục, là bờ bên này, đây các bạn ạ! Cũng trường hợp như trên nhưng tâm các bạn bất động không tức giận, luôn luôn thấy thanh thản, an lạc và vô sự. Đó là Niết Bàn, là bờ bên kia, là chứng quả A La Hán các bạn ạ! Như vậy quả A La Hán có khó không các bạn?

Thưa các bạn, khi bạn đến tu viện Chơn Như với mục đích tu tập ly dục ly ác pháp. Vậy hằng ngày tu tập cái gì

các bạn có biết không? Nếu các bạn quyết tâm tu tập để tìm cầu sự giải thoát thì ở đó việc làm của các bạn hằng ngày là không làm theo lòng ham muốn (dục) của các bạn. Và các bạn cũng không chấp nhận những ác pháp bên ngoài, thì làm sao chúng tác động vào thân tâm của các bạn được. Rõ ràng khi đến Chơn Như là các bạn chỉ có một việc làm là ngăn, diệt dục và ác pháp. Ngăn, diệt dục và các pháp thì ngay đó là Niết Bàn, là chứng quả A La Hán. Như vậy các bạn đến tu viện Chơn Như là đã đến bờ bên kia. Có phải vậy không các bạn?

Thưa các bạn! Bắt đầu khởi sự tu chứng quả A La Hán là phải tu chứng quả A La Hán trong một giây. Phật dạy: *“Pháp Ta không có thời gian đến để mà thấy...”* Như vậy thấy cái gì các bạn? Thấy sự giải thoát, thấy quả A La Hán trong một giây đấy các bạn ạ!

Có chứng quả A La Hán từ một giây, rồi mới đến hai giây, 3, 4, 5 giây... Rồi một ngày, bảy ngày; rồi một tháng, bảy tháng; rồi một năm, bảy năm; rồi mãi mãi chứng quả A La Hán. Có đúng như vậy không các bạn?

Tu viện Chơn Như ngay từ phút giây đầu tiên đã trao tặng cho các bạn quả A La Hán, còn giữ được hay không là do các bạn, chứ tu viện Chơn Như không có giữ gìn giúp các bạn được. Tu Viện Chơn Như đã đưa dắt các bạn qua bờ bên kia, còn ở bờ bên kia hay về lại bờ bên này là do các bạn. Như vậy tu sĩ và cư sĩ tại tu viện Chơn Như tu chứng quả A La Hán không phải ít. Cho nên các bạn hỏi tu sĩ và cư sĩ tại tu viện Chơn Như có ai tu chứng quả A La Hán hay không? Thì xin các bạn hãy hỏi lại các bạn!!

Và như vậy quả A La Hán không phải khó. Chỉ khó là do các bạn chưa buông bỏ dục và ác pháp, ... còn hơi tiếc đời.

BẠC HIỀN TRÍ

LỜI PHÁT DẠY

*Nếu gặp bậc hiền trí
Chỉ lỗi và khiển trách
Như chỉ chỗ chôn vàng
Hãy kết thân người trí
Kết thân với vị ấy
Chỉ có lợi không hại.* (Kinh Pháp Cú.VI Panditavagga
Phẩm Hiền Trí).

CHÚ GIẢI:

Thưa các bạn! Trong cuộc đời, gặp được những bậc Hiền Trí rất khó, bởi vì những bậc ấy dám nói thẳng, dám chỉ lỗi, dám khiển trách những chỗ sai lầm của cuộc đời cũng như trong Đạo, để cho mọi người biết mà cố gắng sửa sai. Sửa đời, sửa đạo. Đời và Đạo chưa bao giờ toàn thiện, toàn mỹ cả, chỉ nhờ vào bàn tay của con người uốn nắn sửa sai những lỗi lầm thì mới có ngày được toàn thiện toàn mỹ. Việc làm này không phải một người mà phải nhiều người; nhiều người mà phải sống đoàn kết với nhau thì mới làm được; nhưng không phải làm nhanh chóng được mà phải nhiều năm tháng, trường kỳ sửa sai và uốn nắn những lỗi lầm của mình.

Bậc Hiền Trí chỉ lỗi và khiển trách chúng ta để chúng ta trở thành người tốt, người có đạo đức, thì công ơn ấy rất nặng. Phải không hở các bạn? Cũng giống như người chỉ chỗ chôn của báu, nhờ đó mà chúng ta trở thành giàu có. Do sự ích lợi này, nên Đức Phật khuyên chúng ta:

*“Nếu gặp bậc hiền trí
Chỉ lỗi và khiển trách
Như chỉ chỗ chôn vàng”.*

Đúng vậy, lời chỉ thẳng, nói thẳng là lời vàng ngọc, nhưng người đời không mấy ai hiểu biết, như khi có người chỉ lỗi, khiển trách mình thì sanh tâm thù oán, ghét hận, tìm cách nói xấu và còn hăm hại họ. Có đúng vậy không các bạn?

Đúng vậy, khi chúng tôi vạch trần những cái sai trong các hệ phái của Phật Giáo Đại Thừa, Thiền Tông, Mật Tông, Tịnh Độ Tông và Nam Tông thì chúng tôi bị phản ứng ngay liền. Phản ứng rất mạnh. Họ không những không tiếc lời mạt sát, mạ lị chúng tôi, mà còn mượn kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông chống đối chúng tôi kịch liệt. Nhưng chúng tôi vẫn im lặng, vì biết họ đang mang nhiều kiến chấp sai lầm của Đại Thừa và Thiền Tông. Chúng tôi nghĩ rằng: Cái gì đúng là đúng cái gì sai là sai, không thể có ai bóp méo nó được. Hiện giờ họ nói gì cũng được, thời gian sẽ trả lời với họ. Chúng tôi không có thời gian để luận bàn, vì còn phải làm biết bao công việc để chấn chỉnh lại Phật Giáo, làm cho Phật Giáo có một giáo trình tu học từ lớp một đến lớp tám, mà thời gian tuổi đời chúng tôi còn quá ngắn, chúng tôi có thể kéo dài thêm tuổi thọ, nhưng sợ chúng sanh cứ mãi làm ác thì không đủ phước với chánh pháp của Phật mà họ chỉ luôn hướng về tà giáo của ngoại đạo Bà La Môn Đại Thừa. Nếu như thế, dù muốn dù không buộc lòng chúng tôi phải ra đi trước khi hoàn tất giáo trình.

Do bởi chúng tôi là những người hiểu thật rõ luật nhân quả hơn ai hết; luật nhân nhân quả linh động thay đổi từng sát na. Chúng sanh có sống thiện pháp thì mới đủ duyên với chánh pháp, còn ngược lại sống trong ác pháp thì không đủ duyên, chánh pháp không ra đời. Ngày xưa Đức Phật cũng biết rõ luật nhân quả như thật, nhưng Ngài không thể bỏ chúng sanh vào Niết Bàn ngay khi vừa tu chứng. Ngày nay chúng tôi cũng vậy, phải làm hết sức mình, vì lòng yêu thương không nỡ bỏ chúng sanh lẫn lộn

trong sóng gió ba đào của biển nhân quả. Chúng tôi biết rất rõ điều chúng tôi đang làm là một tiếng chuông cảnh tỉnh sự sống trên hành tinh này.

Thưa các bạn! Chúng tôi vạch ra những cái sai của Phật Giáo là để chúng ta cùng nhau chung lưng đấu cật để chỉnh sửa lại cho Phật Giáo được tốt đẹp hơn.

Từ lâu các bạn như những người mù đi trong đêm tối; chúng tôi hiện giờ là những người cầm đuốc soi đường để cho các bạn đi. Các bạn có biết chăng?

Những bộ sách Văn Hóa Phật Giáo gồm: Đường Về Xứ Phật, Giới Đức Làm Người, Làm Thánh, Mười Giới Đức Thánh Sa Di, Giới Đức Thánh Tăng, Thánh Ni, Những Lời Phật Dạy, Đạo Đức Làm Người, Giáo Án Rèn Nhân Cách, v.v... và gần cả ngàn bài Pháp Thoại, Pháp Âm...Đó không phải là những bó đuốc soi đường cho các bạn sao? Thế sao có một số bạn không biết ơn lại còn nặng lời cho chúng tôi dẹp sạch Phật Giáo, phỉ báng, mạt sát Thầy Tổ; trong khi đó các thầy Đại Thừa và Thiền Tông phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới tan nát, khiến cho Phật Giáo suy đồi, lụn bại, thế mà các bạn không có một tiếng nói để chặn đứng những hành động diệt Phật Giáo này.

Thưa các bạn! Phật Giáo phát triển chạy theo cho hợp thời đại theo kiểu (Đại Thừa) này, thì thử hỏi từ xưa cho đến nay sự phát triển này đã mang lợi ích thiết thực gì cho con người hay chỉ đưa con người sống trong cảnh ảo tưởng, mơ hồ, trùu tượng, biến con người sống trong mê tín, lạc hậu, v.v... tiền mất, tật mang, tổn hao công sức, làm việc nhảm nhí, phi đạo đức. Các bạn có biết chăng?

Những vị Tổ, Sư, Thầy nào đã có ý đồ chủ mưu diệt Phật Giáo bị chúng tôi vạch mặt chỉ tên để cho các bạn biết, thì có bạn lại có những lời lẽ cay độc và còn dùng luật nhân

quả hù dọa chúng tôi: “Đọa địa ngục, mang lông đội sừng”. Chúng tôi đang cố gắng dựng lại những cái gì của Phật Giáo đã bị chìm mất và ném bỏ những cái gì không phải của Phật Giáo.

Trong khi các bạn đang sắp chết chìm trong dòng nước giáo pháp kiến giải, tưởng giải của Bà La Môn, Đại Thừa, Thiên Tông, Mật Tông, Tịnh Độ Tông và cả Nam Tông nữa, chúng tôi đem lợi ích cho các bạn mà chỉ thấy toàn là những lời lẽ phi ơn, phi nghĩa. Như vậy có đúng không các bạn? Trái lại ở đây thì Đức Phật khuyên:

*“Hãy kết thân người trí
Kết thân với vị ấy
Chỉ có lợi không hại ”.*

Thưa các bạn! Các bạn nghĩ sao với những lời dạy này? Riêng chúng tôi, dám ăn, dám nói thì dám chịu về những lời nói của chúng tôi, miễn là chúng tôi làm sáng tỏ lại Phật Giáo, làm cho Phật Giáo tốt hơn, đem lại lợi ích an vui hạnh phúc cho cuộc sống của mọi người thì đó là niềm hân hoan, vui sướng của chúng tôi, chứ chúng tôi không màng danh, lợi và ơn nghĩa của các bạn, mong các bạn hiểu cho. Chúc các bạn an lạc tu tập “*Xã Tâm*” tốt ./.

(Hết Tập Ba – Xin Mời Quý Phật Tử Đọc Tập Tiếp Theo)



(Chư Tăng đi Khất Thực ngộ trai ở tu viện Chơn Như)